

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

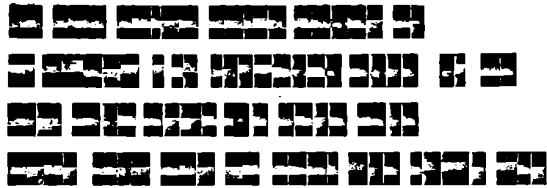
Tạp chí văn nghệ • Lá Bối xuất bản

Coi sóc : HOÀI KHANH

2	Nguyễn Thị Hà	<i>Bóng</i>
3	Thành Tôn	<i>Ranh giới cô đơn</i>
4	Luân Hoán	<i>Ca dao tình yêu</i>
—	Nguyễn Phan Thịnh	<i>Thanh cao như một ánh trời</i>
5	Trần Tuấn Kiệt	<i>Cát biên—Mộng sâu</i>
6	Thái Tú Hạp	<i>Nụ chào bao dung</i>
7	Hoàng Thị Thủy Tiên	<i>Nhìn lên</i>
8	Huy Lực	<i>Huyền trang — Trùng dương</i>
9 — 10	Hoài Khanh	<i>Mưa và đất - Trời mưa nghe nhạc J.Strauss</i>
11	Nhất Hạnh	<i>Duy thị nhất tâm</i>
12 — 21	Võ Hồng	<i>Mẹ gà con vịt</i>
22 — 31	Martin Heidegger	<i>Hoelderlin và yếu tính của thi ca</i>
32 — 36	Hồ Hữu Tường	<i>Quả trứng mầu</i>
37 — 41	Sơn Nam	<i>Viếng mũi Cà Mau</i>
42 — 50	Trụ Vũ	<i>Trung thu đợi người</i>
51 — 56	Nhất Hạnh	<i>Nói với tuổi hai mươi</i>
57 — 59	Phạm Duy	<i>Tâm ca số 5</i>
60 — 68	Ruth Jhabvala	<i>Cuộc khảo sát</i>
69 — 74	Vương Pên Liêm	<i>Lược sử ĐLGDCĐ</i>
75 — 79	Chín	<i>Xóm Đáy</i>
80 — 87	Hoài Khanh	<i>Thành phố đi rồi</i>
88 — 98	Nhất Hạnh	<i>Nẻo về của ý (truyện dài)</i>

Số 5 tháng mười một năm 1965

bóng



từ em gối lẻ âm thầm
mù gương bóng nhạt bụi nằm quanh hiu
trắng dài ngõ cánh tay yêu
cười trong giấc mộng thôi liễu tuổi hoa

từ anh muôn dặm quan hà
gươm thiêng người đất giáo xa hôn trời
thân mù nhịp trống chơi vơi
lên yên bỗng lạ một thời tuổi em



NGUYỄN THỊ HÀ

ranh giới cô đơn

vui riêng, cười lẻ, khóc thầm
đời sao sống vậy hồi âm cõi nào
vô ra nhật bóng lao đao
co thân thủ thế trông vào những đâu

nhện buồn chỉ đó canh trâu
lưới chẳng hồn dưng mắt sầu nhật thừa
tới lui chân lạc tay thừa
mẹ cha cũng vậy nên chưa hiểu giùm

xuống lên trời tận đất cùng
anh em ngày một muôn trùng cách xa
máu hồng mạch sẻ lần qua
bàn chân vĩa phố một ta kẻ chờ

dây thừa chấp nẻo ơ thờ
ngọn đèn chứng dấm cũng mờ bóng quen
sống không tiếng động, thân hèn
lại qua cũng vậy chi bèn thu thân

đi về bóng lạ bàn chân
dòng sông nghiệp dĩ tiếp dần biển khơi
quanh co nghĩ rộng đất trời
cái tôi hiện hữu một thời vong nô

khép dần cánh cửa hư vô
thân chưa nhập thế cơ hồ cách xa

THÀNH TÔN

trăm bài lục bát

ca dao tình yêu

Tóc em nổi sợi chưa vừa
cột chân tôi động theo mùa nước sông
đêm kẻ hờn bến hờ không
mái tranh sương giọt đầy lòng chiêm bao
sầy tay em rót sâu vào
chết thân tôi hiện ca dao tạ đời
mai người buồn miệng ngậm chơi
may ra tôi được lên trời đầu thai

LUÂN HOÁN

thanh cao như một ánh trời

từ tôi bài hoài hình hài
về đây vất cả cuộc đời dưới chân
từ tôi lòng dạ ăn năn
thềm con thuyền nhỏ giữa dòng thực hư
ôi thôi trí tối tâm mờ
đã yêu chút sắc đã ngờ chiêm bao
đã đưa hồn phách đi đâu
một miền lửa khói khóc gào bình yên
ôi tôi bạc bẽo căn phần
ôm hôn mép đá giữa vùng cỏ cây
quên quên sống hết con người
thanh cao như một ánh trời cầu xin

Đã lặt 8 - 65

NGUYỄN PHAN THỊNH

cát biển

trong cơn giông bão mịt mù
tiếng con én nhỏ sâu thu gọi người
bến hồng giục giã khôn nguôi
thời gian huyễn mộng cát trôi xa bờ

mộng sầu

ngủ ngoan đôi má em hồng
trăm năm giấc ngủ trong vòng thời gian
thành cao chiều đỏ hanh vàng
con chim đáp lại tiếng vang giữa hồn
im lìm giấc ngủ cô đơn
núi xa vọng gác sông cuồn máu trôi
cũn khô bến lạ sóng đời
chợt nghe chuông động bên đồi trắng xa
tiếng ngân xao xuyến giang hà
con thuyền chở nhớ thương qua biển sầu
đuôi dài giấc ngủ Phi châu,
nằm nghe gió vọng mối sầu Gandhi.

TRẦN TUẤN KIỆT

nụ chào bao dung

xin ngày cho thấy mặt nhau
xin chuông chùa thức đêm sầu bi thương
xin thôi chia nẻo chiến trường
xin cơn đau đón xa nguồn từ ly
xin chiều mắt mẹ từ bi
xin em lặng tiếng ngậm ngùi ru con
xin chim ngợp nắng ruộng đồng
xin mây thu vẫn bênh bờng trên cao
xin anh lời hát ngọt ngào
xin ngàn năm đón nụ chào bao dung
xin sông về kiếp trùng dương
xin cho lòng mẹ thắm hồng tuổi đau
xin tay làm nhịp kinh cầu
xin miền chiến trận suốt đời lãng quên
xin vùng bom đạn ăn năn
xin thân thể xóa điều tàn dẫu xưa
xin van đời những lọc lừa
xin hồn nguyên tử giữa mùa loạn ly
xin em tuổi ngọc huyền vi
xin cho thanh tịnh đời phi nghĩa này ...

9/65

THÁI TỬ HẠP

nhìn lên

Xin về bóng lá quê hương
Bờ ao dâm mát thiên đường tuổi thơ
Sớm mai hồn mượt sương mù
Giữa khuya nường nấu giọng hò ca dao

Xin về nắng muộn mưa rào
Cỏ xanh mượt nụ thâm giao hiền hòa
Cơm nghèo đỏ thắm màu da
Lời ru mẹ ngọt điệu ca cội nguồn

Xin về tiền sử bao dung
Với trăm tình nghĩa bà con nghìn đời
Hồn quê nôi ấm niềm vui
Môi thơm mùa dựng nụ cười tình thương

HOÀNG THỊ THỦY TIÊN

(*quinhơn*)

huyền trang

bay lên ta nhập huyền trang
đường ra cõi thể sen vàng nở hoa
mắt em tròng hạt di đà
khói hương chìm tiếng thịt da kêu buồn
em nhòa nước mắt hơi sương
lên cao lên mãi muôn phương ta về

trùng dương

vào trong lưu nhiệt trùng dương
rong rêu phù thể vô thường lãng ba
mù sương cuộc sống băng hà
tôi hiện sinh đứng khóc òa bến mê
xin em bóng mát đường về
cõi nào đây giữa bốn bề hư không.

HUY LỰC

mưa và đất

Mưa về thành phố rồi đây
Mai sau còn có một ngày trông mưa ?
Nghe vang tiếng thét trên mùa
Ôi cảnh khô mấy nghìn xưa vọng trầm
Đi, về trong cõi xa xăm
Ở đây nào biết ta thắm xót thương
Dòng sông cũng đã lên đường
Núi xanh xa cũng biệt nguồn hơi mây
Đất đau từng quả bom cay
Lòng đau từ thừa chia tay cuộc tình
Nặng nề một bóng hư linh
Đã nghe, từng thấy màu sinh tử bưng
Chiều nào tiếng quốc lâm chung
Bờ hiu hắt rộng sông trùng điệp dâng
Cõi khô bỗng ứa hai hàng
Dòng xanh bỗng dậy vô vàn điệu ru
Mưa về từ cõi hoang vu
Còn ta từ cõi nào thu mối sầu ?

5-10-65
HOÀI-KHANH

trời mưa nghe nhạc

J. Strauss

Trời mưa phố ngủ sương rừng
Dáng em leo lét nửa vừng trăng non
Cây cành trơ nhánh chon von
Rừng xưa chừ cũng mỗi mòn nước sông
Ngày vui vệt nắng xanh hồng
Đêm đi rờn lạnh tiếng cồng thanh thang
Tôi thu mình lắng cung đàn
Chợt mù sương trắng đôi hàng song song
Em vang nức nở giọng đồng
Đôi bờ ngắt lịm theo giòng mưa sa
Hồn run trên phím tay ngà
Dòng sông từ đó chan hòa trong tim

HOÀI KHANH

duy thị nhất tâm

thành trì em năm xưa

ai đã hứa sẽ xây cho vững chãi ?

sáng hôm nay những người cũ bỗng thấy bập bênh
phiêu giạt trên sóng gió đại dương

khò đau xây cho loài người một trú địa cuối cùng,
và nơi đó em sẽ ẩn náu qua đêm dài độc địa.

hãy nhắc lại cho tôi nghe những lời năm xưa tôi đã hứa
để tôi có thể còn có mặt ngày mai mà làm chứng cho em
những mũi tên cắm vào thân thể tôi vẫn còn đây, nguyên
vẹn, chưa bao giờ giao trả

sửa soạn khu vườn xanh của em cho cây trái
tôi cũng sẽ là một con chim như những con chim khác,
suốt đời chỉ tìm tới chốn suối ngọt cây lành.

hãy là chuyển luân thánh vương

ngọn bút nội tâm em sẽ ký sắc lệnh đầy khổ đau
ra ngoài vòng hiện hữu

và gọi về từ muôn phương tản mác nào hoa, nào bướm
cho chồi non tuổi xanh căng nhựa sống,
vũ trụ cười khi hai mắt em cười.

1965

NHẤT HẠNH

MẸ GÀ CON VỊT

VÕ HỒNG

CÓ tiếng la ồn ào ở nhà sau, tiếp tới tiếng cửa đóng sầm và tiếng gà quang quác chạy ngoài sân.

Lại con gà mái đen gây tai hại, tôi vừa nghĩ vừa bước lại cửa sổ nhìn ra sân. Quả đúng là con gà mái đen đang te tái chạy vừa chạy vừa la. Đến cạnh bụi măng cầu, nó đứng dừng, quay mặt lại rồi cục tác từng tràng dài như than thở, như phân trần, như rửa người vừa rượt đuôi nó. Oang vang ở trong bếp là tiếng của con Bốn, tên con nhỏ ở, cũng vừa chửi rửa vừa phân trần :

— Ngày nào cũng lên chui vào bếp. Lật ngã chai, đập bể chén. Bươi cái bếp tro tàn thành hết. Chết cha rồi, ngã bể cái chai dầu rồi. Gà gì mà gà quỉ gà quái.

Hai bên, gà và người không ai chịu nghe ai, cứ tự do làm ồn phần mình.

Con gà mái này do một cô em ở nhà quê đem biếu. Cô em nói :

— Gà này thuộc loại gà quạ, ăn thịt mát lả n, bồ hơn gà trắng gà nở. Ngày mai, con Bốn làm thịt đi, chớ để lẹ nước lẹ gió nó bệnh đi, nó ốm đi.

Con gà bị cột chân bỏ nằm ở sân nhà sau ngằn nhằng nhìn tôi, nhấp nháy trông mắt vàng hoe. Mỏ hé mở và hơi thở làm thoi thóp cái đóc giọng. Tội nghiệp, nó ngây thơ không biết gì cái số phận mà người chủ cũ của nó vừa phác họa cho nó. Một lưỡi dao cắt tiết. Một chảo nước sôi. Vặt lông. Mồ thịt. Xào nấu. Tôi thương hại, đặt một tay sờ lên mái lông vuốt bóng của nó. Con gà «ứ ứ» vừa tránh lui. Tôi cười thầm: «Sắp chết rồi mà vẫn gắng giữ tiết hạnh.»

Theo đề nghị của cô em thì sáng hôm sau là ngày thi hành bản án tử hình con gà. Nhưng mới vừa bảnh mắt, một đứa con nhỏ của tôi, thằng Đức đã la lên.

— Ba ơi, có cái trứng gà ở đâu đây này.

Hai đứa con khác vội nhảy ra khỏi giường không kịp xỏ dép xỏ guốc chạy về phía có tiếng kêu. Dưới chân con gà quả có một cái trứng nằm đó, dính đất cát lem lốt. Con gà mái thì đứng thẳng người, mắt nhìn lảo liên. Chân nó bị buộc vào một đầu dây và đầu dây kia buộc vào một gốc mạn.

Trang, con lớn của tôi thò tay khoèo cái trứng một cách rụt rè. Con gà «cục cục» khiến

nó rút tay trở lại, sợ bị mồi. Thằng Đức lại vỗ vỗ lên lưng gà, miệng an ủi :

— Đừng mồi, con. Chớ có dại. Để chị Trang luộc cái trứng của con.

Cái trứng được nhặt lên, đem nhúng vào thau nước, kỳ cọ một lát và được chuyển tay giữa ba đứa nhỏ. Con Ngân con bé nhất nói :

— Đẹp quá hở anh Đức ? Cái trứng trắng ghê.

— Màu hồng nhạt thế này là trứng gà so đây.

— Gà so là sao hở anh ?

— Là con gà này đẻ lứa đầu tiên đó.

Tiếng cô em ở nhà trên vọng xuống :

— Trứng gà so bồ lăm. Con gà này mới kêu ồ từ hôm kia. Ăn thịt vừa mềm.

BA đứa nhỏ đưa mắt cho nhau, im lặng. Vẻ khó chịu. Thằng Đức như đôi môi, ý chừng muốn bảo : “ Cứ nói ăn thịt hoài ”. Con Ngân không biết rút rè vì nó nhỏ được tôi chiều hơn hết, nói ngay :

— Đừng ăn thịt nó nghe Ba ?

Có Ngân mở đường, Đức tiếp lời :

— Để nó đẻ, Ba à. Ăn thịt nó tội nghiệp.

Con Bốn, con nhỏ ở chuyên môn nêu ra những sự khó khăn :

— Rồi chuồng đâu mà nhốt nó ?

— Nhốt ở cái giỏ cũng được.

— Lúa đâu cho nó ăn ?

— Nó ăn cơm không được sao ?

Tôi đề mặc cho ba đứa con và con Bốn đối đáp nhau. Tôi không trả lời, không

giải quyết và như thế nghĩa là con gà khỏi bị giết.

Con gà hóa thành người bạn mới của ba đứa nhỏ. Buổi sáng đứa nào cũng tranh nhau ném ruột bánh mì cho gà. Buổi trưa, đứa thì ném cơm, đứa thì vắt rau cho gà mồi. Con gà cũng dần dĩ với ba đứa. Khi nó đi bên chân Ngân mà Ngân ngồi xuống ôm nó thì nó đứng yên miệng “ ừ ừ ” khe khẽ như chỉ phản kháng lấy lệ. Thằng Đức bắt được một con dế dũi béo ngậy cầm giữa hai ngón tay miệng tức tức gọi nó thì nó vội chạy lại rồi nhảy lên đóp ngay. Thấy con gà đã hóa thành bạn chơi của ba đứa con, tôi cũng lần lần thương nó. Ba đứa con của tôi cần một người tức trực ở nhà để chúng thương yêu. Tôi thì đi vắng luôn mà nếu có ở nhà thì chúng khó lòng chơi đùa với tôi như với một người bạn nhỏ. Con gà mái hơn một con búp bê nhiều. Con búp-bê chỉ im-lặng và trẻ con phải bắt nó cảm xúc theo ý chúng. Đằng này con gà linh hoạt hơn, ngồi nhìn nó bới đất mồi sâu chạy đuổi theo một con cào cào hay đi lượn thườn trong ánh nắng... lũ trẻ đã thấy vui. Những nỗi vui thay đổi luôn vì con gà có nhiều sáng kiến. Thật cần thiết để lũ trẻ khỏi sống những ngày bằng phẳng, vì thiếu một người mẹ thì cuộc sống trong gia đình không thể không bằng phẳng. Chính người mẹ bày ra cho có việc.

— ... Hôm nay ăn bún chả nhé. Ngân lại ngồi với má tập lát rau. Đây, những lá rau vàng vàng úa úa thế này là phải vắt đi đấy. Trang có thể tĩa ca rút củ cải để ngâm giấm đi. Nhanh lên.

— ... À mùa này có hạt sen tươi đây, món tráng miệng sẽ là chè hạt sen. Trang lo bóc vỏ này. Thằng Đức lấy cái tăm nhỏ mà đây cài ngồi sen đắng ra này. Ừ, có lẽ nên

mua thêm một cái liễn to để đựng xà lách. Lũ nhỏ đã lớn rồi nên chúng đã bắt đầu ăn to.

NHỮNG tiếng nói êm đềm ấy, cái cảnh mẹ con lẳng xăng ấy, đã sáu năm nay không có. Riêng bé Ngân thì chưa bao giờ biết được cái cảnh má con lẳng xăng nó ra thế nào. Vì khi má mất Ngân chỉ mới biết đứng nhìn. Sống với cha thật gần như sống trong một ký túc xá. Ăn, ngủ, học có giờ. Ngủ và học thì không cần có sáng kiến và cũng chẳng thú gì mấy. Mọi sự thích thú quây quần xung quanh việc ăn mà Ba thì không nghĩ đến còn con nhỏ ở thì vừa không có óc phát minh vừa không biết đề nghị. Tôi nghĩ tội nghiệp cho con mình. Những món ăn : sữa, ca cao, chuối, trứng... quả tình không gây thêm thường bằng mít, xoài, ổi, mực khô... Nhưng những món này tùy mùa mới có và có ai theo dõi đâu mà biết ? Có lần tôi đi làm thấy một người đàn bà bẽ trên tay một miếng mít vàng mật. Tôi mới chợt nhớ ra rằng hình như không biết đã mấy năm nay rồi lũ con tôi chưa biết mít là gì. Trưa về tôi hỏi.

— Bốn này, sao không mua mít về cho em ăn ?

Con Bốn trả lời tỉnh táo :

— Thầy không dặn con mua mà.

— Tao biết đâu mà dặn ? Ra chợ thấy món gì ngon thì mua cho em ăn chứ tao đâu có ra chợ mà biết.

Con Bốn « dạ » và sau đó ngày nào nó cũng bắt lũ nhỏ ăn mít. Mấy lần tôi ngồi ở hiệu cắt tóc nhìn ra chợ. Bao nhiêu món ăn thay đổi mà chỉ ngồi ở nhà nghĩ tới

tôi chắc không thể kể ra được quá một phần mười.

Con gà cứ tiếp tục đẻ và lũ trẻ cần mẫn lấy trứng đem cất chỉ để lại một trứng nơi ổ. Cứ đẻ xong một lứa, nghỉ vài mươi ngày nó lại đẻ lại. Nhưng tới một thời kỳ nào đó, nó cứ nhất quyết nằm trên ổ, — với một quả trứng, — mà không chịu bỏ ổ nhảy xuống. Trẻ con lại gần thì nó xù lông lên, mồm la cục cục. Con Ngân chạy vào báo cáo.

— Ba ơi, con gà cứ nằm mãi trên ổ, không chịu xuống.

Con Bốn « ừ » lên một tiếng.

— Nó ấp mà cũng mệt với Ba.

— Ấp gì có một trứng mà cũng ấp, —
Thằng Đức nói.

TÔI giảng cho con :

— Con gà nó phản đối chúng mình.

Trứng nó đẻ mình lấy hết đi nên nó tỏ ý không bằng lòng.

— Mình lấy luôn cái trứng cuối cùng của nó đi xem nó ấp cái gì. Trang đề nghị.

— Dù không có trứng nào, nó vẫn ấp. Đã bảo nó phản đối mà lại.

Con gà mái nằm trên ổ suốt ngày, chỉ trưa nhảy xuống kiếm ăn một lát rồi lại lên nằm. Về mặt nó nghiêm Trang pha một chút giận dữ. Sự kiện mới này xáo trộn cuộc sống bình nhật của ba đứa con. Chúng nó thập thò đi lại đứng ở chuồng gà, lúc thì một đứa đơn chiếc, lúc thì cả ba. Khi có hai đứa hay ba đứa cùng đứng thì chúng chỉ trò và trao đổi ý kiến với nhau. Có lúc thì một đứa giảng giải, hai đứa lắng tai nghe, có lúc thì cả hai đứa tranh nhau nói

mà chẳng đứa nào nghe cả. Riêng con gà thì cứ nhẩn nại nằm đó như một con mẹ nằm vạ. Một hôm sau thằng Đức hớn hờ chạy vào mét vói tôi như vừa khám phá ra một sự lạ :

— Chị Trang lấy mất cái trứng của con gà rồi.

— Đề làm gì ?

— Đề cho con gà khỏi ấp nữa. Chị Trang nói : con gà nó ấp nó cứ nhịn đôi hoai. Chị ôm nó lên thấy nó nhẹ bồng.

Tôi trả lời lơ đãng :

— Tùy ý. Nhưng theo kinh nghiệm thì con gà vẫn không bỏ ồ.

QUẢ đúng như vậy, con gà cứ nằm trên cái ồ trứng. Đưa tay lại gần, nó vẫn xù lông cổ ú ú như đề bảo vệ một bề trứng của nó. Ôm nó ném bỏ xuống đất thì nó xù lông lên vừa đi chậm rãi vừa kêu cục cục. Đi một vòng, nó nhảy lên ồ nằm lại. « Thật là một trạng thái bệnh hoạn » tôi nghĩ.

Sau đó, một hôm Trang đề nghị :

— Con có ý kiến này : mình mua trứng vịt lộn đem bỏ cho nó ấp.

— Được lắm. Con cứ thí nghiệm đi. Mua chừng bảy tám trứng thì vừa đủ cho nó, nhiều quá ấp không hết. Nếu có thất bại thì coi như bỏ ra vài chục bạc đề mua một kinh nghiệm. Ngược lại, nếu thành công thì...

Tôi mỉm cười chưa nói tiếp thì Đức đã nhảy cõn lên :

— Thì mình có một bầy vịt. Thích lắm Ngân ơi. Cái ý định mua trứng vịt lộn đem ấp được thực hiện nhưng cả nhà lo lắng không biết con gà có chấp nhận những cái trứng lạ không. Đề tránh sự đột nhiên

bỡ ngỡ. Trang đứng sau đuôi gà cầm một trứng vịt chùi nhẹ dưới bụng gà. Con gà ứ ứ, nhích mình lên một chút rồi nằm im

Trang lại chùi vào một trứng thứ hai. Con gà lại ứ ứ lại nhích lên và lại nằm xuống. Khi cái trứng thứ bảy đã chùi xong và con gà nằm yên, ba đứa con cứ đứng nấp sau bức sáo theo dõi từng cử chỉ của nó. Có một lúc nó nhảy ra khỏi ồ rồi đâm đầu chạy quanh sân mồm kêu quang quác như bị ai đuổi đánh. Sau đó nó nằm xuống cát đập cánh vùng vẫy khiến bụi bay mù lên. Lúc nó trở dậy thì lông cánh mốc xì một lớp bụi. Nó xù lông vẫy tung một lát rồi mới lò dò đi lại tìm cơm rơi ở vại nước. Thấy con gà dường như bỏ quên bề trứng, thằng Đức nóng ruột chạy lại ôm nó bỏ lên chuồng. Nhưng nó chỉ đứng chừ không chịu nằm Đức lại phải lấy tay ấn nơi lưng bắt nó nằm xuống. Con gà nhẩn nại nghe lời nhưng mặt mày ngó láo liên như chuẩn bị đề bỏ chạy nữa. Tuy vậy, qua phút bắt buộc ấy, con gà trở lại say mê trong việc ấp. Lũ nhỏ tỏ ra yên tâm mỗi khi đi học về nhìn ra chuồng gà thấy nó cần mẫn nằm trên ồ. Đề thưởng công cho nó, có lẽ đề cho nó khỏi bỏ đi ăn rồi quên về chuồng, — Trang đem một lon gạo một lon nước đề cạnh, vừa tầm cho mỏ mỏ. Thật là chu đáo.

Chừng mười ngày sau bỗng một hôm có tiếng thằng Đức la lớn từ chõng gà :

— Có tiếng chít chít ở chuồng gà Ngân ơi. Con vịt nở rồi. Ra xem, mau.

TRANG và Ngân lật đật nhảy xò ra. Con gà lúng túng trước sự hiện diện ồn ào của ba đứa nhỏ và trong khi nhích mình lên đã đề lộ một cặp chân nhỏ xíu. Đúng là con vịt con rồi. Ngân vội vàng thò tay vào rờ

Cái chân bé xíu thì bị con gà mẹ mồ cho một cái, vội rút tay lại. Trang lấy một que nhỏ đâm vào mình gà khiến nó né tránh và để lộ thân hình một con vịt con màu vàng hoe. Ồ ! Con vịt ngây thơ nhìn ngơ ngác xung quanh với đôi con mắt tròn đen nháy. Nó sợ ánh sáng, vội núp dưới cánh gà mẹ. Cái mỏ nhỏ màu nâu nhạt rĩa rĩa vào lông cánh rồi rĩa cả vào mặt gà mẹ. Gà mẹ nheo nheo con mắt như để tránh đứa con nghịch ngợm. Mà quả nó nghịch ngợm thật. Vì chừng nửa ngày sau là nó đã bạo dạn bước ra khỏi ổ khiến gà mẹ cứ cúc cúc gọi chừng không cho nó đi xa. Cái mỏ tí xíu bọ chồ nào cũng rĩa vào cái mào, rĩa vào cái tích, rĩa vào cái mỏ sắc của mẹ nữa. Lũ nhỏ thật khiếp hãi khi nghĩ rằng cái mỏ kia mà nổi giận lên mồ mạnh một cái là đi đời con vịt con đại đột. Qua hôm sau nở thêm hai con vịt con nữa, một con lông vàng một con nâu đen ! Lũ nhỏ vội vàng chia cửa.

— Con vịt Cả phần tao.—Trang nói :

— Em lãnh con vịt Hai lông vàng, Đức nổi lời. Ngân phụng phụ :

— Em không chịu con vịt lông đen đâu. Vịt đen xấu lắm. Em lãnh con vịt lông vàng của anh

— Mày là em thì mày phải lãnh con vịt em chó, Đức nói.

— Nhưng con vịt em xấu lắm, em không chịu.

Trang phân giải :

— Thôi Ngân nhận con «em» đem đi. Rồi nếu mai nó nở một con nữa thì bù cho Ngân

Ngân biết không cãi lại được vì anh chị đã ngầm về hòa với nhau rồi. Ngân đành phụng phụ nhận lấy, về mặt không vui.

Hôm sau nở thêm một con nữa. Con này yếu quá đứng không vững nên cứ nằm cả ngày. Màu lông vàng xám

Đức quên cả lời hứa hôm qua, đề nghị liền :

— Con vịt này đề phần cho Ba.

Ngân cãi :

— Hôm qua anh với chị Trang nói rằng con này phần của em mà.

Đức nghiêm sắc mặt, rầy ngay :

— Nhưng mày một mình mà tới hai con. Còn Ba chưa có con nào. Sao mày tham thế?

— Tại hôm qua anh hứa với em rồi.

— Hứa cái gì. Tao nói chơi thôi. Bộ mày không cho Ba hả ? Tiền của Ba mua trứng chứ tiền của mày à ?

Ngân nghĩ : Người lớn nói gì cũng có lý, kể cả anh Đức hơn mình chỉ ba tuổi. Nhưng thôi, con vịt út vừa yếu vừa xấu xí đề cho Ba cũng được. Vả lại Ba lãnh một con vịt xấu như mình cho mình có bạn.

QUA hôm sau, con gà bỏ ổ đứng dậy. Bốn con vịt con lao nhao sợ hãi miệng kêu chirp chirp. Đức bế gà mẹ bỏ xuống đất và lần lượt lừa bốn con vịt vào giữa kẹt ngón tay mà bỏ xuống theo. Gà mẹ đồng dặc bước đi, miệng kêu túc túc. Bốn con vịt đi theo, chirp chirp luôn mồm. Bước gà mẹ quá dài khiến vịt con phải chạy theo mới kịp. Nhưng vì chưa biết chạy ra làm sao, chúng cứ nhảy chơi chơi. Gà mẹ đóng vai một cách tự nhiên gặp chỗ nào nó cũng đứng lại bươi. Đôi chân vạm vỡ hất tung từng búng rác, hất tung cát đất lên phủ đầy mình bốn con vịt con ngơ ngác. Bới một lát

gặp một miếng mồi, nó tức vẹt con lại nhưng vẹt không nghe được tiếng gà nên chúng cứ đứng ngẩn ngơ và không ngớt mồm kêu. Sợ chúng đói mấy đứa nhỏ lấy ruột bánh mì xé nhỏ ra cho chúng ăn. Tuy vậy, chừng hai ngày thì vẹt đã quen tiếng mẹ và đi đứng đã có chiều nhanh nhẹn vạm vỡ. Đôi chân nhỏ hoạt động không ngớt. Cái mỏ màu nâu đen mềm và mượt bọ chỗ nào cũng rĩa. Cái thân hình mang long tơ nõn, nhẹ tuồng chừng một cơn gió mạnh có thể thổi bay đi cũng hoạt động quẩn quít theo bước chân và cái mỏ. Trông con vẹt con bằng những liểu tiểu hơn con gà con nhiều. Gà con tuy cũng hoạt động nhưng dường như cử chỉ của chúng có tính toán chừng mực hơn. Cũng chạy, cũng bới đất vằn vơ nhưng không đến nỗi điên cuồng như con vẹt. Nhất là khi vẹt lớn chừng một tuần thì quả tình vẹt giống như một lũ mất trí. Chúng bắt chước nhau một cách khờ khạo. Con đi đầu chọc mỏ vào cái chậu nước rồi bỏ đi thì ba con đi sau cũng lần lượt chọc mỏ vào chậu nước rồi bỏ đi. Con đi đầu đi vòng quanh qua gốc chùm ruột rẽ sang vại nước, rĩa xuống vũng cát ướt rồi chạy lại mẹ thì ba con sau cũng làm theo đúng từng cử chỉ nhỏ ấy. Dường như chúng rất vui thú trong sự bắt chước nhau làm những việc vô ích đó.

Buổi trưa khi gà mẹ nằm dưới gốc cây nghỉ là bốn con vẹt con cũng hạ mình nằm xuống kề mẹ. Dáng nằm không gọn gàng tí nào hết, chỉ vì cái mình quá dài và đôi chân quá ngắn. Lúc nào cũng như chực ngã chúi xuống. Cái đuôi thì ngoắt lia lịa. Có lẽ chúng không biết mệt là gì. Nằm xuống là vì bắt chước theo thói chúi nằm nào có

yên. Hết quay qua đến xoay lại, rồi nhích tới một chút, rồi lách ngời dậy, rồi kênh càn nằm xuống. Gà mẹ làm như đã có nhiều kinh nghiệm nuôi con nên không đề ý đến những sự lộn xộn đó. Nó gục đầu nhắm mắt một cách bình tĩnh. Chỉ khi nào gió xao động mạnh lá cây hay có một tiếng kêu to ở đâu quanh đó là nó chột mở mắt ra và tức tức gọi con. Tức thì bốn con vẹt lóp chíp nhặng lên và liu tiu đứng dậy chạy lại nằm gần mẹ hơn. Chúng có vẻ mong đợi lời kêu gọi ân cần đó. Khi mẹ đứng dậy bước đi thì chúng vội vã gọi nhau đứng dậy liền. Rồi chạy rồi rĩa. Thực tế thì đó chỉ là những trò chơi thôi vì chả có gì ăn trong một cái chậu nước quá trong thể mà con nào cũng rúc mỏ vào sía mãi không thấy chán. Thỉnh thoảng một con ngửa tay chân đứng ưỡn người đập cánh. Trông đôi cánh bé mà tội nghiệp. Chỉ to bằng hai cái lá con và dễ thương cũng chỉ dầy như thế. Đập cánh nhiều nhất là khi cho các cậu vào tắm trong một thau nước lớn. Thôi thì đua nhau mà vục đầu xuống, rồi dùng mỏ mà quay lại rĩa vào lông lưng lông nách còn đôi chân, — những đôi chân màu hồng hay màu đen mượt, — thì xòe ra dang sau để quạt nước mà bơi tới. Nước vung tung tóe xung quanh và mồm riu ra riu rít. Thật đúng là những đứa bé năm, sáu tuổi nghịch nước.

TỚI lại, bốn con tranh nhau nấp dưới cánh mẹ. Thật chả yên với lũ nhỏ láu

táu này. Nằm kín trong đôi cánh mà chốc chốc vẫn nghe tiếng lóp chíp như còn nói chuyện hay đùa nhau hay cãi nhau trong đó.

Một hôm thằng Đức lừa con gà mẹ và bốn con vẹt con đi ngao du ở trước sân. Ra

đến cổng thì chợt có một lũ trẻ con đi ngang qua. Một đứa đứng dừng lại, vừa chỉ trỏ vừa gọi to lên :

— A ! Mẹ gà con vịt. Lại xem tụi bay ơi ! Mẹ gà con vịt. Cả bọn đứng lại, đi trở lui, nhìn vào sân. Một đứa trông lớn tuổi hơn hết trong bọn hát lên rằng :

Mẹ gà con vịt chít chiu

Mấy đời dì ghê nâng niu con chồng

Mấy đứa khác vỗ tay reo và hát theo.

Đức lộ vẻ khó chịu, đóng sầm cửa ngõ lại. Rồi lùa bầy vịt ra vườn sau. Từ ngày đó, câu hát «Mẹ gà con vịt chít chiu» trở lại luôn. Những người hàng xóm, những người đến chơi nhà, hề thấy gà mẹ dẫn bầy vịt con đi ăn là lại đọc lên.

Mẹ gà con vịt chít chiu

Mấy đời dì ghê nâng niu con chồng.

Chừng một tháng sau thì chen vào lông tơ nõn đã có những cuống lông ống mọc so le ở hai cánh và ở đuôi. Màu lông này nhạt hơn. Rồi sau đó những chòm lông mái xuất hiện rải rác ở cổ, ở lưng. Bốn con vịt đáng bị bầm nhưng mình vẫn dài lêu nghêu như những đứa trẻ 14, 15 tuổi bắt đầu lớn. Đi giữa bốn con vịt con, con gà mẹ thật chẳng khác một người đàn bà nhỏ người, chừng chàng đi giữa một bầy con tuy cao lớn hơn mình nhưng vẫn còn ngờ nghệch trong nét mặt và cử chỉ.

CHỚT một hôm có tiếng con Bốn lại la lên ở nhà sau. Và tiếp theo là tiếng rủa sả :

— Lại đập phá đồ đạc nữa ! Con gà quí.

Rồi tiếng cửa đóng sầm lại và tiếng con gà mẹ cục tác.

Con gà mẹ lại lo tìm ồ. Nó sục sạo khắp cả nhà dưới nhà trên. Bầy vịt con ngờ

ngác chạy theo mẹ, bơ vơ lạc lõng. Mỗi khi gà mẹ bay lên đứng ở mặt bàn, đứng ở chân giường, mắt đảo dáo dác tìm một chỗ cao hơn để bay lên nữa thì bầy vịt đứng ở dưới đất liu kiu gọi mẹ liếng mắt nhìn và chạy vòng quanh. Khi gà mẹ nhảy xuống đất thì chúng mừng rỡ chạy ùa lại sấn vào chân mẹ. Nhưng gà mẹ mồi cho một cái và chúng hoảng vía vừa xô nhau chạy trốn vừa té lăn kênh vừa cất tiếng la. Sau nhiều lần bị mồi như vậy, bốn con vịt con không còn dám liu riu đi sát theo chân mẹ nữa. Tuy vậy mẹ đi đâu chúng vẫn sắp hàng chạy theo và lúc nào cũng giữ một khoảng cách vừa phải để mẹ có sấn lại mồi thì chúng kịp quay mình chạy trốn. Buổi tối, gà mẹ nhảy lên nằm một mình ở chuồng cao. Bốn con đi vòng quanh dưới đất cất tiếng gọi mẹ nhưng vô hiệu. Cuối cùng, chúng nằm rút vào nhau để ngủ. Thật tội nghiệp khi nhìn bốn đứa mình nằm kề nhau, con này áp ngực lên con kia, con kia rúc đầu vào cánh con nọ. Một cơn gió thổi qua là chúng xô đẩy vào nhau mạnh con nào nẩy xô chân đập vào lưng, mớ rĩa vào hông cả cái khối bắt òn đó di chuyển xáo trộn, ngã lăn ra. Rồi lại xấp xếp lại, lộn xộn bắt òn như cũ. Những tiếng kêu liu kiu nho nhỏ, khàn khàn thỉnh thoảng phát ra. Ngủ yên chừng hai phút thì chợt có một con liu kiu nhỏ trong mồm rồi những con khác cũng liu kiu hoạ theo, thật y như tiếng khóc thút thít của những đứa trẻ khóc giữa giấc mơ. Có đêm gà mẹ không leo lên chuồng nằm mà nằm ngay dưới đất. Tức thì bốn con vịt nằm quây quần xung quanh. Để gà mẹ không chú ý đến sự hiện diện của chúng, chúng đi thật nhẹ và cẩn thận hạ mình cách mẹ chừng bốn tấc. Đuôi xếp về phía mẹ và đầu quay ra ngoài : Chừng như được yên tâm, giấc ngủ của chúng đỡ chập chờn hơn

Mỗi khi giật mình choàng dậy chúng sửa đôi thế nằm thì bao giờ chúng cũng cố nhích vào gần mẹ hơn một chút. Ngày đầu khi gà mẹ mỗ con, thằng Đức vừa quất vừa chạy đi tìm roi đánh :

— A ! con gà điên ! Sao mày mỗ con ?

Tim không có cái roi, nó rượt con gà chạy quanh sân.

TÔI đứng nhìn bốn con vịt nghênh cồ nhìn nhau la và con gà mẹ ba chân bốn cẳng chạy trước mặt Đức. Tôi gọi con lại :

— Thôi đừng rượt nó nữa.

— Nó cắn vịt con Ba à.

— Ba biết rồi.

— Phải đánh cho nó một trận.

— Đánh vô ích. Nó lẽ con ra đề đề mà.

— Nhưng sao lại mỗ mấy con vịt ?

Nếu không mỗ, lũ con nó sấn lại thì đề sao được ? Không phải nó ghét vịt con đâu mà dù cho con rượt nó nữa, nó cũng phải mỗ. Nó không dùng lời nói đề giảng giải được, nó không có bàn tay dịu dàng đề vỗ về con được mà nó chỉ có cái mỏ. Đó không phải là lỗi của nó.

Không trừng phạt được con gà lũ nhỏ chầm chút đàn vịt con. Đi học về là ba đưa bế vịt lên tay, áp mặt vịt vào má mình như khi nựng một đứa bé người ta áp mặt nó vào má mình vậy. Con Trang lo đập ruồi và bốn con vịt lúc thúc đi theo sau đề mỗ. Con Ngân cầm dao xới vũng cát xung quanh vại nước đề tìm giun. Bốn con vịt chạy lao xao đề tìm mỗ ngay khi lưỡi dao chưa rút kịp ra khỏi mặt cát. Thằng Đức thì bị con Bốn la luôn vì tội xốc tung những bó rau muống đề lựa những cọng non đem xắt cho vịt ăn

Rồi đứa thì lo mức nước tắm vịt, đứa thì đem xới cơm cho vịt, rồi cuộc bốn con vịt được săn sóc như bốn đứa trẻ mỗ côi. Ngược lại, bốn con vịt cũng quen với lũ nhỏ hết sức. Hề lũ nhỏ đi đâu ra vại nước ra sân sau là bốn con vịt đi theo bển gót. Thử ngồi xuống lấy tay nghịch cát là bốn con đã vội chạy lại đề hy vọng mỗ giun. Thỉnh thoảng nghe tiếng vịt hàng xóm kêu inh ỏi, bốn con vịt te tái chạy sang nhưng nghe tiếng chân con Trang chạy đuổi theo vừa cất tiếng to « A ! Lén trốn chạy đó nghe » tức thì bốn con chạy quanh về và thế nào con vịt trắng của nó cũng nằm xuống sát đất đợi nó bế lên. Bốn con vịt và lũ nhỏ đã thành những người bạn thân thiết. Bây giờ chúng đã thay lông hoàn toàn nên trông đẹp đề hơn trước nhiều. Hai con lông trắng phau một con hạt đầu và một con đen. Chúng trở nên những con vịt thành niên hồi nào lũ nhỏ cũng quên đề ý nữa. Đến hồi đề ý trông lại thì mới thấy là chúng đã không còn bé bỏng nữa. Thỉnh thoảng giữa trưa khi đã tắm mát, chúng vươn rộng đôi cánh đập phành phạch miệng la quang quác. Con vịt đen không ồn ào hùng biện bằng ba con kia. Con Bốn có kinh nghiệm phân biệt cho lũ nhỏ biết rằng đó là con vịt đực. Không đứa nào tỏ ra mễn con vịt đực cả vì lông đen xấu xí mà lại lòi xòi không mượt láng.

Trong khi đó, gà mẹ lại lên ò ắp và lần này cũng lại phải ấp một mớ trứng vịt. Nhưng ngày nở chỉ có một con vịt con nở ra mà thôi. Khi xuống ò, hai mẹ con lúc thúc đi cạnh nhau. Sự săn sóc có phần cẩn thận hơn, nhưng con vịt con quả tình tro trọi hết sức. Không có anh chị em cùng lứa, nó thiếu hẳn những thú vui ngày thơ. Nó kém hoạt động hẳn đi bên cạnh một bà mẹ cần mẫn đảm đang

nhưng nghiêm trang. Đã thế nó lại còn bị con vịt đực đen ăn hiếp nữa. Lừa lúc gà mẹ đi xa, con vịt đực chạy đâm bồ lại đè mờ nó. Nó la lít chít vừa tìm đường chạy trốn. Gà mẹ nghe tiếng la vội xù lông chạy đến và chú vịt đực vội vã tháo lui. Có lúc thì lũ trẻ con hay con Bồn phải chạy đến can thiệp để đuổi chú vịt đực. Thành ra cả ngày cứ thỉnh thoảng nghe tiếng vịt con la, tiếng chân lũ nhỏ chạy rầm rập và tiếng quát tháo :

— Ủi, ừi ! Con vịt quí.

— Ê ! Con vịt anh ăn hiếp. Đánh chết !
Đánh chết !

KHÔNG có đứa nào dành phần con vịt này cả nên nó lớn như thế nào, chả mấy ai để ý. Cứ tuần tự theo ngày tháng, nó thay lông để biến thành một chú vịt thanh niên. Nó không có bạn chỉ biết có mẹ. Nếu đến tuần mẹ lên ổ nằm nó cất tiếng kêu thảm đạm và đi quanh quần dưới chân chuồng. Nó ngược mặt nhìn mẹ nằm trên ổ, miệng kêu vừa tìm đường leo lên nhưng không được. Khi kêu chán, nó nằm dưới chân chuồng. Động nghe tiếng mẹ cựa mình ở trên là nó vội đứng dậy, miệng líp chíp kêu tưởng như mẹ sắp xuống cùng mình. Khi mẹ xuống thật thì lòng mừng của nó biểu lộ vội vã quần quít. Nó cạp cạp luôn mồm, vẫy đuôi lia lịa và chìa mỏ lại gần mẹ. Con gà mẹ chừng cũng thương hại nó hơn mấy đứa trước nên không hề mỏ mà trái lại, hai mẹ con sóng bước cùng đi tìm mồi. Nhưng những giây phút êm đềm ấy, nó hưởng không được nhiều. Khi gà mẹ ấp lại thì nó gần như bỏ ăn, cứ đi lảng vảng quanh chân chuồng hoặc nằm đó chờ đợi. Nếu buồn, chân muốn đi đó đây

một chút, hoặc ra vại nước kiếm cái ăn, hoặc ra sân trước thở thần dưới gốc trứng cá, gốc vú sữa thì nó lại phải dòm chừng con vịt đực hung tợn. Khổ nhất cho nó là khi đi quanh góc tường, chợt bước trở tới thấy ngay con vịt đực ở trước mũi, phải vội chạy ngược lại, có khi vội quá phải ngã lăn ra đất. Những lúc ấy trông nó thật là cô độc, thiếu thốn.

Con gà mẹ lần này được ấp chính trứng của nó đẻ. Không phải do một lý luận nhân ái nào của lũ nhỏ mà chỉ do ở tính lười của chúng. Lười hốt trứng, lười mua trứng vịt, rồi cuộc chúng đẻ trứng mặc kệ cho gà. Kết quả là chín con gà con nở ra, đa số màu lông đen như mẹ. Khi gà mẹ dẫn bầy gà con đi thì chú vịt tháp tùng theo. Bây giờ thì chú đã lớn hẳn rồi, đầu lông ô đen nháy và bụng xệ đi núc ních. Chú chậm chạp bước sau bầy gà con. Thỉnh thoảng chú đi lại gần gà mẹ miệng lạp cạp như có chuyện gì báo cáo cho mẹ nghe. Tối lại, nhốt gà mẹ trong một cái giỏ thì chú nằm sát bên giỏ. Rồi sáng ra khi bầy gà hớn hờ đi chải đất tìm mồi thì chú lại nặng nề đi sát theo hộ vệ. Hễ gà mẹ gặp tai nạn gì cất tiếng la lên là chú xông tới. Những tai nạn thường do con chó Tô gây ra. Nguyên nhân hầu hết là giành ăn. Gà mẹ sợ con Tô nhưng chú vịt lại coi thường. Ăn hiếp Tô được đôi lần, chú vịt tỏ ra dễ người. Có lần Tô đang nằm hờ hênh ngủ, chú vịt đi qua rĩa mỏ vào bụng Tô rúc mấy cái khiến Tô hoảng hốt đứng vụt dậy. Lần lúc vịt ta dám lấy mỏ rĩa vào ngay mặt Tô khiến Tô phải lảng bỏ đi xa. Không biết đó là do tính can đảm thiên phú hay là do tính

dại đột không biết người biết ta. May thay con Tô đã có tuổi, bắt đầu trăm tư nên lười biếng không thèm chấp nhất. Ai quấy rầy thì nó bỏ đi. Chỉ có miếng ăn mới cần phải, đôi khi, tranh giành mà thôi.

MỘ T hôm, Ngân chột hỏi tôi :

— Con gà mẹ là di ghê của con vịt hờ Ba ?

— Không phải. Nó là mẹ nuôi con vịt

— Thế má con vịt đâu ?

— Má nó ấp không được nên mình phải nhờ con gà ấp.

— Sao di ghê lại không nâng niu con chồng hờ Ba ?

— Ai bảo con vậy

Lũ trẻ nó hát đó.

Mẹ gà con vịt chít chiu.

Mấy đời di ghê nâng niu con chồng.

— À, đó là vì người đặt ra câu ca dao không nhìn rõ một con gà mẹ nuôi bầy vịt con. Sự âu yếm chăm sóc của nó đâu có kém khi nó chăm sóc chính con nó ? Một con vịt chạy ra xa là nó đã vội tức tức gọi về. Ai bắt con vịt lên tay là nó vội chạy tới quang quác cái mồm ra la, xoè rộng hai cánh, xù lông lên và nhào tới đá liền. Con gà coi bầy vịt đều là con nó, không phân biệt rằng chúng có giống hay khác nó như thế nào.

— Câu hát nói rằng người di ghê không thương con chồng.

— Đó là chuyện đời xưa. Đời xưa có

nữững người đàn bà độc ác không thương lũ trẻ con.

— Đời bây giờ cũng vậy. Bác xích lò chở con đi học hay nói với con như vậy.

Tôi nhìn con gần hơn vừa ôn tồn hỏi :

— Bác ấy nói thế nào ?

— Bác ấy bảo nay mai con sẽ có di ghê và di ghê đánh con.

— Không có đâu. Ai lại nỡ đánh con. Con ngoan và học giỏi mà.

— Nhưng mà...

Ngân ngừng nói, cầm bàn tay tôi áp vào má.

—... Nhưng mà... Ba đừng cười di ghê nghe Ba.

TÔI mỉm cười gật đầu.

Chợt tôi nhìn ra xa mông lung suy nghĩ. Chiều hôm qua tôi vừa nhận được bức thư của Diễm trong đó có đoạn nàng viết : « Em nghĩ rằng em sẽ thương yêu ba đứa con của anh như con của chính em vậy. Đã yêu anh, em không thấy có sự « hy sinh nào là quá sức của em hết. Và lại. « có gì đâu mà gọi là hy sinh ?... »

Vân lay tay tôi :

— Ba nhớ nghe ?

Tôi thần thờ cầm tay con, gật đầu mà không trả lời.

VỖ HỒNG

HÃY ĐỌC

nguyệt san **VẠN HẠNH**
cơ quan phát huy văn hóa Phật giáo

Martin Heidegger

Hoelderlin và yếu tính của THI CA (HOELDERLIN UND DAS WESEN DER DICHTUNG)

LỜI NGƯỜI DỊCH :

Quý vị độc giả đã từng đọc những tác phẩm của nhà xuất bản Lá Bối hẳn không còn xa lạ với Heidegger—Là một nhà văn, một triết gia, Heidegger đã nổi tiếng bằng những tư tưởng vừa thâm viễn vừa u uẩn, ngôn từ của Heidegger khó hiểu mà lại độc đáo bởi Heidegger đã lồng trong hầu hết những tác phẩm của ông những danh từ do chính ông sáng tạo ra. Điều này làm cho hầu hết các dịch giả thế giới nhất là Anh và Pháp đều công nhận rằng « Văn của Martin Heidegger là văn của triết gia khó dịch nhất hiện nay » không những thế chính độc giả ở quê hương Đức của ông cũng ngao ngán trước những trang sách tối tăm SEIN UND ZEIT, WAS IST METAPHYSIK... Trong phạm vi bài dịch này, chúng tôi không hề có tham vọng sẽ dịch sát từng chữ theo nguyên tác, mà chỉ lược dịch với khả năng hiểu biết nhỏ bé của mình để quảng diễn một ít về ngôn ngữ và tư tưởng của Heidegger.

M.T. và NGUYỄN VĂN HỒNG lược dịch

Dưới đây là 5 chữ đề trong một bài diễn thuyết

- I «Làm thơ là việc làm vô tội nhất, (III; 377).
- II «Ngôn ngữ đã trao cho con người để bày tỏ mình là người, thành thử nó là

vật quý giá và nguy hiểm khôn lường» (IV; 246)

- III «Từ khi chúng ta được đối thoại và nghe được tiếng nói của nhau, con người đã tỏ ra đầy kinh nghiệm và đã gọi tên thần linh nhiều lần (IV; 343)

IV «Nhưng những gì còn lại đều do thi sĩ tạo lập» (V; 63)

V «Ồ, quả thật có giá trị, người ở đời như thế thi nhân» (VI; 25)

ĐỀ trình bày yếu tính của thi ca, tại sao chúng tôi lại chọn tác phẩm của Hoelderlin mà không chọn Homère, Sophocle hay Virgile. Dante hay Shakespeare, Goethe? Có phải vì ở tác phẩm của các thi gia này không tự thể hiện lên được yếu tính của thi ca với vẻ sung mãn và cao cả như ở Hoelderlin, sớm bộc phát và rồi gián đoạn đột ngột này?

Có lẽ vì thế mà chúng tôi chọn Hoelderlin. Nhưng thực ra có thể trừu xuất được yếu tính toàn diện của thi ca bằng tác phẩm của một thi sĩ thôi không? Chúng ta chỉ có thể đạt tới được cái toàn diện ấy, nghĩa là cái có giá trị chung, bằng con đường suy tưởng đối chiếu? Nếu thế, trước tiên ta phải đặt đề những phân vị khả thể lớn nhất của thi ca và các phân loại thi từ. Ở trường hợp này, thi ca của Hoelderlin chỉ là một giữa những thi ca khác; chỉ mình nó, nó không thể đóng vai trò hạn định để xác nhận tính chất của thi ca được. Tự đó, khởi đề của công việc này đã mang lý do thất bại rồi. Thất bại chắc chắn, bởi bao lâu chúng ta còn hiểu «yếu tính của thi ca» là những gì đúc kết trong quan niệm phổ quát, có giá trị khác biệt với mọi thứ thi ca. Cái phổ quát này, cái giá trị giữ vẻ khác biệt hướng về một đặc thù thì vẫn là cái không

phân biệt được, có là «yếu tính» nhưng không bao giờ trở thành chính yếu cả.

Đấy thực rõ ràng là một căn bản của yếu tính mà chúng ta dò tìm, nó bắt chúng ta xác định vì sao chúng ta đề cập đến thi ca, vì sao những tiền đề giả định chúng ta đưa ra vốn thực lại ràng buộc mình vào cái động lực của thi ca.

Sở dĩ chúng tôi chọn Hoelderlin không phải vì tác phẩm của ông, như một trong bao nhiêu tác phẩm khác, đã thể hiện được cái bản chất chung của thơ nhưng mà duy nhất là những gì đang hình thành sức kham của thơ Hoelderlin, đó chính là một tất định thi ca vốn đã thi ca hóa chính yếu tính của thi ca một cách xác thực rồi. Hoelderlin đối với chúng tôi, trong một nghĩa riêng, là thi sĩ của nhà thơ. Đấy là lý do chúng tôi chọn ông.

Nhưng sự kiện thi ca hóa này đối với thi sĩ có phải là dấu hiệu của thác loạn tinh thần trong giây phút hội kiến với chính mình không? Đồng thời nó thú nhận người ta đã lừa đảo cái toàn vẹn của cuộc đời? Thi ca hóa với thi sĩ, có phải tạo lên thêm bằng gai góc, trở ngại hay có phải bằng muộn màng, trễ nãi, một nơi chốn cuối cùng.

Câu trả lời sẽ phơi bày dưới đây. Chúng ta không thể đem toàn thể thi ca của Hoelderlin ra chú giải, như thường phải làm, mà chỉ xét đến năm lời thơ của thi nhân về

thi ca, năm chủ đề. Thứ bậc của những lời thơ sau đây, với cái tuần tự nội tại của nó, sẽ phơi bày trước mắt chúng ta yếu tính chính yếu của thi ca.



1. **T**rong một bức thư viết hồi tháng giêng năm 1799, gửi về cho mẹ Hoelderlin xác định rằng: « *làm thơ là một việc làm vô tội nhất* » (III, 377) Tại sao lại là việc làm vô tội nhất (unschuldigste)? Bởi vì thơ, biểu hiệu dưới hình thức nệ nhàng như một trò chơi. Thơ không vụ lợi, thơ sáng tạo thế giới hình ảnh của mình và ngụp lặn trong thế giới của những gì mình sáng tạo. Một trò chơi vượt ra ngoài định ước, nó không bắt buộc phải tỏ ra thế này hay thế khác. Làm thơ (dichten) là cái gì hoàn toàn vô hại và đồng thời vô hiệu, bởi nó là hành động thuần túy. Nó không có chi liên quan đến thực tại, tới biến dịch của cuộc đời. Thi ca là mơ mộng, không là thực tế, là trò chơi của ngôn từ chứ không phải là hoạt động trang nghiêm. Thi ca là vô hại và vô hiệu. Nhưng ta có hiểu ngôn từ trong sạch là một nguy hiểm không? Chúng ta chưa thể lĩnh hội được yếu tính của thi ca, nếu chỉ biết rằng thi ca là việc làm vô hại nhất trong các việc làm. Hay ít ra chúng ta cũng được chỉ định nơi chốn khám phá nó. Thi ca sáng tạo tác phẩm trong lãnh vực ngôn từ đồng thời nó cũng tạo ra bản chất của ngôn từ. Hoelderlin đã nói gì về ngôn từ? Chúng ta hãy lắng tai nghe lời thơ thứ nhì của thi sĩ.

11. **T**rong bản văn viết cùng thời gian trên, thi sĩ nói: Nhưng ở nơi chốn nào có hữu thể con người ngự tại, hữu thể thâm viễn nhất, óng chuốt nhất; đó là Tuệ Minh, coi như hình ảnh thánh nữ của lửa thiêng trên trời. Và bởi đó, ý chí Tự Do và Hùng lực cao cả đã truyền ngôn, kết hợp trong hình hài của Thượng Đế, và cũng bởi đó mà ngôn từ, một của quý nguy hiểm hơn hết, đã trao cho con người, con người của sáng tạo, hủy diệt, của trở về với cuộc sống Vĩnh Cửu, của Nữ Thánh, của Mẹ Hiền. Nó biểu lộ cái nó là: đã thừa tự, đã thông hiểu bởi người, lòng thánh thiện cao sang nhất, bởi tình yêu bao bọc vũ trụ này. (IV, 246).

Ngôn từ, trong nghĩa « một việc làm vô tội nhất » lại là « của quý nguy hiểm khôn lường ». Làm sao hai điều khẳng định này có thể hòa hợp với nhau? Câu trả lời xin để lại sau, hãy giờ xin đặt ba câu hỏi tiên quyết: 1) Bởi đâu ngôn từ là một của quý? 2) Làm sao của quý ấy lại là vật nguy hiểm khôn lường? 3) Và một của quý là gì trong cái nghĩa khơi khơi nào đây?

Trước tiên ta hãy xét đến bản văn mà trong đó lời thơ của thi sĩ nói về ngôn từ. Đây là lời của thi ca được nói lên để phân biệt hữu thể con người giữa bao nhiêu hiện hữu khác của Thiên Nhiên, để gọi tên sự vật như: cảnh hoa, con thiên nga, con sơn dương trong rừng thẳm (IV 300 và 385) Bản văn bắt đầu bằng câu: « Nhưng chính ở nơi

chốn nào có hữu thể con người ngự tại ».

Sao là hữu thể con người. Đó là cái nó biểu lộ, nó chứng minh mình là. Chứng minh là khơi lên, bày tỏ, đồng thời cũng là trả lời, trong điều bày tỏ, những gì nó được phơi bày.

CON người là cái mà nó là, là cái mình xác thực tại con người riêng biệt. Nhưng ở đây, cái mình xác này không phải hữu thể của trần gian bày tỏ sau cùng, là lối diễn đạt thêm bớt, loanh quanh bên mép bờ hữu thể ; không, nó tham dự vào phần xây dựng chính thực-tại-nhân-loại của con người. Nhưng cái gì mình chứng con người đây ? Xin thưa : đó là phần thuộc về trái đất. Phần thuộc về này, vốn là những gì con người thừa tự và tập tành ở sự vật ; nhưng sự vật cũng xung khởi, mâu thuẫn. Những gì phân tán sự vật, đồng thời cũng kết ngầu nó là điều mà Hoelderlin gọi là « INNIGKEIT » (Thực tại thâm viễn của hữu thể, tách biệt với mọi vật nhưng đồng thời cũng có một kết hợp nội tại với mọi vật). Sự minh xác phần thuộc về của INNIGKEIT này tự phát sinh bởi sáng tạo thế giới và buổi bình minh của con người và cùng lúc bởi sự hủy diệt và cảnh hoàng hôn tàn tạ của nó. Sự minh xác hữu thể của con người bằng một thành tựu đích thực, đã khai sinh ra tự do của quyết định. Điều này lại chiếm lấy cái cần thiết và dẫn thân vào những hệ buộc với một trật tự cao đẳng. Hữu—thể—phơi

nguồn bày tỏ của phần thuộc về trần gian trên, ở sự kiện hiện diện cùng một lúc bởi những điều nó phát sinh đã từ lịch sử hóa mình như một nền lịch sử (GESCHICHTE). Nhưng cũng chính nền lịch sử hiện diện ấy mà ngôn từ phải được trao về cho con người. Con người có một của quý, đó là ngôn từ vậy.

Nhưng tại sao ngôn từ lại là của quý nhưng nguy hiểm khôn lường? Nó là nguy hiểm trên mọi hiểm nguy, vì chính nó tạo ra khả hữu tính của hiểm nguy. Nó là một đe dọa cho hữu thể bởi hiện diện. Và chính đó, theo nghĩa là ngôn từ, con người tự đặt bày với mình trong toàn diện một khơi mở vô cùng, với tư cách là hiện diện, ào ạt bủa vây, hun đốt nó trong cái thực tại con người của mình, rồi cũng thế, với tư cách bất hiện diện lại lừa đảo và đồng thời khai minh cho nó. Ngôn từ sáng tạo ngay trong đó khu vực khơi mở đầy đe dọa và kinh hãi làm ngập tràn hữu thể và cũng nó tạo lập khả hữu tính cho sự triệt tiêu hữu thể, nghĩa là cái nguy hiểm vô cùng. Nhưng ngôn từ không những là một nguy hiểm trên mọi nguy hiểm, nó còn thiết yếu che dấu ở chính nó và cho chính nó một nguy hiểm thường trực. Công việc của ngôn từ là làm hiện hữu mọi hiện diện phơi bày bằng hành động và bảo đảm nó như thể nó phải là. Bởi ngôn từ có thể làm biểu lộ tất cả hình thái ; cũng như lời nói chính yếu là để được hiểu, để trở thành đặc tính của cộng đồng chung. Lời nói với nguyên nghĩa là lời nói thì không

thể nào tự bày tỏ trực tiếp với điều chắc chắn nó là lời nói chính yếu hay ngược lại là âm ba rỗng không.

G IỜ đây, trong nghĩa nào của quý nguy hiểm hơn hết lại là của quý của con người? Ngôn từ là vật sở hữu của con người. Nó quy yếu cốt tình là đề giao nối những kinh nghiệm, những đặc định, những giai độ tình cảm. Vậy ngôn từ là đề hiểu biết, trao đổi, vì thế nó là của quý vô cùng. Thế nhưng bản chất (1) của ngôn từ không thể khô cạn trong sự kiện là phương tiện của hiểu biết. Ấn định như vậy ta vẫn không thể đề cập đến bản chất như thế của riêng biệt cho nó mà ta chỉ có thể viện dẫn nó như một điều hệ trọng của bản chất này. Ngôn từ không phải chỉ là khí cụ của con người bên cạnh bao nhiêu khí cụ khác mà nó còn là cái, trong tổng quát và trước tiên hết, đoán chắc cho khả hữu tính tự tìm thấy giữa một hiện hữu là hiện hữu phơi bày. Ở đâu có ngôn từ, ở đó có một thế giới nghĩa là vòng tròn tiếp diễn đổi thay của hành động của trách nhiệm, của khẳng quyết và cũng là của bất loạn, của suy đồi... Và ở đó có một thế giới, tức là có nền lịch sử (GESCHICHTE). Ngôn từ là của quý trong nghĩa ngọn nguồn sơ nguyên nhất. Nhưng dầu là của quý, bởi thế gian và nền lịch sử này nó vẫn tin tưởng chắc chắn rằng con người có thể hiện hữu như là lịch sử. Ngôn từ không là một khí cụ khả dụng, mà trái lại, chính nền lịch sử nương (MITGESCHEHEN) này biết sử dụng khả hữu tính cao đẳng hữu thể của con người. Đó vì yếu tính của ngôn từ

mà chúng ta phải đảm chắc ngay đây đề quan niệm đúng thực phạm vi hoạt động của thi ca, đồng thời lãnh hội thực sự được chính nó. Tại sao ngôn từ lại tự lịch sử hóa mình? Chúng ta hãy xét đến lời thơ thứ ba của thi sĩ để tìm câu giải đáp.

III « Từ khi chúng ta được đối thoại và nghe nhau nói, con người đã tỏ ra đầy kinh nghiệm và đã gọi tên thần linh nhiều lần » (IV 343)

C H Ú N G ta — con người — được đối thoại. Nền tảng sâu thẳm của hữu thể của con người đã có trong ngôn từ, nhưng nó chỉ nắm giữ được thực tại lịch sử nhân nhượng trước chính thực tại ở đối thoại. Tuy nhiên, đối thoại không chỉ là lối đề ngôn từ thể hiện, nhưng đối thoại duy nhất là đề ngôn từ bày tỏ yếu tính của mình. Những gì chúng ta hiểu được ở ngôn từ là một hệ thống chữ nghĩa, một quy luật cú pháp, thật ra chỉ là phiên diện thôi. Nhưng còn « đối thoại » là gì? Hẳn nhiên đối thoại là việc người này nói với người kia về một vấn đề gì. Ngôn từ lúc đó là trung gian giữa hai người. Hoelderlin chỉ nói thế này « Từ khi chúng ta được đối thoại và nghe nhau nói ». Khả năng nghe và nói cộng tồn đồng đều ở ngọn nguồn nguyên sơ của nó, và chính cái nghe đã lập thành, đã thấy cần thiết, trong tự nội, khả hữu tính của lời. Chúng ta được đối thoại nghĩa là chúng ta có thể nghe nhau nói đồng thời nó cũng có nghĩa là : chúng ta là một cuộc đối thoại. Cái hợp nhất của một cuộc đối thoại là bắt nguồn ở mỗi lần

khơi dậy Nhất Thế và Đồng Thế, trong lời nói bản chất đơn sơ, ở nơi chúng ta tự mình hợp nhất, ở cái nghĩa chúng ta thực sự là Một, là chính chúng ta. Đối thoại và cái hợp nhất tính đó là nơi nương tựa cho thực tại con người.

SONG le Hoelderlin không nói giản dị « Chúng ta được đối thoại ».

Thi sĩ viết ; « Từ khi chúng ta được đối thoại ». Là từ khi con người hiện thế và phán đoán hành động của mình ở ngồn từ, nhưng con người vẫn chưa nắm giữ được thực tại lịch sử nhưng chính yếu của mình là đối thoại. Chúng ta được đối thoại từ khi nào ? Là từ khi có một cuộc đối thoại, lời nói nguyên nguyên giữ chặt tương quan giữa Nhất Thế và Đồng Thế. Không có mối tương quan này thì đối thoại chỉ là tranh biện dài dòng và chắc chắn sẽ là cái gì bất khả. Nhưng Nhất Thế và Đồng Thế chỉ có thể phơi mở ở ánh sáng của sự vật gì dai dẳng còn lại và hiện tồn. Thế nhưng cái còn lại và cái hiện tồn thực ra cũng chỉ bày tỏ được trong ánh sáng bừng lên của hiện diện vĩnh viễn, và nó cũng chỉ tự phát sinh được ở khoảng khắc « thời gian trong những thế vươn về cao rộng của nó. Chính từ đó con người tự đặt bày ra trong hiện tại sự vật gì còn khởi lại, chính từ đó nó lao mình vào Dịch Lý, vào những gì biến thiên khôn lường, bởi chỉ có cái còn lại là cái biến đổi. Và cũng chính từ đó mà « thời gian xé rách » đã thấy bùng rách hé mở trong hiện tại, quá khứ và tương lai, và còn hiện thế khả hữu tính của đồng

hợp về sự vật gì đang hiện tồn. Một đối thoại chúng ta chỉ được đối thoại từ thời gian mà ở đó « có một giây khắc nào ». Từ thời gian đưa dắt đến hiện hữu (existence), đến cái còn tồn tại, từ khi chúng ta là lịch sử. Hữu-thế-đối-thoại và hữu-thế-lịch-sử là hai cái có cốt tính đồng đều, chúng hợp thành một liên đới duy nhất, chúng là chung một thế, một sự vật có bản tính như nhau.

TỪ khi chúng ta được đối thoại, con người đã đầy kinh nghiệm và đã gọi lên nhiều thần linh. Từ khi ngồn từ tự lịch sử hóa chính thực như một đối thoại thì các thần linh đến với lời nói và thế giới hiện hình. Cần phải thấy rằng sự hiện diện của các thần linh và hiện hình của vũ trụ không phải là kết quả giản dị của thắng giáng ngồn từ, nhưng mà nó là hai việc đồng thời, cùng lúc. Bởi điều quá rõ ràng là trong sự gọi tên thần linh và trong sự kiện thế giới hiện thành lời vốn đã có đối thoại đích thực mà nơi đó chúng ta hiện hữu như hiện hữu cho chính mình

Thưng các thần linh chỉ đến khi được chúng ta kêu gọi chân thành. Lời nói gọi tên thần linh luôn luôn là câu trả lời cho tiếng kêu gọi khẩn thiết đó. Câu trả lời ấy mỗi lần lại làm hiện rõ trách nhiệm của một số phận. Bao lâu thần linh còn nói lên thực tại con người của chúng ta là lúc chúng ta đã vào lãnh vực phải quyết định : hoặc quyết tâm giao phó sứ mạng cho thần linh hoặc, ngược lại, chối từ họ.

Đến đây chúng ta đã rõ nghĩa câu « Từ khi chúng ta được đối thoại... » Từ

lúc có thời gian, từ khi nền tảng sâu thẳm của thực tại con người chúng ta là một đối thoại, là lúc thần linh dẫn dắt chúng ta đến trao đổi, cảm thông, đến đối thoại. Đề luận ấy tùy theo cái mà ngôn từ hợp thành biến đổi căn bản của thực tại con người và bởi đó, nó cũng biện bạch cho sự giải thích và cái công tâm của nó .

Một câu hỏi mới lại được nêu ra ở đây : cuộc đối thoại này bắt đầu bằng cách nào mà chúng ta phải làm? Ai là người hoàn tất sự gọi tên các thần linh . Ai là người lãnh hội trong thời gian chịu xé rách sự vật gì hiện tồn và phải tạo lập lại nó, bởi lời nói? Hoelderlin sẽ trả lời chúng ta với niềm đam mê đơn giản của thi nhân. Xin hãy nghe lời thơ thứ tư đây.



IV **T**RONG câu kết của bài thơ «Hoài Niệm» (Andenken) Hoelderlin viết : «nhưng những gì hiện tồn đều do thi sĩ tạo lập» (IV,63) Lời thơ này dọi một luồng sáng vào vấn đề của chúng ta về yếu tính của thi ca . Thi ca là cái tạo lập bởi lời nói và trong lời nói. Nhưng cái gì được tạo lập? Cái hiện tồn . Nhưng cái hiện tồn này có thể tạo lập được không? Không. Chính cái hiện tồn phải ra sức chống chọi dòng triều lưu bao ngập, phải tháo gỡ cái đơn giản ra ngoài cái rắc rối ; phải quý trọng cái mực thước hơn cái vô chừng và phải khai minh cái gì còn chống đỡ, chỉ phối vật hiện hữu chung cùng để nó được hiện ra, bày tỏ. Vậy rõ ràng cái hiện tồn là cái đào sâu :
«*Như vậy rõ là mau chóng, trối*

đất phù du, tất cả là hư ảo ; nhưng cái thuần khiết thì không »(IV,145)
Thi sĩ gọi tên thần linh và gọi tên tất cả sự vật ở những gì mà nó là. Sự kêu gọi này chẳng phải là việc bổ sung tên một cách giản dị cho sự vật đã được biết tới từ lâu, nhưng thi sĩ nói lên lời thơ uyên nguyên cốt là để gọi tên chính bản chất sự vật được coi như là sự vật hiện hữu. Thi ca là cái tạo lập hữu thể bằng lời thơ . Những gì còn tồn tại thì không thể tạo ra hư ảo phù du cũng như cái đơn giản không thể thoát thai từ cái rắc rối cái mực thước không ở trong cái vô chừng Chúng ta không thể nào tìm thấy cái nền tảng (GRUND) trong vực thẳm vô cùng (ABGRUND). Hữu thể không là sự vật ở đời (SEIENDE), tuy nhiên vì hữu thể và yếu tính của sự vật không là kết quả của một tính toán mà hữu thể chuyển tiếp của sự vật hiện hữu đã phơi mở, không, chúng nó (hữu thể và yếu tính) phải là sáng tạo, phơi bày và đặt đề trong cách thế hoàn toàn tự do. Cái phơi mở trao tặng tự do này là cái tạo lập. Các thần linh tự nguyên thủy đã được gọi tên và bản chất sự vật hiện đến với lời nói, từ đó sự vật bắt đầu được chiếu sáng và đồng thời nó tự lịch sử hóa mình, cái thực-tại-nhân-loại của con người chấp nhượng (chấp nhận và nhượng bộ)(2) một tương quan chặt chẽ và được đặt trên một nền tảng vững vàng. Cái đặc quyền «nói lên» (gọi tên sự vật) (3) của thi nhân là cái được tạo lập, nó không những có nghĩa là một phơi mở trao tặng tự do mà còn có nghĩa là nó vẫn được đặt và đảm chắc trên nền tảng thực tại nhân loại.

Nếu chúng ta đã lãnh hội được yếu tính của thi ca, cái tạo lập hữu thể bằng lời, thì chúng ta có thể dò tìm được chân lý ở lời thơ trên của Hoelderlin.



V. **L**Ờ I thơ thứ năm dưới đây chúng ta đọc được ở một bài thơ nổi danh, bài thơ đó bắt đầu như vậy :

Và màu xanh nở hoa

Trên tháp chuông mái thiếc (VI 24)

Ở bài thơ ấy, Hoelderlin viết:

Thật nhiều giá trị đấy,

Nhưng người ở đời như thể thi nhân. (VI 25)

Những gì con người tạo dựng và theo đuổi thật cũng có nhiều giá trị đấy. Tuy nhiên Hoelderlin đặc biệt nhấn mạnh ở đây tất cả những cái đó chẳng liên hệ, chưa phải là bản chất của sự cư ngụ của con người trên trái đất này, nó không thể đạt tới nền tảng thực-tại-nhân loại của con người. Bởi thi ca, những gì mà chúng ta hiểu được hôm nay là sự gọi tên thần linh và gọi tên ngay bản chất của Sự vật. « *Ở đời như thể thi nhân* » có nghĩa là hiện diện trước mặt thần linh và thiết yếu gắn liền với Sự vật.

Thi ca không phải là đồ trang sức đi theo sau thực-tại-nhân-loại, là một rung động thoáng qua, và nhất là nó cũng phòng phải thứ xuất thần đơn giản hay một thủ tiêu khiến nhàn rỗi. Thi ca là nền tảng chống đỡ lịch sử chứ không phải là hình thức biểu lộ văn hóa và cùng

không phải là lối diễn đạt tâm hồn của nền văn minh.

Thực tại nhân loại của chúng ta ở nền tảng thực là thi vị, vậy thì xét cho cùng không thể hiểu nó chỉ là một trò chơi vô hại được. Tuy nhiên trong lời thơ đầu tiên, dẫn trên, Hoelderlin đã chẳng nhấn mạnh rằng « *thi ca là một việc làm vô tội nhất* » ? Làm sao nó có thể tự hòa hợp với bản chất của thi ca như chúng ta lại thấy phơi bày giờ đây ? Như vậy hãy trở lại câu hỏi mà chúng ta đã đặt qua một bên ngay từ đầu. Để trả lời điều đó, chúng ta thử tập hợp cũng trong một cái nhìn bản chất của thi ca, đồng thời của thi sĩ.

MỘ T giải đáp đầu tiên hiện rõ : lãnh vực biểu hiện của thi ca là ngôn từ. Bản chất của thi ca có thể được hiểu bởi bản chất của ngôn từ. Tiếp theo chúng ta phân biệt rõ được thế nào thi ca là sự gọi tên (các thần linh) xây dựng hữu thể và bản chất của tất cả sự vật. Không phải là một lối diễn đạt nào đó nhưng là một ngôn từ nhờ đó mà sự vật được phơi bày ra, lộ trần ra tự nguyên thủy, là tất cả những cái gì mà chúng ta luận biện và sau cùng chúng ta ứng dụng trong ngôn ngữ hàng ngày. Bởi thế không bao giờ thi ca chấp nhận ngôn từ như một chất liệu để biểu hiện và tiền nhận nó, mà ngược lại chính thi ca đã bắt đầu bằng cách làm cho ngôn từ có thể hiểu được. Thi ca là ngôn ngữ nguyên thủy của mỗi dân tộc. Vậy phải nói ngược lại rằng bản chất của ngôn từ chỉ được hiểu bởi bản chất của thi

ca. Nền tảng của thực-tại-nhân-loại là đối thoại, là những gì phò thác cho ngôn từ cái thực-tại lịch-sử-nhượng đích thực. Ngôn từ nguyên thủy là thi ca theo tính cách thi ca là xây dựng hữu thể. Vậy ngôn từ là «*của quý nhưng nguy hiểm khôn lường*», và thi ca là một việc làm nguy hiểm và vô tội nhất

Nhưng thật ra thi ca có phải là một biểu hiện nguy hiểm nhất không ? Trong bức thư gửi cho một người bạn trong chuyến du hành cuối cùng sang Pháp, Hoelderlin viết : « *bạn ơi vạn-vật trước mắt tôi trong sáng hơn bao giờ hết và trọng vọng vô cùng ! Tôi vừa lòng với những gì đang tới, tôi vừa lòng như trong mùa hè. Đấng cha lành ngày trước đang cánh tay hiền dịu, và bởi đó mà đám mây ráng đỏ, mà tia chớp chói lòa phúc đức. Vì giữa những gì mà tôi có thể thấy nơi thương đẽ, dấu hiệu này đã trở thành dấu hiệu thiên phúc của tôi. Ngày xưa, tôi có thể hân hoan khi tiếp nhận một chân lý mới hay một quan điểm hoàn hảo bàn về sự vật gì vượt lên trên tôi, về sự vật gì ở chung quanh tôi, nhưng ngày nay tôi chỉ lo lắng làm sao để cho nó khỏi xa lìa tôi như lão thần Tantale chấp nhận các thần linh mà không thể nào dẫn dắt. (V, 321)*

THI NHÂN là kẻ liều mạng trước lưỡi sét của thần linh. Đây là điều mà bài thơ dưới đây bày tỏ, bài thơ mà chúng ta phải nhận là bài thuần khiết nhất nói về yếu tính của thi ca, bài thơ đó bắt đầu như vậy :

Như một ngày hội lễ, khi người nông dân

Buổi sáng ra thăm đồng ruộng của mình
(IV 151)

Và Hoelderlin viết tiếp, ở đoạn chót :

*Dầu cho là thuận tiện, dưới gióng tổ
của thần linh
Thi nhân ! người hãy đứng lên, phơi
mình mưa nắng*

*Với bàn tay bé mọn này, xin đón nhận
ánh sáng của Cha lành
Và chính cha sẽ trao cho toàn thiên hạ
Vật tặng trên trời gởi trọn ở Thánh
Thư*

Một năm sau, khi trở về nhà mẹ, vì bị thác loạn thần kinh, Hoelderlin đã viết cho cùng người bạn trên, để muốn thoát ra vùng kỷ niệm của những ngày sống ở Pháp :

« *Hành động phũ phàng, ngọn lửa của trời và sự im lặng của người, cuộc đời của họ trong tạo vật, sự giới hạn và thỏa mãn của họ đã đột kích tôi không ngừng như người ta thường nói ở những anh hùng thời xưa, tôi cũng có thể nói rằng thần Apollon đã hành hạ tôi ; » (V, 327)* Vùng ánh sáng chói lòa đã ném thi nhân vào bóng tối. Có cần gì bao chứng từ khác để minh xác sự hiểm nguy khôn lường của việc làm thi nhân. Định mệnh đã tỏ bày một cách đau đớn vậy rồi. Đó là điều báo hiệu cho những câu thơ mà chúng ta đọc được ở bài « *Empédocle* » của Hoelderlin :

Phải vậy,

*Từ thời gian bỏ đi kẻ có tình thần
mình mãi kia đã thốt lời*

(III, 154)

Thế nên «*thi ca là việc làm vô tội nhất*» và làm thơ là lời kêu gọi tự nguyên thủy. Nhưng lời thơ không còn mãnh lực kêu gọi nữa khi ngay chính các thần linh lại bắt chúng ta phải thốt nên lời. Các thần linh nói thế nào đây ?

Và những biểu hiệu đều là

*Thời đại ngôn từ của thần linh xa xăm
vô cùng*

LỚ I diễn đạt của thi nhân vốn ở nơi bất chợt khám phá ra những dấu hiệu này để lại trao về cho dân chúng. Nó là một đón nhận và đồng thời cũng là tặng vật mới mẻ, bởi trong dấu hiệu đầu tiên thi nhân đã phân biệt được cái Hoàn tất và bạo dạn bày tỏ trong lời thơ những gì thi nhân đón nhận được đề báo trước cái còn chưa Hoàn tất.

Sự xây dựng hữu thể gắn liền với các dấu hiệu của thần linh và lời thơ chỉ là lối phiên dịch tiếng nói của nhân dân (*STIMME DES VOLKES*). Đó là chữ mà Hoelderlin dùng để gọi các thần thoại, các diễn từ (*dict*) mà ở đó bản dân phải nhớ đến phần lệ thuộc của mình vào hiện diện trong một cộng đồng. Đôi khi tiếng nói ấy cũng kiệt sức và ngưng hẳn. Nó bất lực, không thể tự mình diễn tả cái chính thực, nó cần có kẻ diễn dịch hộ. Hoelderlin thi ca hóa yếu tính của thi ca không phải ở quan niệm bao hàm một giá trị vượt thời gian, bất biến, vì yếu tính của thi ca đã thuộc về thời gian ấn định rồi. Và nó không hoàn tất y như khoảng thời gian tồn tại trước nó nhưng khi lại tạo lập lần nữa chính yếu tính của thi ca, Hoelderlin đã bắt đầu bằng cách tất định

hóa một thời gian mới lạ. Đó là thời gian của các thần linh vượt thoát và của thần linh nhập về. Đó là thời gian khốn cùng, hiềm nghèo vì nó đánh dấu một thiếu thốn gấp đôi và cũng là một chối bỏ gấp đôi, đấy là cái «*không còn nữa*» của các thần linh vượt thoát và cái «*chưa có*» của thần linh nhập về.

YẾU tính của thi ca, điều mà Hölderlin muốn xây dựng, là mực độ cao đẳng có tính chất lịch sử bởi vì nó liên liệu trước một thời gian lịch sử nhưng với tính cách yếu tính lịch sử ; nó là yếu tính chính yếu độc nhất vậy.

Thời gian khốn cùng quả thật là phong phú cho thi nhân—phong phú đến tưởng chừng như tẻ cồng lại trong nếp suy tư của người vượt thoát và trong chờ đợi của kẻ nhập về để mở màn thanh thoát trong niềm hư vô phù ảo ấy. Kiên trì với mình như một diêm cô đơn cao thượng tách biệt định mệnh riêng tư của mình, thi nhân thể hiện chân lý cùng với bản dân trong cách biểu lộ, trình diện niềm cô đơn ấy và bởi đó làm sáng tỏ nguồn chân lý. Đó là điều bày tỏ ở đoạn thứ bảy trong bài bi ca «*thực phẩm và rượu*» bài thơ mà ở đây chúng ta chỉ có thể hiểu và phân tách được bằng mỗi nguồn suy tưởng của ưu tư mà thôi.

(*WAS IST METAPHYSIK*)

CHÚ-THÍCH (1) Đề dịch chữ « WESEN » chúng tôi thường dùng lẫn lộn hai chữ « YẾU TÍNH » và « BẢN THỂ

(2) & (3) lời chú của người dịch.

quả trứng màu

HỒ HỮU TƯỜNG

Ngày xưa . . .

Ở đất Giao Châu, có một đứa trẻ lên mười, bởi sớm đã mồ côi, nên đến ở mọi cho một phú ông. Sáng sớm, nó phải đuổi trâu ra đồng, giao cho thợ cày, rồi cắt hai bó cỏ gánh về cho con ngựa kim của chủ. Kể, nó phải đổ một thúng thóc vào cối mà giót cho sạch trấu, vì thời ấy người ta chưa chế ra được cối xay. Đến trưa, nó dội thúng cơm ra đồng cho thợ cày và cùng họ mà ăn cơm với muối mè. Gạo còn nguyên những cám, té ra nhờ vậy mà cơm lút hóa ra bổ: nên mặc dầu thức ăn quanh năm chỉ có muối vừng, thằng Tú nhà ta (tên của đứa trẻ) mập tròn, không ốm o ẻo lả như cậu con của chủ ăn toàn những món ngon vật lạ. Thợ cày ăn xong, nằm dưới gốc cây mà ngủ một chập, để rồi làm công việc khác. Còn thằng Tú không được ngủ. Nó còn phải đuổi trâu đi ăn cỏ và

giữ cho chúng nó đừng báng lộn với trâu ở bầy khác.

Lúc ấy, xứ Giao Châu vừa bị người phương Bắc đô hộ. Họ bị cấm dùng văn tự riêng của địa phương, bị cấm đến trường, học cái gì của người bản xứ. Và mỗi làng bắt đầu có nhà trường cho trẻ con học chữ Hán. Song dân không chịu cho con đến học thứ chữ quần quật khó nhớ của người nước ngoài, mượn có là nhà nghèo dầu là con nít, cũng phải tay làm hàm mới có nhai, nên không thể nhịn đói mà đi học. Quan Tàu bèn hạ lệnh bắt buộc các nhà giàu phải gởi con đi học, bằng không thì cha mẹ bị gông cùm, đất vườn bị tịch thu. Phú ông bèn bàn với vợ:

— Như vậy, thì mình phải bắt một trong mấy đứa ở mọi với mình, rồi khai là con mình, sẽ cho nó đi học thay cho thằng con một của mình !

— Ông nói rất phải ! Song trong nhà ta có nuôi năm thằng mọi ... Ta nên lựa đứa nào ngu dần hơn hết mà cho nó đi học. Vì ta có nghe nói rằng, hễ học xong ba năm, thì quan lựa đứa nào thông minh lỗi lạc mà gởi đi học trường lớn. Rồi sau ba năm học ở trường lớn, lại lựa đứa nào xuất chúng mà gởi sang Tàu học nữa, để thi hiệu liêm, mậu tài. Như vậy thì, nếu ta gởi đứa thông minh đi học nó sẽ được chọn mà gởi đi : té ra ta sẽ mất số tiền mà mua chuộc nó hồi trước

— Bà nói rất phải ! Nhưng bà hay sai khiến bọn nó, bà thấy đứa nào là ngu dần hơn nhất ?

— Có thằng Tú là ngu dần hơn hết, sai làm việc gì hơi khó một chút cũng không xong. Nên chỉ đã mười tuổi rồi mà chỉ làm được việc chăn trâu, cắt cỏ giọt thóc và đội cơm ra ruộng ...

Thế là thằng Tú được chọn cho đi học. Tuy vậy, nó chỉ được miễn việc cắt hai bó cỏ, giọt thóc và chăn trâu buổi chiều. Còn sớm mai, nó vẫn phải đuổi trâu ra đồng, mới được bươn bả về nhà thay quần áo của con phú ông mà đi học ; trưa nó phải đội thúng cơm ra ruộng, cùng ăn cơm lúc muối vừng với thợ ruộng, ngồi chơi một giây, rồi mang thúng trở về thay quần áo mà đi học buổi chiều....

BÀ chủ quả có mắt tinh đời. Trong lớp học, không có ai ngu dần hơn thằng Tú. Chữ nhất một nét, chữ nhân hai nét, thì nó còn học được. Đến chữ tam ba nét, nó bắt đầu lộn xộn rồi.

Nó cứ hỏi thầy chữ thượng đã có cây que nằm ở trên, đã đủ nói cái ý rằng ở trên, mà tại sao lại chấm thêm một chấm nữa ? Còn chữ hạ đã có cây que nằm ở dưới, đã đủ nói ý rằng ở dưới, mà tại sao lại chấm thêm một chấm nữa ? Có phải là thừa và làm rối trí học trò chăng ? Ông thầy Tàu nói nó bắt bẻ chữ của thánh hiền, căng dùi nọc đánh nó hai mươi roi vì cái tội phạm thượng. Nó nghe ông thầy Tàu giảng cho học trò lớn rằng : « đời là biển khổ ». Nó lại thấy rằng đời của nó chần trâu, cắt cỏ, giọt thóc, đội cơm chưa khổ bằng nhà trường là nơi nó chỉ lãnh mắng nhiếc, đòn bộp và sự khinh rẽ của chúng bạn... Những lúc nó bị roi vọt mà khóc òa mà chưa ắt đau đớn bằng lúc mà trước khi ngủ, nó nghĩ đến thân phận của kẻ tôi mọi của nó, chẳng những phải làm lụng nhọc nhằn quanh năm, mà phải gánh những khổ ải đáng lẽ dành cho con của chủ nhà.

Một đêm, trong lúc nửa tỉnh nửa mê sau một lúc tức tưởi vì số phận, thì nó thấy một nàng tiên hiện đến và nói :

— Số ta ngày mai phải mắc nạn, vì gặp phải Chàng Tinh bất để ăn thịt. Vậy người cứu ta !

Nói rồi biến mất. Đêm ấy, thằng Tú trần trọc không ngủ, không biết làm sao mà cứu nàng tiên khỏi nanh vuốt của Chàng Tinh. Trưa hôm sau, khi ngồi ăn cơm lúc với thợ cày, nó bỗng nghe gọi liên tiếp :

— Tú ! Tú ! Tú !

Tiếng kêu càng nhặt, càng thất thanh. Tú quay lại nhìn, té ra là tiếng kêu của một con chim đang vướn lưới nhện và trên lưới, có một con nhện hùm to tướng, bụng lớn bằng ngón chân cái càng dềnh dàng, cặp kẹp há rộng ra, bò tới toan cắn chim. Tú lật đặt lượm nhánh rụng, quơ đứt lưới, gỡ chim mà thả cho bay đi.

Đến tối, Tú lại thấy nàng tiên hiện đến và nói :

— Ta cảm ơn người cứu tử. Ta là con chim mắc lưới mà người đã cứu hồi trưa. Chồng ta con chim đực, đã bị con nhện hùm ăn thịt cách đây khá lâu. Ta đã góa, thêm bụng dạ, phải lo lót ổ một mình khi sanh đẻ xong, vừa phải kiếm ăn, vừa lo ấp trứng, nên sức không kham. Đã đói khát mà một ổ bốn trứng, chỉ nở được ba chim con. Còn trứng thứ tư, anh chị nó đã tập bay nhảy đi kiếm ăn được rồi, mà đến nay vẫn chưa nở. Nay, mang ơn người cứu tử, ta cho người quả trứng ấy, đem về ấp cho nở ra chim con. Nó sẽ hót cho vui tai, mỗi lượt người buồn số tử phận.

Trưa hôm sau, khi ăn cơm vừa xong Tú thấy một đàn chim bay tới, một con chim mẹ và ba con chim con, đua nhau kêu lanh lút :

— Tú ! Tú ! Tú !

— Tú ! Tú ! Tú !

— Tú ! Tú ! Tú !

Tú lật đặt dôi theo bầy chim. Đến dưới cội cây, nhìn lên nhánh, thấy đàn chim bu chung quanh một cái ổ. Cội cây to, Tú liệu ôm không vòng khắp, sợ e leo không được. Nhánh lại cao, nó lại sợ leo lên đuối sức, buông tay rớt xuống rồi chết đi. Vì dẫu có leo lên đến ổ, thì một tay đã trót cầm quả trứng, làm sau mà tuột xuống ? Nó đương suy nghĩ, thì thấy đàn chim mỗi con cắn một gốc ổ, mà bay, nâng cái ổ, từ từ để xuống đất, xong lại kêu vang, như từ giả, rồi bay mất.

Nhìn vào ổ, nó thấy một quả trứng màu xanh dợt, có những rằn xanh đậm, như những chữ gì đó. Quả trứng chừng bằng ngón tay cái của nó mà thôi. Nó lật đặt lượm quả trứng, đem về, không biết làm sao mà ấp, bèn lấy một cục gòn mà gói vào cho nó có hơi ấm.

Từ ấy, nó không rời quả trứng, may một cái dây, bỏ vào, đi đâu cũng mang theo. Một hôm, nó đặt cái dây cạnh đầu nằm, thì lạ thay, nghe nhỏ nhỏ như ai rĩ bên tai.

— Thừa bố ! Thừa bố ! Tiếng của con là tiếng của quả trứng trong đây đây !

Đáng lẽ, con phải mổ cho bé vỏ mà chun ra, trở thành con chim. Nhưng nếu đã thành chim thì phải phiền bố làm lồng mà nuôi, đi bắt sâu bọ cho con ăn. Những việc ấy, bố làm thân tôi mọi, đâu có thời giờ mà lo liệu cho con ? Ấu là con ở mãi trong vỏ trứng, trứng nằm mãi trong đây: khi bố đi học, bố để đây bên cạnh tay, bố

có quên, con nhắc bổ, bổ không hiểu, con giải thích cho bổ; khi bổ nằm ngủ, bổ để đầy nơi đầu nằm, có gì cần nói, con thổi thè cho bổ nghe :

Tú nghe tiếng của quả trứng nở sợ, nửa mừng. Sợ vì có một quả trứng lạ ấp rất lâu mà không nở, lại biết nói. Mừng là từ đây, có kẻ nhắc chừng cho học giỏi hơn. Quả nhiên, từ ấy Tú học giỏi lắm, lần đầu đứng đầu cả trường. Đến năm mười bốn tuổi, chàng được tuyển đi đến trường huyện để học. Bổ là khai làm con trai của phú ông, nên vợ chồng ông chủ phải nạp thóc, sắm quần áo, chịu tiền giấy mực, tiền thầy đủ ba năm cho chàng học ở quận. Vợ chồng không biết làm sao thối thác, chỉ có nước làm y như lệ các quan Tàu đã đặt.

Học xong ba năm ở quận, chàng lại được chọn nữa để gởi đi học bên Tàu. Vợ chồng phú ông lại phải đồng thóc, nộp lúa, nộp tiền tổn phí cho ba năm ăn học nữa của « đứa con » mình, thêm phải dọn tiệc đãi đằng quan làng đến « chia vui », vì nhà có phước sanh con thông minh, sắp đỗ đạt làm quan lớn.



N NGÀY trước hôm chàng lên đường, bỗng nhiên có bốn con chim bay đến mỗi con ngậm một sợi chỉ dài, ở đầu chỉ cột vào chéo một tấm lụa điều, trên ấy có thêu chỉ chít những chữ. Mặc dầu Tú đã học thuộc hơn tám ngàn chữ Hán, nhưng chàng không sao đọc nổi những chữ thêu trên mảnh lụa, mà bốn con chim kéo đến

trước mặt chàng rồi kêu « Tú! Tú! Tú! », rồi bay mất. Chàng lật đật chạy đến bên tai rồi hỏi :

Mảnh lụa điều này là gì đây ?

— Thừa bổ bốn con chim ấy bỏ quên rồi sao? Ấy là mẹ đẻ của con, hai anh và một chị đó! Từ khi rời bổ, mẹ và anh chị từ giả lên rừng. Dân tộc của ta, trước khi bị người phương Bắc đô hộ sống chung một nhà, do đó mà có câu chuyện thần thoại rằng Lạc Long Quân cùng vợ là bà tiên Âu Cơ sanh ra cái bọc trăm trứng, nở ra trăm đứa con. Đến khi có quân đô hộ đến, một phần cam chịu số phận bị trị, ở lại đồng bằng; còn một phần chẳng chịu hàng đầu, rút về rừng núi. Trong thần thoại tượng trưng sự chia đôi dân tộc bằng câu chuyện bà Âu Cơ dất năm mươi đứa con mà lên núi, còn năm mươi đứa con ở lại theo cha.

— Chuyện ấy là chuyện xưa. Còn bây giờ, tại sao có mảnh lụa điều này?

— Từ ấy, những người trốn trên rừng, sống từng bộ lạc. Từ trường vẫn gọi là Lạc hầu, con trai được gọi là Quan Lang và con gái được gọi là Mị Nương, phong tục vẫn giữ như xưa, tiếng nói không bị thay đổi, mà vẫn tự vẫn còn nguyên như xưa. Những chữ thêu trên mảnh lụa đó là chữ của dân ta ngày xưa vậy. Còn mảnh lụa này do ai thêu ra? Ấy là của nàng Mị Nương bây giờ. Nàng năm nay tuổi được mười sáu. Kém hơn bổ một tuổi. Tuy ở trên rừng

song Mị Nương cũng nghe đồn rằng bổ thông minh, học giỏi, lại sắp sửa sang Tàu mà du học. Mị Nương thức thâu đêm mà thêu bức lụa điều, rồi nhờ mẹ con và anh chị kéo đến mà tặng cho bố đó.

— Trong bức lụa thêu, Mị Nương viết gì đó ?

— Con không học được cổ tự của người Việt ta, nên không hiểu.



TÚ sang Tàu, học thêm sáu năm, giỏi hơn chúng bạn. Đến chừng thi hội trước triều đình, thì tuy bài vở của chàng rất hay, điểm đáng cao hơn tất cả, song vua Tàu không dựa vào tài năng mà sắp hạng. Vua Tàu viện cái lẽ rằng là dân bị trị, nếu cho đậu cao, làm quan lớn, cai trị lại ngay người Tàu, thì mất mặt dân Tàu. Nên chi, khi sắp hạng, thì chàng lại không được đỗ Tiến Sĩ, mà chẳng được hạng đỗ vớt là Cử Nhân. Thuở ấy bên Tàu chỉ có hai hạng trên mà thôi. Nhưng lần này, Vua Tàu bèn lập ra một hạng thứ ba. Bời tên chàng là Tú, nên vua Tàu lập ra danh từ Tú Tài mà gọi hạng này. Danh từ tú tài khởi từ đó...

Nhưng dầu ai có đỗ tú tài, mà là người Tàu, thấy đều được bổ dụng làm quan. Nhưng chàng Tú, tuy tài cao hơn tất cả các ông tiến sĩ bên Tàu, song cũng không được ra cầm quyền hành chánh. Chàng chỉ được chức quản thủ thư viện. ngày ngày chỉ huy, sắp đặt những sách vở là thứ « vô tri, vô giác » khỏi phải chạm đến tự ái của dân nước Trung Nguyên.

Năm này sang năm kia, hễ lúc nào rảnh thì chàng tìm sách lạ mà đọc. Một hôm chàng đọc được một quyển sách của một người Tàu kể chuyện mình lưu lạc mười lăm năm ở lưu vực sông Nhĩ. Tác giả vốn một danh nho, hơn lúc Tần Thủy Hoàng lên ngôi, giết nhà nho, đốt sách vở nên lẩn trốn ở phương Nam. Sách kể tường tận sự sống của người Lạc Việt và nói rằng văn tự của giống này không giống như lối tượng hình, hội ý, hình than như chữ Tàu. Văn tự này lại ký âm dùng lối bốn mươi dấu mà ghi âm thanh gần giống như phép chuyển chú của Tàu

Từ ấy, Tú lần mò đọc mấy mươi chữ ký âm ấy, cách xếp đặt chúng ra sao. Khi tưởng đã hoàn tất công việc sưu tầm này, chàng mới đem mảnh lụa điều của Mị Nương do bốn con chim cắn dây mà kéo lại cho chàng. Chàng dùng lối ký âm đã tìm được mà mò đọc được câu :

*Nhiều điều phải lấy giá gương,
Người trong một nước hãy thương
nhau cùng.*

TÉ ra, Mị Nương nghe chàng sang Tàu du học, sợ chàng ngoại hóa, làm quan trở lại húng hiếp người đồng tộc, nên thêu bức lụa điều mà nhắn nhủ chàng. Chàng cảm động, sa nước mắt, lật đặt mua một cái gương có giá, phủ tấm lụa điều lên ; và khi nào buồn nhớ tới quê nhà, chàng ngâm câu lục bát với giọng ru em của dân quê... ru cho con ngủ và đồng thời nung nấu cho chúng có cái hồn dân tộc, ngay từ khi chưa bập mẹ

1 - 10 - 1965

HỒ HỮU TƯỜNG

VIẾNG MŨI CÀ MAU

SƠN NAM

A I là người Việt nam mà không cảm thấy phơ phớt trong lòng khi nghe lời thơ, điệu nhạc, câu ca nói lên *Đất nước ta từ Nam Quan đến mũi Cà Mau...*

Mũi Cà mau có gì lạ ?

Các chuyện thần thoại thường đề cập đến những tay lực sĩ thần thánh như bà Nữ-oa đội đá vá trời hoặc các vị tiên có tài « *chỉ qua non, non tan thành biển, chỉ qua biển, biển cạn thành cồn.* » Mở đầu truyện Kiều, cụ Nguyễn Du nói đến một cuộc biển dâu lâu dài. Nhưng tất cả đều thua tay thợ trời đang xây đắp mũi Cà mau làm giàu thêm cho nước Việt, miền Nam.

Nhà địa dư học A.Agard so sánh hình thế miền Nam với một chiếc lá mặt cắt rách te tua nằm trên mặt nước. Đó là ám chỉ các vàm sông Cửu-long và Đồng-nai. Muốn giải thích mũi Cà-mau phải đề cập đến sông Cửu-long vĩ đại. Phát nguyên từ Tây-tạng từ trên cao năm ngàn thước, sông Cửu-long chảy dài trên 4.500 cây số đổ tuôn ra biển từ 4 ngàn thước khối đến 100.000

thước khối nước, mỗi giây đồng hồ. Đất phù sa tuôn mỗi năm là 1 triệu 500 ngàn thước khối. Phần lớn phù sa bồi vào mũi Cà mau, mũi này nơi chót vót bề ngang ước chừng một cây số, tiến ra biển mỗi năm từ 80 đến 150 thước.

Chúng tôi tưởng rằng mãi đến ngày nay, loài người chưa phát minh ra loại máy xúc đất nào làm được công trình nói trên. Ta có thể nói một cách khiêm tốn rằng ; mũi Cà mau là một kỳ quan của nước Việt-nam. Nếu ở các nước khác hằng năm sóng đánh vào bờ khiến đất lở thì ở đây đất mọc ra biển quá mức sự ao ước và tưởng tượng của loài người.

TỪ ĐỜI THƯỢNG CỔ

Từ đời thượng cổ, người Hy-lạp đã từng giao thiệp với với Ấn-độ, Xiêm la. Tại Óc-eo (chân núi Ba thê) đã tìm thấy nhiều di tích từ Địa Trung Hải, đặc biệt là mẻ đai vàng chạm hình vua Antonin Le Pieux và Marc Aurèle của La-mã thời xưa.

Đời Tần, đời Lương, đời Đường các sứ giả Cao Miên cũng mượn đường biên Cà-mau để qua Trung-hoa.

Người Á rập đã gọi mũi Cà-mau là mũi Lani.

Bao nhiêu bằng cứ trên đây chứng tỏ mũi Cà mau là một con đường quẹo « quốc tế » đã chứng kiến bao nhiêu cánh buồm của thương thuyền Trung-Hoa, Mã lai, Nam-dương, Ấn-độ, Xiêm La, Mã Lai, Ba-tư thời xưa.

Lúc Gia-long tàu quốc, mũi Cà-mau đã có rải rác người chài lưới. Độc-giã hẳn nhớ chuyện mấy con sấu thần nổi lên cản ngay vàm sông Ông-độc sông Bồ-đề như báo hiệu có quân Tây Sơn phục kích ngoài biển. Nhờ vậy mà chúa Nguyễn thoát nạn !

Lúc người Pháp mới đến, toàn quận Cà-mau gồm ba tổng, 41 làng với 1225 dân đinh (theo thống kê chính thức)

Tính đồ đồng, mỗi làng 29 dân đinh. Diện tích đất khai thác chỉ chiếm 1 phần 200 (1/200).

Thật ra dân chúng đông đúc hơn nhiều. Chẳng qua là họ tránh sự kiểm soát của Pháp. Vùng biên Cà-mau chuyên về chài lưới vậy mà chỉ có ba chiếc ghe biên chịu ghi vô bộ năm 187 của chính phủ !

QUANH MŨI CÀ MAU

Bây giờ mời bạn cùng chúng tôi đi vòng qua mũi Cà Mau theo đường biên, bắt đầu từ sông Bảy-Háp phía vịnh Xiêm-la.

Gọi là Bảy Háp vì sông này rất nhiều tôm, cứ mỗi con nước, mỗi miệng đáy trúng được bảy (số bảy) háp. « Háp » tức là một đơn vị đo lường ngày xưa, ước chừng một gia (40 lít). Thiết tưởng nếu chỉ có bảy háp thì ít quá. Chắc là bảy háp tôm khô, nghĩa là mỗi con nước được 70 háp tôm tươi...

Ra vàm Bảy Háp đến một vùng sinh lầy đầy cây mắm. Sông Cửa Lớn đổ ngay trên cửa ấy. Vì vậy trên bản đồ chúng ta thấy một hõm sâu vào, khó phân biệt đâu là ranh giữa bùn và đất cứng.

Qua khỏi vàm Cửa Lớn là đến mũi Cà Mau chánh thức. Từ vàm Cửa Lớn đến mũi, bao nhiêu là rạch nhỏ chạy song song nhau. Cứ 5 hoặc 10 thước là một rạch. Tất cả trên ba mươi con rạch chen chúc li ti trên bản đồ. Có lẽ toàn cõi Việt Nam, nơi đây nhiều rạch nhưt.

Mũi Cà Mau nơi chót vót, rộng chừng một cây số bề ngang, nước biển luôn luôn đục ngầu phù sa. Bãi biển dài hằng hai cây số, toàn là bùn. '

Trên bãi ấy, cây mắm mọc dài. Chót bãi là nơi mà hột cây mắm mới nứt mầm. Cuối bãi, giáp đất liền, cây mắm đã thành cổ thụ. Rừng mắm mọc từ dưới lên cao ở xa xem như sườn núi xanh biếc. Hễ đất mới vừa bồi lên cao thì là hột mắm bắt đầu chầm rể.

MẮM là loại cây tạp, un khói rất cay, lá giống như lá bần nhưng xanh đậm hơn. Trái mắm có hột, dùng nấu chè ăn được. Rễ mắm cũng nhô lên như loại rễ gió của cây bần.

Chót mũi Cà Mau thuộc về làng Viên An, gồm bốn xóm, thành lập từ đời Gia Long. Trước khi người Pháp đến, mũi này là nơi các tàu Hải Nam đến bán á phiện lậu thuế.

Ngoài khơi, xa xa là hàng nò. Từng cây đước cao mười lăm thước, xóc xuống gần nhau như hàng rào. Dầu trời êm bề lặng hàng cây đước vẫn đứng đưa vì nước chảy ngầm dưới đáy.

Khách du lịch nhìn ngay mũi Cà Mau chỉ thấy vài căn nhà sàng, sào phơi lưới và trên bãi thưa thớt mấy người bắt sò huyết. Bãi quá mềm, bước xuống là lún. Họ phải ngồi trên một miếng ván bề ngang bốn tấc, bề dài ba thước. Trên ván có ghế ngồi. Người bắt sò phải thả một chơn xuống bùn, đập mạnh cho miếng ván chạy tới (như bèn Âu châu chơi trượt tuyết)

Đến đây chấm dứt phần vịnh Xiêm la, và bắt đầu qua đến ven biển phía nam bề Nam Hải.

Phía bên này cứng rắn phù sa không bồi nhiều. Thỉnh thoảng bãi có cát trắng pha vào bùn non.

Nhìn ra khơi, ta thấy Hòn Sao bản đồ Pháp gọi là (Roche March) và Hòn Khoai (Poulo Obi) Lưng chừng hòn này gọi là hải đăng.

Từ bờ ra Hòn Khoai ước chừng hai mươi hải lý. Đối diện với hòn là khu vườn dừa vườn chuối danh tiếng trước kia do người Trung Hoa tạo lập từ đời Minh Mạng. Các bản đồ xưa của Pháp thường ghi chú jardin chinois. Rất tiếc là khu vườn dài chừng bảy trăm thước ấy đã sụp xuống biển mất

dạng từ bảy năm nay, Nghe nói... sau đó đất vườn trôi ra bồi ngay Hòn Khoai !

Kể đó là cửa Bồ Đề thuộc làng Tân Ân thành lập từ đời Gia Long.

BÀI VỀ ĐÁNH LƯỚI

*Vàm sông ông Đốc.
Khúc vịnh khúc quanh.
Ngó lên đầu gành.
Thấy hòn Đá Bạc.
Phía sau quan sát.
Thấy cụm hòn Khoai.
Đứng ngắm cho ngay.
Trên trời hòn Chuối.
Ba bề từ núi:
Mây áp từng từng.
Ngó ngay lên rừng.
Cây cao nước biếc
Năm nào gặp tiết,
Tháng tám đồng chung,
Kẻ lo ngọn ngàn,
Người lo dọn xip
Giàu thời chẳng nói làm chi.
Nghèo gặp lúc nguy.
Lấy gì sắm nổi ?
Bền lo lặn lội.
Kiếm chủ làm nghề.
Gặp lúc nhiều khê.
Cho con ở độ,
Mua gai cùng nhợ.
Sắm ít gặp câu.
Nhiều anh buồn rầu.
Khoanh tay ngồi ngó !
Chờ khi lặn gió.
Nhảy xuống chia phần.
Bảy chảo đồng phân.
Mỗi người một chảo.
Mặn cho sốt sắng.
Mặn nước rồi chia*

Kẽ lo thức khuya.
 Người lo dậy sớm,
 Bắt đầu vờ nhóm canh ba.
 Nghe tiếng người ta.
 Chim kêu lá rụng.
 Người thoi trong bụng.
 Tình đến Cái Đới.
 Còn anh lồi thối.
 Xẻo sáu đậu đỏ.
 Đá Bạc trở về.
 Ấp Huề hy vọng.
 Trời đà xẽ bóng.
 Cơm nước dọn ra.
 Anh em đẳng ta.
 Rủ nhau mà « sực ».
 Ăn rồi, anh nầy ngáng trước.
 Anh nọ ngáng sau.
 Lặn hụp với nhau.
 Như Tề Thiên đánh động.
 Trời đà khuất bóng.
 Kéo lưới lên che.
 Anh em kết bè.
 Về nhà lượm lặt.
 Anh thì xếp đặt.
 Bữa củi luộc tôm.
 Anh thì nấu cơm.
 Anh lo xách nước.
 Còn tôi biết vá.
 Bèn chụp ghim dao.
 Lưới rách lỗ nào.
 Vá lành lỗ nấy
 Làm cho chủ thấy.
 Khen bạn trầm trồ.
 Mặn nước đồ bồ.
 Tạ còn... bầy yến.

TẠI Vàm sông Bảy Háp có hai mũi đất lấy tên là Mũi Gò Công thiệt và mũi Gò Công giả. Điều ấy chứng tỏ người Gò Công đến đó cư ngụ rất đông. Họ đến vì nguồn lợi dồi dào

hoặc vì để mai danh ẩn tích. Có người vào rừng đốn cây đước hầm than, làm bài thơ tự trào như vầy :

*Rừng nhu nường náo đã từng qua.
 Đốn củi lâu năm mệt sức ta.
 Búa nguyệt để dành vanh cội đước.
 Gươm linh chỉ sá chém cây dà.
 Văng vỏ bao nhiêu ta để đó.
 Đợi thời có nước sẽ đem ra.*

Rõ ràng hình ảnh một người bực tức vì nạn ngoại xâm của thực dân thời trước «*Rừng nhu*» chứng tỏ tác giả là nhà nho. Văng vỏ đồng âm với «văn võ». Số là trước khi hầm than phải đập cây đước cho sạch vỏ. «*Có nước*» ám chỉ cơ hội thuận tiện, đào xong con rạch giữa rừng đước để tiện dùng ghe chở cây ra. Cây đước sống vì nước mặn chết vì nước ngọt. Phải có kinh phải dẫn nước mưa nếu nước đọng dưới gốc cây thì hư cả khu rừng.

MA RỪNG

Hồi xưa và mãi đến ngày nay, nhiều người cất nhà ở giữa rừng, tuốt trong ngọn rạch. Nhiều người thuật lại rằng họ dám đùa giỡn với ma. Thí dụ như khi ma thông tay xuống, họ lấy dao chặt tay ma. Ma lần lượt thông xuống đầu tóc, bắp đùi, vú... Họ vẫn chặt như thường. Chừng xem lại mới biết nầy giờ mình chặt nhầm một khúc « bắp bè » bắp dừa nước. Khi thì ma hiện giữa sông. Ban đầu họ thấy hai ngọn đèn cây rồi đến chiếc quan tài sơn đỏ hai tay người chết thò ra hai bên mà hơi rượt theo xuống kẻ đi đường...

CẢM động nhứt là chuyện sau đây đã xảy ra ở sông Bồ Đề. Anh nọ đi giăng câu nơi xa nhà, mỗi chuyến đi xa hai ba ngày mới về. Vợ anh ở nhà một mình, bất ngờ bị cảm mạo chết. Phen đó vì giăng câu gặp cá nhiều quá, anh ở nán đến bốn ngày sau. Chừng về đến bến, anh thấy vợ anh xuống đón anh, hỏi han sức khỏe. Anh bảo vợ lên nhà nấu cơm gấp. Người vợ vẫn không chịu đi. Từ mình, anh đuổi vợ. Vợ trở lên nhà mất dạng. Anh chạy theo. Chợt hửi nhấm mùi hôi tanh, anh đốt đuốc lên thấy thi hài của vợ anh trên ván, đã có giới. Lập tức anh bơi xuống chạy lại xóm gần đó kêu cứu vì anh hiểu rằng người vợ này giờ chỉ là bóng ma. Bơi xuống sáng đêm đó, anh đến xóm

người Miên, vừa bước lên là mặt ngã xỉu.

Anh liền đốt nhà, thiêu luôn xác người vợ bạc phước.

Đây là một trong muôn ngàn khó khăn của người dân xung phong xuống mũi Cà Mau để tìm kế sinh nhai.

Nhưng đó là những hình bóng cũ!

Vì ngày nay, tình thế khác hẳn. Việc sinh nhai được canh tân hơn. Và từng phút từng giây, mũi Cà Mau cứ tiến ra vịnh Xiêm la, hình dạng nó luôn luôn biến đổi, vài chi tiết không còn giống như chúng tôi đã viết lại trong bài này.

SƠN NAM

Bạn yêu thơ nên tìm đọc :

HÀNH HƯƠNG

Thơ của TRỤ VŨ

Có những tập thơ tự nhận là thơ đạo chỉ vì trong các tập thơ ấy có những danh từ niết-bàn, giải thoát, từ-bi, luân-hồi, đầu-suất, vân vân. Nhưng mà trong nội dung tôi thấy những tập thơ đó không có gì gọi là đạo cả. Trái lại, tập thơ bạn cầm trong hai tay đây quả thực là một tập thơ đạo. Bạn không tin thì xin đọc đi. Trụ-Vũ có khóc, có cười, có buồn, có giận. Anh khóc, cười, buồn, giận, để mà càng yêu càng thương cuộc đời. Nhìn thấy thế-hệ ngày mai dương lên, khô héo quằn quại, " không sân, không vườn, không cây, không cỏ, không mặt trời mặt trăng, không bông hoa cửa sổ ", anh đau lòng hét lên :

*trước đau thương của cả thế hệ ăn mày
tôi hỏi tôi làm chi đó ?*

Ý-thức tự-giác, tôi thấy bừng sáng như một lần chớp giạt. Thế-hệ con cháu của chúng ta sẽ ra sao, nếu hôm nay ta không làm được chi cho cuộc đời ?

(TRÍCH LỜI TỰ)

LÁ BỐI xuất bản

120 trang, giá 45 đồng

TRUNG THU ĐỢI NGƯỜI

TRỤ VŨ

TRĂNG vừa ló chưa khỏi đợt tầm vông khi tôi bước vào ngõ nhà dì Hai. Giữa sân bên tàng cây khế, nơi bộ bàn dài, « ba thế hệ » đang ngồi trước mặt tôi : cụ cố, ông Tư và vợ chồng dì Hai. Trên mặt bàn, những đĩa bánh Trung Thu. Đằng sau lưng họ, mái nhà lá lợp xộp làm « nền ».

Cảnh này đón tiếp tôi với một niềm thân yêu và trang trọng. Tôi bước tới. Ông Tư và vợ chồng dì Hai đứng dậy ; cụ cố ngồi ngó tôi mà cười. Ông Tư nói :

— Mời ông giáo ngồi. Nghe nói, bữa nay mới được gặp ông giáo.

Một chén trà nóng đặt trước mặt tôi. Dì Hai cười hiền lành, lên tiếng :

— Được vợ chồng ông giáo thương cháu, chúng tôi cảm ơn nhiều. Bữa nay nhân thẳng cháu Lưu được về phép, chúng tôi mời ông giáo qua uống chén trà mừng cháu.

Tôi nói :

— Vậy thời mừng lắm. Nghe cậu em lâu lắm trận mạc xa xôi chưa được về nhà. Vậy cậu ấy đâu, sao không ra « uống trà thưởng trăng » luôn thể ?

Người chồng dì Hai cười. Dượng đưa một cánh tay cụt ra quơ quơ và nói.

— Cháu nó đã về đâu. Sáng nay có thằng Tâm, bạn đồng ngũ của nó được về phép, ghé báo tin cho nhà tui hay cháu nó cũng được về. Đi chuyển xe sau, chừng tối nay về tới. Nhân đêm Trung Thu, nhà tui soạn chút tiệc trà mừng cháu.

Luôn dịp mời ông giáo ... Lâu nay, nghe mẹ cháu nhắc nhở ông giáo hoài, cũng mong được gặp ...

Chúng tôi, chủ và khách, chuyện trò qua lại vài câu theo như thường lệ .

Sau đó, « bữa tiệc » bắt đầu. Chiếc bánh nướng nhân đậu xanh lòng đỏ trứng gà, dì Hai cắt khéo. Mỗi miếng bánh đều có phần lòng trứng. Cầm miếng bánh lên nhìn thấy lòng trắng trứng hồng hồng, ăn thật bùi miệng.

Tôi vừa nhai bánh vừa nghĩ về gia đình dì Hai, những người ngồi trước mặt tôi đây, trong ánh trăng trung thu này.



GIỮA trời, mặt trăng rằm đã lên khỏi đợt tầm vông chừng một gang tay. Gió đêm mát mẻ. Xa xa có tiếng súng gầm, như đề làm « bối cảnh ».

Xón xao đầu đây có tiếng trẻ đùa chơi. Đột biệt là đêm nay vắng tiếng rao chè, vì dì Hai đã nghỉ bán. Dì ở nhà « dự tiệc », ngồi trước mặt tôi. Để chừng đã mấy năm nay không biết là mấy năm rồi — dì Hai mới nghỉ bán chè đêm một lần. Những ban đêm của xóm Mả-đen—it ra cũng từ ngày tôi về nhập xóm, nghĩa là cách đây đã bốn năm — luôn luôn « gắn liền » với tiếng rao chè của dì lâu ngày rồi hóa thành như một, hóa thành « không thể thiếu ». Thỉnh thoảng tôi có đi xa một vài hôm, trở về xóm, đến khi chiều xuống là tự nhiên trong lòng lại có ý chờ đợi tiếng rao kia. Làm như tiếng rao chè của dì Hai là một phần hơi thở, một phần tiếng nói, một phần nhạc khúc thường xuyên cố hữu của xóm Mả đen vậy.

Thỉnh thoảng ban đêm xóm Mả đen cũng có những tiếng mới lạ nổi lên, xen vào tiếng ịa ó, tiếng chúm bới, tiếng Tàu, tiếng Tây... hay như tiếng trẻ chơi trăng của đêm trung thu này chẳng hạn nhưng đó chỉ là những tiếng « thỉnh thoảng » ; còn tiếng « mãi mãi » vẫn là tiếng rao chè của người mẹ ngồi trước mặt tôi đây. Tiếng rao lạnh lốt ngán trong đêm, xa lại gần, xóm trên rồi xóm dưới. Tiếng rao dịu ngọt, hiền hòa, có ý kiên nhẫn, bền bỉ. Những đêm mùa nắng êm ả, những đêm mưa gió bão xôn xao, tiếng rao chè vẫn ngân nga, có ý bất chấp.

THỰC ra, tôi quen dì Hai, khởi sự cũng từ mền tiếng rao của dì. Thỉnh thoảng tôi lại kêu gánh chè của dì vô ăn. Đồi trao vài ba câu chuyện. Dì Hai, giọng cũng như người : một gương mặt hiền lành, chịu đựng, gương mặt người mẹ Việt-Nam. Dì mặc đồ bà ba đen bao giờ cũng chỉ bộ đồ bà ba đen. Gánh chè của dì kêu bằng « bột khoai bún tàu đậu xanh nước dừa đường cát » di rao như thế. Dần dà, qua câu chuyện, tôi được biết sơ gia cảnh của dì. Dì Hai có người chồng tàn phế,

cụt cả hai tay. Đó, người đàn ông ngồi trước mặt tôi, bên cạnh dì Hai : một gương mặt loang lổ, chảy ra như sáp, trên đó đang long lanh sáng một cặp mắt không lông mày, là người chồng của dì Hai đó. Trông người chồng của dì Hai khủng khiếp như thế, nhưng không phải là bị cùi hủi đâu. Tôi biết chắc như vậy, vì trước đây dì Hai đã kể nguyên nhân rồi : chồng dì bị bom na pan may mắn lắm mới còn sống sót.

Dì Hai kể với tôi, vợ chồng dì có hai đứa con. Thăng Lưu, năm ấy—dì kể với tôi cách đây chừng ba năm, mười tám tuổi, học nghề thợ điện. «Cháu nó—dì kể—đã học tới lớp nhất rồi, nhưng nhà nghèo, phải nghỉ. Còn đứa thứ của dì là gái, năm nay mười bốn tuổi. Cái câu «vợ chồng ông giáo thương cháu, dì Hai nói ban nãy là chỉ con bé này. Số là vợ tôi là giáo viên trường công lập. Chúng tôi, sau khi được quen biết dì Hai cũng có chút ý giúp đỡ dì nên xin cho con bé vào trường công, nơi vợ tôi dạy. Con bé tên là Út, năm nay học lớp Nhì.

NG O Ì ra trong nhà dì Hai còn có cụ cố và ông nội. Vị chi là cả bốn thế hệ quây quần dưới một mái nhà. Cụ cố : cái bóng già nua ngồi trước mặt tôi đây, già nua và cổ thời. Trên gương mặt cằn cõi, má, tóc quăn búi tó bạc như bông. Trông cụ, người ta nghĩ đến một cụ già Việt Nam. Không phải là một cụ già Việt Nam trong tranh «phước lộc thọ», đẹp lão, phương phi tiên phong đạo cốt, mà là một cụ già Việt Nam... đã trải nhiều đau khổ. Như một cây đa, sau bao phen gió bão... Xơ xác, tiêu điều... «Cái bóng cổ thời» đó ngồi bên cạnh hai thế hệ : con và cháu, đề cùng họ chờ đợi một thế hệ thứ tư, «lát nữa sẽ về đây».

Ngồi bên cái «thế hệ thứ nhất» là cái «thế hệ thứ hai» : ông Tư. Ông già này thì tôi đã «biết qua» một phần nào. Trong những lúc trò chuyện, dì Hai thường nhắc đến ông. Theo lời dì, ông Tư rành khoa lý số.

Ông biết Sấm Trạng, ông hiểu Thiên Cơ. Đó là theo lời di Hai thôi, chứ tôi cũng không hiểu ông rành như thế nào. Có điều, tôi có được thấy cái tài « đoán diễm » của ông đôi lần... Ngộ thật.

LÚC này, ngồi trước mặt ông, nhìn ông, tôi lại nhớ tới những chuyện nọ. Nguyên cái tài đoán diễm của ông tôi không được thưởng thức trực tiếp mà là thưởng thức qua lời di Hai. Tôi còn nhớ : một hôm - khi đó vào lúc trời chiều, tôi gặp di Hai ngoài ngõ. Di dừng bước, đặt gánh chè xuống đất, gương mặt nghiêm trọng, di nói với tôi, giọng thành kính : « Ông giáo thấy trời bữa nay có lạ không. »

Tôi có vẻ không hiểu, thì gì « giải nghĩa » :

— Ông giáo coi : bây tám giờ rồi mà trời sáng rực. Lóng này, gần về đêm rồi mà trời lúc nào cũng sáng rực. Ông giáo không đề ý sao ?

Tôi nghe lời di, « đề ý ». Quả nhiên thấy trời sáng rực thật. Tôi coi đồng hồ : tám giờ kém năm. Khắp bốn phương, trời sáng rực, lớp lớp mây vàng. Quả là một hiện tượng khí hậu khác lạ. Tôi nghĩ năm nay thời tiết có sự đổi thay. Tôi nói : Ờ, năm nay chắc tiết trời hạn đó, di Hai.

Không phải đâu, ông giáo. Nội mấy cháu nói : đó là diễm sắp thái bình.

Giọng di hai càng thêm thành kính :

— Nội mấy cháu rành thiên cơ lắm. Ông coi theo kinh sách, ông nói chắc không sai

Dì Hai nói như vậy, cung cách của di như vậy nhưng tôi không buồn cười.

Mặc dù là lời nói của di, cung cách của di có vẻ buồn cười, nhưng tôi không thấy buồn cười. Tôi là một người Việt Nam, đã trải qua

trên hai mươi năm đau khổ quần quai trông đợi thiết tha, đời tôi đã từng gặp hàng chục hàng trăm bà mẹ như thế: tôi hiểu. Bà mẹ nào mà không thích bình yên, không thích yên vui không thích yên ổn, không mơ thái bình. Nhất là những bà mẹ đã từng hụp lặn trong khổ hải chiến tranh, những bà mẹ có đứa con sa trường. Họ sờ soạng bám víu tứ phương ... đó là điều dễ hiểu. Đáng kính, đáng thương.

Ngay cả cái ông già «nội mấy cháu» những lời đoán diễm của ông cũng là dễ hiểu. Cũng là «đúng» cũng là «thật» muôn phần .

Tôi nghiêm trang hỏi di Hai :

— Vậy há di ? Vậy thôi... ông cụ có nói chừng nào thời được thái bình không ?

Di Hai đáp, đôi mắt tròn nâu hạt giẻ của di sáng lên, sáng rực lên :

Gần rồi. Nội trong năm nay. Nội trong tết này.

«Nội trong năm nay», nhưng cái «năm nay» đó qua đã lâu rồi. Như thế càng tiện: để cho ông già «nội mấy cháu» còn có dịp đoán diễm thái bình nữa chứ !

LÀ N này, diễm thái bình là một con chim lông đen chết mất nơi sợi dây điện. Không biết đó là con chim gì, vì chết đã lâu, hình thù co quắp lại. Một buổi chiều mưa lâm râm, di Hai, về bí mật vừa mừng vừa hải đến tìm tôi. Di đặt gánh chè xuống, « báo tin » :

— Ông giáo ông ra đây mà coi.

Tôi theo di ra ngoài ngõ. Di đưa tay chỉ, miệng khẽ nói : «Ông giáo thấy không ?»

Phải tôi có thấy : một con chim lông cánh đen thui, chết treo trên sợi dây điện mắc ngang đường. Giữa nền trời âm u, cảnh con chim chết treo thật là thê thảm,

lại có vẻ rùng rợn. Tôi chưa kịp «nghĩ ra» thì dì Hai nói :

— Nội mấy cháu nói : đó là diêm nước mình sắp yên. Đề coi : ba tháng nữa yên.

Dì Hai nhìn soi bói mặt tôi xem chừng dì thấy là tôi *chưa tin* và «giải nghĩa» :

— Con chim mà làm sao mà chết trên sợi dây điện được : Đó là diêm trời.

Tôi phải kè thêm, « cho đủ bộ sản phẩm của ông Tư » : Còn một diêm nữa ; Những con chuột làm ổ trên đọt tre ! (Trong xóm tôi, có những con chuột *lập dị*, làm ổ trên những đọt tre).



TÓM lại, đối với ông Tư, cái ông già « nội mấy cháu » ngồi trước mặt tôi đây, dường như cũng thành diêm được cả ; và những cái diêm ấy thật buồn cười. Hồi chưa gặp ông và cả giờ phút này, cũng vậy tôi vẫn cảm thấy thương thương khi nghĩ đến ông. Ông già « tóc kê » thật, « ngộ nghĩnh » thật, « đáng yêu » thật. Và bây giờ, ông già ấy ngồi trước mặt tôi, hơn hờ « thường trắn ». Mặt ông cũng là cả một cái gì mâu thuẫn đến ngộ nghĩnh : in tuồng vừa khắc khổ khô héo mà lại vừa hơn hờ tươi tỉnh. Trên gương mặt xương xương thì đầy những vết nhăn tuổi tác và lo nghĩ, nhưng trong khi đó thì đôi mắt nhắm nheo lại như có tia sáng, cái miệng khô héo lại như có nụ cười. Tôi xin thú thật cho rồi: cái ông già này thật khó mà tả được !



TÔI có một điều nhận xét: đó là gương mặt của ba người đàn ông này: cổ, ông và cha, hay nói một cách khác: ông, cha và con, có một diêm đặc biệt là vừa khác nhau mà lại vừa giống nhau... Có những diêm khác, có những diêm giống....

Mặt người cổ thì khô héo, hấp hèm, mệt mỏi; lại có một vẻ gì cổ kính và thanh thoát nơi mái tóc bạc quăn búi tó kia . Mặt người ông thì vừa cần cỗi vừa hơn hờ, vừa thâm lại vừa tươi. Khó tả. Còn mặt người cha (chồng dì Hai) thì thật là quái dị: Loang lổ, sứt mẻ, như một bộ mặt của lượng sắp bị hơ vào lửa; nhưng trên gương mặt bất nguyên diện mục đó, lại long lanh một đôi mắt rất sống, như hồn người. Tuy thế, ba gương mặt lại đồng một khuôn, xương xương, vuông vức đồng một kiểu trán cao gồ... Đồng những nét phong trần gian khổ, những nét trải qua.. cũng như những nét hiền hoà, nhẵn nhụi..

TÔI vừa uống trà ăn bánh vừa âm thầm nghĩ về những người trước mặt tôi. Quanh tôi, gió thổi lai rai, Ngó liếc xuống sân, mấy bóng tàng cây khế đã ngăn lại, sắp sửa thành một cái lộng tròn. Gió thổi đông đưa, bóng lá khế lao xao nháy nhót. Xa xa tiếng súng vẫn gầm lăm như không gầm thì không được. Nghe tiếng súng, tự nhiên tôi nghĩ đầu đầu tới chốn sa trường..

Chợt dì hai nói :

— Để chừng tới mười giờ rồi. Sao thằng Lưu chưa thấy về ?

Ông Tư cắt ngang :

— Chi tới ! con Hai, đừng có trông. Trông thì thấy lâu. Nó không về bây giờ thì chút nữa nó về. Tao biết chắc.

Vừa nhìn tôi, ông vừa tiếp :

— Thôi, đề nói chuyện với ông giáo cho vui. Tui hỏi ông giáo : thời thế rồi đây ra làm sao ?

— Dạ, cháu cũng chẳng biết chi nhiều. Đại khái thì đánh nhau.

— «Ỗ xì ! » Đó là tiếng «tán thán từ» của cụ cổ. Đột nhiên.

Mọi người hướng nhìn cụ cố, chờ đợi.
Và cụ nói :

— Bây giờ đánh nhau không có hay !

Cụ buông một câu nửa lửng. Dượng Hai cười, hỏi :

— Sao mà không hay, thưa nội ?

Cụ cố không thèm ngó ngang đến người hỏi. Cụ quay sang tôi :

— Thiệt là không hay, phải không ông giáo ? Đề tui nói ông giáo nghe mấy đứa này nó không biết gì. Hồi xưa... người ta đánh nhau «quân tử» lắm kia. Như quân Hưng Đạo Đại Vương chống quân Mông cổ hay bên Âu châu...quân Pháp đánh với quân Anh.

Cụ cố dừng lại, nhìn tôi. Tôi vội vàng gạt đầu lia lịa, dạ luôn ba bốn tiếng, mặt dầu cũng chưa vỡ lẽ quân Hưng-Dạo Đại-Vương đánh quân Mông Cổ hay quân Pháp đánh với quân Anh thì quân tử ở chỗ nào.

VỪ A may, cụ cố nói tiếp, « về chuyện quân Pháp quân Anh » :

— Ông giáo thấy không : hai bên ra trận, ăn vận áo mao đường hoàng. Có trống, có kèn, có cờ, có xí. Có hạ chiến thư. Trong chiến thư còn hẹn rõ « đánh nhau ở chỗ nào ». Rồi quân hai bên sắp hàng chữ nhất, chỉnh tề ngay thẳng. Quân cầm súng, cầm súng, quân cầm gươm, cầm gươm, đều răng rắc như khi tập trận. Quân hai bên cứ theo tiếng trống mà tiến, một hai nhịp nhàng. Tiến cho tới lúc gặp nhau, là đánh ! Bên nào lỡ thua, thối kèn thua là thôi, không giết nữa. Lại còn thương binh thời coi như nhau, bất cứ bên nào thắng là phải tận tình săn sóc. Khi còn đủ sức đánh, là thù nghịch ; khi bị thương rồi, là

anh em. Thật là đường hoàng, là quân tử không phải hay sao?

...Lại còn có khi lâm trận gặp lúc sa mù. Quân hai bên mắt không thấy đường, tiến mãi đụng đầu nhau rồi mà tướng chưa hô bắn. Thôi hai ông tướng lịch sự nhường nhau. Ông này nói: «Xin lỗi (?), mời ngài bắn trước» — «không dám, xin mời ngài ». Nhường nhau một hồi, hai ông tướng nói :«Hân hạnh» ,rồi mới cho quân khai hỏa...

Cụ cố nói xong, có vẻ «tin tưởng» lắm. Ông Tư, dượng Hai, và cả dì Hai đều cười tùm tùm. Còn tôi thì không cười tùm tùm vì tôi là khách. Tôi nói :

—Thưa cố, đúng lắm. Đời xưa quân tử hơn nay.

DUỖNG Hai lên tiếng «giải nghĩa» với tôi — Nội tui ngày xưa có đi lính, dự trận «cát-to-đít-duýt» bên Pháp. Hồi trước cụ là quân cần Vương, sau thất bại về đầu hàng. Gặp lúc bên Pháp có chiến tranh, Pháp nó bắt cụ đăng lính lưu hậu lên tàu qua Tây chống Đức.

Dượng Hai cười :

— Nên chi, cụ thường hay «nhắc chuyện Âu châu»...

Cụ cố gạt đầu, đôi mắt hấp hèm nhìn tôi :

— Phải, hồi đó tui có đi lính. Tui đi lính, con tui đi lính, cháu tui đi lính, chít tui cũng đi lính... Nhưng mà... chuyện hồi xưa hay hơn.

Nghe cụ cố « chia vẹt-bò» như thế, tôi lấy làm ngạc nhiên. Tôi quay sang hỏi ông Tư :

— Nói vậy hồi đó cả ông Tư cũng có đi lính sao ?

— Có chớ. Thời cũng trong cuộc chiến tranh kéo dài cho tới đời sắp nhỏ đây... (Ông Tư nhìn chú Hai, người tàn phế, đôi mắt đầy yêu thương). Có điều, tui vẫn còn được may mắn hơn chúng nó...

— Ông Tư đi lính hồi nào ?

— Thời cũng hồi đầu kháng Pháp. Nhưng tui thường dự mặt trận bên Lào. Hồi đó tui sống bên Lào ; ở quê nhà, sưu cao thuế nặng, nên tui phải lưu lạc tha hương... Nhưng mà, cũng gặp lắm chuyện hay...

— Dạ, người ta nói ở bên Lào vui lắm. Tết nhất quanh năm.

— Phải, dân họ đơn sơ chuộng đạo lý, ưa sống thuận hòa. Họ biết thương nhau. Nên được trời thương.

TÔI nghe «con rồng dân tộc» nổi lên :

— Dạ ông Tư, dân mình cũng thương nhau lắm chớ !

Ông Tư gục gặc đầu !

— Phải, tùy theo cách hiểu thời dân mình cũng có biết thương nhau...

Hai tiếng «thương nhau», ông Tư nói giọng kéo dài : ông ngưng nói rồi, mà tiếng nghe còn vắng.

Sau đó, chúng tôi ngồi im lặng. Không ai bảo ai mà mọi người cùng không nói gì. Dì hai rót thêm trà, cắt thêm bánh. Tiếng nước rót vào chén nghe ròn ròn ; nhìn vào chén nước, sóng sánh trắng tan.

LÚC này mặt ông Tư có vẻ mơ màng như đang nghĩ tới chuyện xa xưa.

Chợt ông Tư mỉm cười thú vị. Rồi ông nói :

— Đề tui kể một chuyện ngộ ngộ

trong thời chiến tranh ông giáo nghề Chuyện xảy ra bên Lào. Hồi nãy ông cụ tui đã kể chuyện bên Tây, giờ tui kể chuyện bên Lào. Chuyện này ngộ lắm, hiếm có. Ông giáo biết không... hồi đó bên Lào cũng có cuộc chiến tranh kháng chiến như bên mình. Thời cũng trong xứ hai vùng : kháng chiến và vùng Tây Ở những vùng quê, nơi cũng đồn cũng bót Chuyện tui kể đây xảy ra nơi vùng Pắc. Thạng vùng khi ho cò gáy... Từ ngoài đường cái đi vô xa xôi tới mười cây số đường đất, phải qua bảy cây cầu. Trong vùng có một cái đồn Tây do bọn dân binh Lào đóng giữ. Nói là đồn Tây chớ chẳng có Tây, chỉ có người Lào. Bọn Tây nó ngán nơi xa xôi hẻo lánh này... Chỉ thỉnh thoảng mới mở cuộc hành quân, còn thường nhứt thì giao cho lính Lào bảo vệ.

Hồi kháng chiến, tui có lần trấn quân nơi vùng đó. Tui thấy chuyện lạ về chiến tranh. Ông giáo biết không, ai đời mà quân lính hai phe vầy đoàn uống rượu ! Hồi có chuyện nào mà lạ như vậy không chớ ? Hai bên là quân thù nghịch, bên thời phe Tây bên thời phe kháng chiến ! Khấp xứ hai bên đang ở trong cuộc chiến tranh, đánh nhau rần rần. Vậy mà ở nơi Pắc-Thạng này họ lại vầy đoàn nhậu nhẹt chơi...

PHÍA trước cửa đồn có một cây cầu, dưới cầu nước chảy lẩn tẩn. Cứ buổi chiều, đám lính trong đồn vận «xà-rông» thả ra cầu đó. Chúng mang theo nào là rượu, nào là thịt hộp, toàn là đồ Tây, bày biện giữa cầu. Chút chi rồi bọn kháng chiến cũng ra, người thời mang theo «khậu-lam» là một thứ xôi nước dừa nướng trong ống lồ ô người thời mang theo gà luộc, vịt luộc ... Có người mang theo cả cây «khèn»

cây đôn. Gió chiều lai rai thổi. Đám dừa nước rung rinh dưới nước bên cầu. Vậy rồi thời các anh hùng chiến sĩ hai bên xáp lại : nhậu !

Thời thời chén chú chén anh, điệu «khèn» tiếng quyền, in như cảnh tượng thái bình. Trên cái cầu cây bắc ngang rạch trước cửa đồn Pắc-Thạng cứ chiều tới là bày ra cái cảnh vui say náo nhiệt vô cùng. Gặp lúc sáng trăng, tốt trời, đám tiệc dăm kéo dài tới hai ba giờ sáng ! Dân bà phụ nữ trẻ con ông già bà lão thấy cuộc « đưng độ » lối này xét ra vô hại, họ kéo tới tham dự luôn, khác nào hội chợ !

... Ban đêm đã nhậu với nhau thời ban ngày đánh nhau sao đặng. Ban ngày, hai bên thông thả... Ngày này qua ngày nọ, vùng Pắc Thạng im ru tiếng súng, như thề là không có chiến tranh...

NÓI thiệt hồi đó tôi ở vùng Pắc Thạng cũng được khoẻ lây. Đã khỏi đánh mà còn được nhậu. Thời thấy người ta vầy tiệc vui vẻ quá, mình cũng phải tìm cách nhập tịch với chó ! Ông giáo đừng nghĩ về chuyện an ninh : ở vùng này mà nhậu nhẹt thì khỏi lo. Lính trong đồn thời nó nhậu nhẹt với mình rồi. Chỉ lo nội mặt lính Tây đi « ộp »... Nhưng từ đường cái vô trong này xa tới mười cây số, cách tới bảy cái cầu... Tây vừa dõm tới, mình đã hay tin. Và chẳng có vô tới đây, hỏi lính trong đồn, thời cũng chỉ thấy toàn anh em nhậu nhẹt... cảnh tượng thái bình...

ÔN G Tư kể chuyện dưới trăng. Giọng ông nghe vừa hài hước lại vừa cảm khái. Ông dừng lại một giây, rờ ba sợi râu rồi tiếp :

— Trong thời đánh giặc của tui, hồi đó

là vui nhứt hạng. Còn lại... cũng gian khổ như mọi người. Chiến tranh mà vui sao được. Nước Việt mình, khổ nạn liên miên. Hồi đó, tuổi trẻ hăng hái... Bây giờ già rồi, tui chỉ còn biết «coi sổ, đoán điềm». Nghiên cứu sấm trạng, điềm trời, coi thử lúc nào được yên. Cũng là một cách...

Tôi tán thành ông Tư :

— Dạ phải, cũng là yêu nước...

Dượng Hai xen lời

— Ông giáo à, nội cháu xem «điềm trời» nói nước mình sắp tới thời bình trị»...

Ông Tư giọng hăng hái như gây gổ :

— Chớ không sao ? Cũng sắp tới rồi. Mà này, thằng Hai, mày có biết câu : «Vàng trui trong lửa lâu càng tốt» ? Dân Việt mình trải nhiều thử thách, mai sau hơn người...

Suốt bữa « uống trà thưởng trăng », dì Hai im lặng. Bây giờ dì mới nói; nhưng dì không nói chuyện mà bọn đàn ông chúng tôi đang nói, chuyện «bên Tây bên Lào». Dì nói:

— Sao bây giờ mà thằng nhỏ chưa thấy về. E cũng tới mười một mười hai giờ rồi.

Ông Tư cắt ngang:

— Gì tới! Con Hai cứ yên tâm. Chút nữa nó về tới. Tao biết mà.

Dượng Hai đưa một cánh tay cụt đặt lên tay vợ:

— Má nó kiên nhẫn. Đề nói chuyện...

Người đàn ông tàn phế đó quay sang tôi

— Ông giáo à. Nội tui vừa nói : mai sau dân Việt mình hơn người... Ông giáo đồng ý không ?

Tôi gạt đầu :

— Dạ đúng chứ, dưỡng Hai. Đừng nói chi mai sau, bây giờ dân mình cũng đã có lắm cái hơn người rồi.

— « Đúng ! Đúng ! » Dưỡng Hai thốt lên hai tiếng, rồn rảng như tiếng trống châu » Trên gương mặt tàn phá, sứt mẻ, chảy nển đôi mắt dưỡng sáng lên. In như luồng điện chạy trong người dưỡng vậy. Và dưỡng nói, giọng nhiệt thành tâm sự.

— Tôi cũng nghĩ như vậy. Đau khổ làm con người trưởng thành, to lớn Rồi. đây... Cảnh đau thương phi nghĩa này sẽ qua đi... Minh sẽ đoàn kết lại... Không cần chủ nghĩa Tây tàu nào cả mình theo chủ nghĩa Việt Nam... dân mình sẽ đoàn kết lại, và sẽ hùng mạnh.. Sẽ xây dựng một nền văn hóa lớn lao, chiếu ánh sáng khắp năm châu, soi sáng cả vùng Đông Nam Á... Minh sẽ xây dựng một « Liên bang Đại Việt Nam Anh hùng »... Dân mình sẽ không phí xương máu chém giết nhau nữa, mà sẽ hướng tất cả sinh lực vào việc phát triển Tộc Quốc...

TH Ứ thật, ai có ngồi nơi chỗ tôi đang ngồi đây, mới hiểu : trong buổi đêm thanh, ngồi trước một con người tàn phế cụt-cả-hai-tay này mà nghe người ấy nói như thế, thật là một điều không thể tả. Tôi muốn khóc.

Chợt cụt cổ, nãy giờ ngồi thiu thiu như cái bóng, thốt lên :

— Ôi, tui bây nói « tàu bay tàu lặn » cái gì đâu ! (Cụt quay sang tôi). Ông giáo à, tui già kè miệng lỗ rồi, không tưởng xa xôi gì hết ; chỉ mong thấy mặt thằng cháu. Nó là « hạt máu cuối » của nhà này...

Ông Tư quay qua trấn an cụt cổ :

— Không sao đâu, cố. Thằng Lưu nói sẽ về mà. Thôi bây giờ cố đi nghỉ đi ; chừng nào thằng Lưu về tôi kêu cố dậy.

Ông Tư dắt cụt cổ vào nghỉ xong, trở ra. Dì Hai nhìn ông Tư, thờ dài nói :

— Nội nói thằng Lưu về mà chừng nào mới về. Sao bây giờ chưa thấy ? Khuya rồi...

Ông Tư đáp, giọng vẫn tin tưởng :

— Hai, con cứ yên tâm. Thề nào thằng Lưu cũng về. Tao « coi » kỹ rồi mà.

Ông đưa mắt nhìn về phía cây khế, nơi có đặt cái trang thờ lộ thiên, suy nghĩ rồi bảo dì Hai :

— Tao coi kỹ rồi. Thế nào nó cũng về. Không bữa nay thì bữa mai. Chắc nó lỡ chuyển xe... Thôi bây giờ con nghe chú đây : Thắp ba cây hương mà khấn, cho nó về sớm.

Dì Hai nghe lời đi đốt hương khấn rồi cắm vào cái bát nhang nơi trang thờ, Dưỡng Hai nhìn theo vợ, nói :

— Tui cũng muốn khấn mà cụt cả hai tay thì làm sao đây ? Thôi mình đốt giùm tôi ba cây luôn.

Thế là đã có sáu cây hương nơi bình nhang. Xong rồi, đến phiên ông Tư, vị chi là chín cây hương tất cả. Chín cây hương cầu nguyện của ba người.

TH Ắ Y « mọi sự đã xong » tôi tỉnh đứng dậy cáo từ. Thì bỗng nghe ngoài ngõ có tiếng xôn xao. Tôi quay mặt lại nhìn ra ; trong ánh trăng rằm lúc này mặt trăng trung thu đã lên tới đỉnh đầu, ngự trị sáng chói từ ngoài ngõ tre, một đàn trẻ chơi rằm trung thu đang tung tăng, bước vào. Một

đàn trẻ con tung tăng, tíu tít, những cây đèn lồng đỏ đỏ, xanh xanh.

Đàn trẻ xuất hiện, cái sân trắng của chúng tôi *như có linh hồn*. Đứa trẻ đi đầu là con Út, con vợ chồng dì Hai. Con bé chào tôi rồi hỏi mẹ :

Anh hai con về chưa, má ?

— Chưa. Chắc ngày mai mới về. Thôi để má dọn bánh cho mà ăn. Con kêu hết sắp nhỏ vào cho chúng ăn luôn.

Bọn trẻ không đợi mời thêm, reo mừng xúm lại. Chúng leo lên những chỗ ghế không. Còn ba đứa nhỏ nhất thì ngồi lên lòng chúng tôi. Thế là bữa tiệc của người lớn đã biến thành bữa tiệc của trẻ con.

Ông Tư vui vẻ nói :

— Vậy mới phải chứ ! Tết của nhi đồng mà !

Bọn trẻ ăn mau quá, loáng một cái đã hết sạch trên đĩa. Dì Hai xem chừng cũng vui lây, mặt mày hớn hờ. Dì nói :

— Còn nữa, để đi lấy cho mấy cháu.

Dì Hai đem ra rất nhiều bánh, rất nhiều chuối. Lại cả những chén chè

nữa. Thôi thì đầy đủ tặng phẩm cho những “vị khách nhi đồng ». Vừa cắt bánh dì Hai vừa nói với tôi.

— Bánh này để phần thắng cháu Lưu. Cháu nó chưa về, thôi để chia cho sắp nhỏ. Cho chúng nó vui.



DẰNG trẻ đến nhanh mà đi cũng nhanh. Mười phút sau, đã không còn bóng chúng. Trong sân dì Hai lại thành yên vắng. Trên cao, chỉ còn “chị nguyệt”, giờ này có vẻ cô đơn. Tôi đứng dậy, kiếu ra về. Dượng Hai đưa tôi ra ngõ. Ra thầu đường, tôi quay đầu ngoá lại. Qua rặng tre trong ánh trăng, giữa khu vườn trồng lạnh chín cây hương vẫn còn chưa tắt.

Chín đốm sáng lấp lánh giữa đêm rằm.

Trung Thu 2509

TRỤ VŨ

khúc nhạc đồng quê

(*LA SYMPHONIE PASTORALE*)

của ANDRÉ GIDE

bản dịch của ĐÀO ĐĂNG VỸ

SÁCH IN LẦN THỨ HAI, DÀY 144 TRANG GIÁ 40 ĐỒNG

nói với tuổi hai mươi

NHẤT HẠNH

II

EM muốn nói chuyện với tôi, bởi vì trong thâm tâm, em chưa mất hẳn niềm tin nơi *tất cả* chúng tôi. Và tôi muốn nói chuyện với em, bởi vì có lẽ tôi là một trong những người *chưa chịu đầu hàng cuộc đời*. Thực ra, những người đầu hàng cuộc đời không hẳn đã phải là những người lớn. Trong lứa tuổi các em, cũng đã có rất nhiều người đầu hàng cuộc đời rồi. Hãy để cho họ tạm yên, bởi vì họ đang cần được yên. Dù sao họ cũng đáng thương như chúng ta. Em có thể gọi họ là những *người chết* nếu em muốn. Hoặc em có thể nói như Albert Camus rằng họ *sống như những người chết*, điều đó cũng không sao. Cái gì đã khiến cho chúng ta ngồi lại bên nhau để nói chuyện cùng nhau, nếu không phải là ý thức về thực trạng của chúng ta? Hãy tự hào là những người tỉnh táo. Hãy tự hào là những người không bị chìm đắm trong cảnh túy sinh mộng tử. Hãy có thái độ nổi loạn đối với guồng máy đang muốn lôi kéo tất cả chúng ta vào cảnh túy sinh mộng tử. Điều thiết yếu là ta phải biết nổi loạn *bằng cách nào*. Bởi vì có những cách nổi loạn chỉ gây thêm chìm đắm. Và

có những cách nổi loạn khác có thể đưa tới sự giải phóng con người. Tôi muốn được đàm luận với em về những điều ấy. Và đàm luận một cách thẳng thắn, can đảm.

Có lẽ điều bi thảm nhất đối với những con người trẻ tuổi hôm nay là càng chống đối và ghét bỏ những hình thái sinh hoạt hiện tại bao nhiêu con người lại càng bị mắc kẹt vào những hình thái ấy bấy nhiêu. Em thử nhìn lại xem. Em chán ghét trường học, nhưng em cũng cứ phải hàng ngày chui đầu vào lớp học để nghe giảng những môn học hình như không dính líu gì đến những băn khoăn thao thức lớn nhất trong tâm hồn em. Em chán ghét thi cử, khinh miệt bằng cấp, vậy mà em vẫn phải chui đầu vào phòng thi, cố cướp cho được một mảnh bằng như bất cứ ai khác. Em rất chán ghét đời sống cạo giấy an phận của công tư chức nhưng mà em vẫn phải lê mòng gót chân đi tìm công việc như bất cứ một người thất nghiệp nào. Em không yêu, không nghĩ đến đời sống lứa đôi nhưng em vẫn lao đầu vào những cuộc phiêu lưu cảm giác để gây thêm chán chường và bức tức cho em và cho kẻ

khác. Em phải bắn vào đầu những kẻ em không thù hận. Em bị mắc kẹt vào những gì em khinh ghét và những gì ghê sợ nhất. Nhận thức ấy làm cho em khinh ghét và ghê sợ chính em. Em thấy em bất lực trước một thực tại càng ngày càng trở nên khắc nghiệt, càng ngày càng thêm sức khống chế, và tiêu diệt em. Ý thức điều ấy, em đã nổi loạn. Em đập phá lung tung. Và càng vùng vẫy, em lại càng mắc kẹt. Không những em đã làm như thế mà chúng tôi cũng đã làm như thế. Những người đi trước ta cũng đã làm như thế. Trong cơn hốt hoảng, bối rối, chúng ta có thể tạo nên nhiều lầm lỗi, chúng ta nổi loạn không đúng cách. Chúng ta đã không đập vỡ được mà chỉ mua thêm lấy những thất vọng, những chán chường, những mệt mỏi. Để rồi chúng ta tự làm cho tình trạng đã bị dốt lại càng bị dốt thêm ra đến cả trăm lần.

TÔI thấy nhất định là chúng ta phải nổi loạn rồi. Bởi vì nếu ngồi yên, thúc thủ, tiêu cực, chúng ta sẽ bị lôi tất cả vào guồng máy, và nhân loại sẽ đi đến chỗ tiêu diệt nhân tính. Con người vì tiền dụng đã đặt ra những khuôn khổ, và những khuôn khổ ấy cũng đã trở lại khống chế con người. Con người bị bắt buộc phải chui vào những khuôn khổ kia để rồi phải từ chối bản ngã chân thực của mình. Con người khoác lên một bộ mặt giả tạo để có thể mua được sự an thân tầm thường. Xã hội bắt em phải điều chỉnh phẩm hạnh nếu em không chấp nhận những khuôn khổ của nó. Em phải *ăn* theo những cách thức nào đó, *nói* theo những khuôn thước nào đó, *cười* theo

những mẫu mực nào đó. Có những cái em không được ưa thích và có những cái khác em phải tập ưa thích cho bằng được. Có những cái xã hội không cho phép em có, và có những cái xã hội bắt em phải có. Nếu em không tuân theo những mệnh lệnh đó, nếu em không làm được những gì xã hội buộc em phải làm thì em sẽ bị xem như là một người *bất thường*, và tệ hơn nữa, một người *bất lực*. Vì vậy muốn được an thân, con người phải cúi đầu chịu khuất phục mệnh lệnh của số phận, con người phải chui đầu vào guồng máy. Bởi vì chúng ta không muốn tiêu diệt con người của chúng ta nổi loạn. Phẩm hạnh của con người sở dĩ đã bị thâm lại càng bị thâm thêm là vì những cuộc nổi loạn của con người đã không đủ sức để phá vỡ được guồng máy mà thương thay chỉ gây thêm thương tích cho con người nổi loạn. Cuộc đời đã trả thù những kẻ nổi loạn chống lại nó và trả thù một cách đích đáng. Con người nổi loạn đã bị điều chỉnh phẩm hạnh. Con người nổi loạn đã bị lên án, đã bị gạt ra ngoài lề của xã hội, đã mang đầy thương tích, đã trở thành điên loạn. Đứng trước những đe dọa tiêu diệt nhân tính của guồng máy xã hội, đứng trước những đồ vỡ trong và ngoài chứng kiến những thảm kịch của cuộc sống, người trẻ tuổi hôm nay vừa bàng hoàng vừa phẫn nộ vừa khiếp sợ, vừa xót xa. Câu hỏi về ý nghĩa của cuộc đời đã đến với các em rất sớm. Tuổi các em đáng lẽ phải còn là tuổi hát ca nay đã bắt đầu là tuổi của những băn khoăn thắc mắc siêu hình. Có phải cuộc sống kinh nghiệm an phận đã

đánh mất hồn nhiên của em đâu. Có phải người lớn đã cướp giết hồn nhiên của em đâu. Chính là cuộc đời, chính là những khuôn khổ, chính là sự tàn phá khốc hại của guồng máy.

NHỜ biển cổ xảy ra cho đất nước trong mấy mươi năm vừa qua đã làm cho tình trạng trầm trọng hơn lên. Chiến tranh đã tàn phá. Máu chúng ta đã đổ. Vấn đề quốc gia trở thành một vấn đề quốc tế. Một số trong chúng ta mang nặng mặc cảm nhục tiếu, bất lực. Trong hoang mang khổ đau, chúng ta nhận thấy gia sản tinh thần của cha ông chúng ta đã mất đi rất nhiều giá trị và hiệu lực trong cuộc sống mới. Những nguyên tắc của đạo làm người, xưa tưởng như là bất di bất dịch, nay đã tự chứng tỏ là những giáo điều không còn phù hợp với tâm trạng và hoàn cảnh con người thời đại. Nền tảng của sinh hoạt gia đình cũ và của lễ giáo cũ đã bị lung lay. Chúng ta chưa kịp rút được trong truyền thống tinh thần của dân tộc ra những chất liệu cần thiết để tạo dựng cho chúng ta một nhân sinh quan mới thích hợp với tâm trạng và hoàn cảnh mới, thì những khắc khoải những đồ vỡ của văn minh Tây Phương đã lại tràn sang như những đợt sóng vỗ bờ tàn hại. Một số lớn các bậc phụ huynh không hiểu được nguyên do căn bản của cuộc khủng hoảng đã quy hết tội lỗi về cho thế hệ trẻ. Họ nói đến sự suy đồi của đạo lý. Họ nói đến tuổi trẻ như

tuổi của ăn chơi, của tinh thần vô trách nhiệm. Họ chứng kiến sự suy sụp của nền tảng gia đình cũ và cố níu lại một cách tuyệt vọng thứ uy quyền mà ngày xưa đã từng là một giá trị tuyệt đối trong gia đình — một giá trị được đạo lý và luật pháp bảo đảm. Thứ uy quyền đó đã mất rồi, không phải vì các bậc phụ huynh không biết xử dụng nó, cũng không phải vì các con em cố tình chống lại nó, mà tại vì nền tảng kinh tế của gia đình đã thay đổi một cách đáng kể. Cá nhân bây giờ không còn là cá nhân trong chế độ gia đình cũ. Phong tục, tập quán, luật pháp và kinh tế xưa không cho phép cá nhân tồn tại ngoài gia đình — hạnh phúc của cá nhân và của gia đình liên hệ tới nhau một cách mật thiết, và cá nhân chỉ có thể có hạnh phúc trong phạm vi gia đình của mình. Thời đại của Tự Lực Văn Đoàn đã chứng kiến thâm kích của sự vùng vẫy của cá nhân để thoát ra khỏi những kềm tỏa của gia đình. Từ ngày kỹ nghệ và thương mại chiếm được địa vị trên trường kinh tế, nhu yếu giải phóng ấy càng ngày càng thêm rõ rệt, càng cấp bách. Gia đình ngày nay, ai cũng biết, không còn giống như gia đình ngày xưa ; vì vậy uy quyền và trách nhiệm phụ huynh phải được quan niệm lại để có thể trở nên phù hợp và hữu hiệu. Cố níu lấy thứ uy quyền cũ, cố xử dụng thứ uy quyền mà thực ra bây giờ mình không có, các bậc phụ huynh chỉ làm cho con em xa lánh mình và do đó cắt đứt những giây liên lạc cảm thông với chúng. Trong thời đại này của chúng ta, ai

cũng có một tâm sự đa đoan, ai cũng là nạn nhân của những biến cố những tệ đoan xã hội. Sự giao tiếp với thế giới con người trở nên phức tạp ; cùng đứng trong guồng máy tranh chấp, con người dần dần trở nên nguồn khổ đau cho nhau. Con người không xướng họa hòa hợp với nhau nữa mà phải vùng dậy lấn áp nhau, đè bẹp nhau. Hoàn cảnh kinh tế chính trị văn hóa xô đẩy con người đi vào cái thế địa ngục của nhau. Những nét nhăn trên trán, những bực dọc thường nhật, những cau có gắt gỏng ấy vô tình chúng ta đem về nhà để làm cho không khí của gia đình căng thẳng. Ai cũng có một thế giới lo âu riêng và không có đủ thì giờ lo nghĩ và săn sóc đến người khác, dù người khác ấy chỉ là người trong gia đình. Mỗi người là một thế giới một vũ trụ, một hoang đảo. Mỗi người có một vỏ cứng bao bọc chung quanh. Những bực dọc những cau có kia lách vào giữa mọi người và càng lúc càng tách xa người này với người khác. Chúng ta có cảm giác cô đơn thực sự, và tệ hại hơn nữa là cảm giác ấy trong khi chung đụng với những người thân yêu(?) trong gia đình, lại càng rõ rệt hơn bao giờ hết.

CHÚNG ta rút vào trong cái vỏ của chúng ta với ước mong được yên thân. Nhưng chúng ta không được yên thân hơn chút nào: Đối diện với niềm cô đơn của chúng ta, đối diện với chính chúng ta, chúng ta không đủ sức để chịu đựng. Con trai thì leo lên xe gắn máy đi tìm một thằng bạn, bắt cứ thằng bạn nào, để rồi cùng vào

ngồi nơi một quán nước, trao đổi vài câu chuyện, nhìn người đi kẻ lại qua khói thuốc của mình. Con gái thì khoác vào một chiếc áo dài, xuống phố theo đám đông trời xuôi hai bên bờ đại lộ. Các em trốn không khí gia đình tìm đến nơi đám đông để rồi lại từ đám đông trở về với cái cô đơn của mình. Các em không có bản lĩnh thực sự cho nên các em không dám đối diện với cái cô đơn ấy. Và các em phải thường trực trốn chạy, trốn chạy sự cô đơn, trốn chạy chính bản ngã của các em.

Trong khi đó, oán ghét gia đình em phải bám lấy gia đình, oán ghét học đường em vẫn phải chui đầu vào lớp học. Em vẫn phải học, phải thi, phải đỗ, phải kiếm việc làm. Không tin ở giá trị những việc em làm, em có mặc cảm rằng em giả dối. Em không thừa nhận những bằng giá trị hiện tại nhưng em vẫn phải phục tùng chúng. Em vẫn phải phục tùng, vì những lý do thật giản dị: em phải ăn em phải mặc em phải ngủ, nói tóm lại em có những nhu cầu ngũ uẩn phải được thỏa mãn. Có phải chính bị kịch của con người là ở chỗ vừa phủ nhận vừa phải phục tùng những ước muốn ác liệt của số phận không? Mà số phận là gì nếu không phải là những gì do con người tạo ra bây giờ đã trở lại khống chế con người ?

Tôi cũng như em, tất cả chúng ta đều có một hệ thống thần kinh cần được giữ cho tương đối thăng bằng, tất cả chúng ta đều có những nhu cầu tri tuệ tình cảm sinh lý thông thường, tất cả chúng ta đều phải được nuôi

dưỡng trong những môi trường thuận tiện (chứ không phải dễ dãi) để có thể bảo vệ và phát triển những khả năng đặc biệt của chúng ta. Và bởi vì hoàn cảnh bao giờ cũng mang tính cách cộng đồng, chúng ta biết rằng chính con người đã tạo nên hoàn cảnh của mình và chỉ có con người mới đủ sức chuyển tạo được hoàn cảnh. Là nạn nhân trực tiếp của những hoàn cảnh xã hội hiện tại, khổng chế bởi guồng máy hiện tại, chúng ta mất đi rất nhiều tự do sáng tạo. Tuy vậy chỉ có chúng ta mới chuyển đổi được hoàn cảnh, mới đập vỡ được guồng máy. Ta không còn có thể hy vọng ở một thế lực nào khác ngoài thế lực của chúng ta. Như trong tình trạng cô đơn, nghi ngờ và thối loạn ta không thể nào thực sự tạo nên một sự thay đổi. Chúng ta đã nổi loạn, nhưng những cuộc nổi loạn đó vẫn chỉ là những cuộc nổi loạn rất cô đơn. Chúng ta đưa tới sự trả thù của guồng máy. Chúng ta đã bị điều đứng tàn hại vì đã dám chống lại nó. Bị gạt ra khỏi cuộc sống ước lệ, bị khinh bỏ, đè nén, la mắng, tủi nhục, chúng ta càng cảm thấy xa lìa mọi người, càng trở nên cô đơn, càng thêm thù ghét con người. Càng mất bình tĩnh, chúng ta càng đập phá lung tung, và sự mệt mỏi rã rời của thần kinh của thể xác và tâm hồn kêu gọi một sự trốn chạy cuối cùng : tự tử. Khi một người nhận thấy rằng cuộc đời vô lý không đáng sống, thì hẳn cũng nhận thấy luôn rằng tự tử không phải là một cái gì đen tối mà có thể là một nẻo thoát quang đấng cũng chưa biết chừng.

EM hãy cho tôi trở lại với hệ thống thần kinh của chúng ta. Thực ra, vì cái hệ thống thần kinh bị giao động mãnh liệt đó mà chúng ta đã thấy cuộc đời quá bi thảm. Sự thực, thiếu bình tĩnh, chúng ta đã tạo thêm quá nhiều đen tối cho cuộc đời, nhất là cho cuộc đời của chính chúng ta. Cảm giác cô đơn là do những vụng dại, ngu dốt và kém cỏi của chúng ta tạo ra ; đó là một chứng bệnh của con người hơn là một cái gì nằm trong bản chất của con người. Vì thiếu bản lĩnh, thiếu khôn ngoan, ta đã tạo ra những đường nứt, những chiếc vỏ cứng, những bức tường chia cách cao vút, ngay giữa những người thương yêu, và có cảm tưởng rằng ta với những người khác không được cùng làm bằng một chất, do đó, không thể nào có sự cảm thông. Nếu gia đình là một tổ chức giả hiệu, thiếu tình thương, thiếu cảm thông, nếu gia đình chỉ là một quán trọ, thì đó chính là vì sự hèn kém của chúng ta, vì sự ích kỷ của chúng ta, vì những vô minh của chúng ta. Chính chúng ta gieo mầm tách biệt thì chúng ta không nên phàn nàn về sự cô đơn. Ta phàn nàn rằng *không ai hiểu ta* thì chính lúc đó, *ta không hiểu được ai*. Chính những phàn nàn đó biểu lộ rõ rệt sự ích kỷ của chúng ta và cả sự độc tài của chúng ta nữa.

CÓ những trang thanh niên chỉ vì một vài thất bại nhỏ khi mới bước vào đời, một vài lần thi hỏng, một vài sự phản bội chẳng hạn, cũng đã tự cho rằng mình cô độc nhất đời. Những người trẻ tuổi này bắt đầu nói chuyện chán nản nói chuyện cô độc nói chuyện nản nản. Một số khác, sẵn có chút ít

kiêu ngạo và ngông nghênh của tuổi trẻ, cũng nói chuyện chán nản, cô độc và nồn mửa. Rốt cuộc thái độ tỏ ra bất cần đời đó trở nên một cái mốt mới. Ai mà không « nổi loạn » thì kẻ đó là người tầm thường, kẻ an phận, những cuốn tiểu thuyết hiện sinh ngoại quốc bắt đầu bán chạy ở xứ ta không phải vì giá trị của chúng mà vì cái mốt hiện sinh đã được đề cao. Cả những kẻ không đọc trôi được những cuốn tiểu thuyết ấy cũng có chúng trong tủ sách sách mình, trong tay mình, trên xe buýt cũng như trong lớp học. Rồi truyện ngắn truyên dài nói chuyện chán chường khinh bạc cũng xuất hiện trên thị trường văn chương Việt Nam và kéo vào vũng lầy của sự tự kỷ ám thị một số không ít những con cừu của Panurge. Chúng ta ai cũng biết rằng bắt đầu bằng những câu chuyện chán chường và một vài cử chỉ tỏ vẻ chán chường, dần dần nếp sống của ta sẽ trở nên chán chường thật sự. Con người yếu đuối và dễ bị nhiễm độc dễ bị ảnh hưởng : Chúng ta cần nhìn nhận sự thực đó.

CH O nên ta hãy van xin các nhà văn nghệ đừng đào sâu thêm đường trình bày thêm khía cạnh chán chường cô độc của con người, đừng bi kịch hóa thêm những gì đã vì vụng dại của chúng ta mà trở nên bi kịch. Vết thương rướm máu, xin đừng cào quấu thêm ra. Đừng tự ám thị và đừng ám thị kẻ khác nữa. Vạn sự là do tâm chúng ta. Đừng chết đuối trong biển chán chường cô độc do chúng ta tự tạo. Văn nghệ nên đảm nhận *sứ mệnh trị liệu* bởi vì ở giữa đời này không ai lại

là người có thể sống một cách vô trách nhiệm dù là nhân danh tự do. Chúng ta hãy lắng lòng cho phong ba bão táp dịu xuống, cho mây mù tan đi. Chúng ta không thực sự cô đơn. Cuộc đời không thực sự đáng ghê tởm. Cuộc đời cũng như sự sống là một cái gì màu nhiệm. Màu trời xanh trong mắt em thơ thật là màu nhiệm. Tư tưởng chúng ta cũng là những gì màu nhiệm. Chúng ta hãy bình tĩnh lại để thấy rằng ngục tù giam hãm chúng ta trong cô đơn vốn là một ngục tù do tâm chúng ta tự tạo. Hãy ngồi xuống và bắt đầu bằng một cuộc nói chuyện thực sự. Hãy đập vỡ cái vỏ cứng đang giam hãm em. Hãy cố gắng về phần em một tí. Tôi biết khi em đọc qua những giòng này em có thể nói rằng tôi không hiểu em. Và khi nghe em nói như thế, tôi cũng có thể trả lời rằng : Em không hiểu tôi. Như vậy, cuối cùng chúng ta cũng sẽ chẳng đi đến đâu. Chỉ bằng chúng ta hãy chấp nhận sự thực này : Nếu tôi không hiểu em, thì ít nhất tôi cũng đang muốn tìm hiểu em và muốn được em hiểu. Nơi em, tôi cũng chỉ mong có chừng ấy. Bởi vì tôi thấy chìa khóa của vấn đề, là nơi sự thông cảm. Có sự thông cảm chúng ta mới đánh tan được ảo giác cô độc. Và chỉ có thông cảm chúng ta mới có phương tiện gom tâm lực của chúng ta thành một sức mới để có thể *nổi loạn* một cách bình tĩnh, hữu hiệu, chống lại được guồng máy, chuyển đổi được tình trạng. Nếu không, những cuộc nổi loạn đơn độc, vụng về và mất bình tĩnh cũng sẽ chỉ đưa đến thêm những đổ vỡ những đen tối và tình trạng sẽ vì vậy mà càng ngày càng trầm trọng hơn lên.

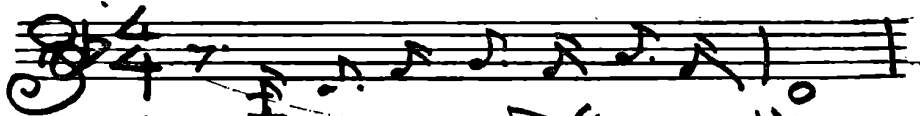
(Còn nữa)

TÂM CẢ SỞ 5

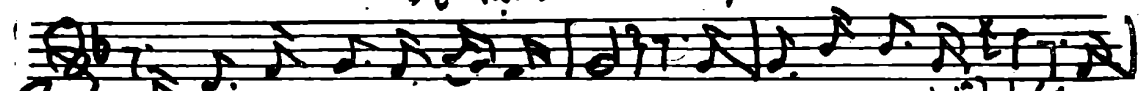


Phạm Duy
Nguyễn Văn Xuân

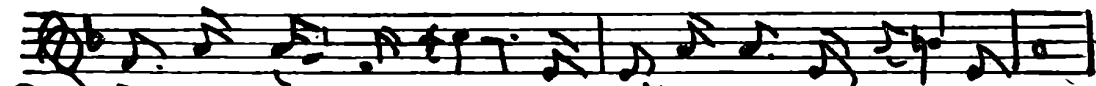
Chậm - 7/8 (thơ)



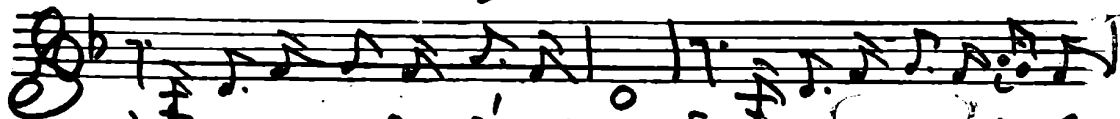
1. Đố' lại cho em này nước non mình



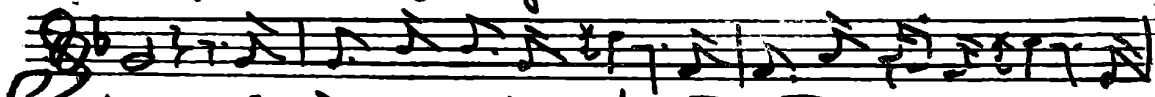
Đố' lại cho em một nước đẹp xinh. Một miền vui lành ^{hiền lành} Chết



Còn dư vãng thân thây Đố' lại cho em hôn Kém của anh!



Đố' lại cho em cười sống một nhai Đố' lại cho em hôn nước ta



Coi, hỡi vãng vong lai Két lại Công nghiệp Kháng cầm ^{giành} Đố'

Thanh Khán

Lại cho em tôi lời hứa rồi! không em ^{thương anh} ^{thương}

anh cho nước mắt giọt mình không em ^{thương} ^{anh} ^{thương}

anh cho trich lên sức sống những ^{em} ^{anh} ^{thương} ^{anh} ^{thương}

anh cho tôi hơn đi Xứng những em ^{thương} ^{anh} ^{thương}

anh cho niềm kiên nhẫn vươn lên...

2. - Đì lại cho em một mối phân chia
 Đì lại cho em một giọng nói chia
 Hân thù lên ngôi ^{chân} ^{nghe}
 Bao tâm vênh vênh bề thế,
~~Đì~~ lại con tim nhỏ bé của anh
 Đì lại cho em giọt máu dăm lã
 Đì lại cho em tăng đầy mô xanh
 Chạy chờ bay trong bại tướng
 ngon cơ ^{khán} ^{số} ^{màu} ^{chảy}
 Đì lại cho em một bầu sả trường.

những em thương anh + thương anh
cho sống phải - phải đời -
những em thương anh thương anh
cho tất cả bay (chào vơi)
những em thương anh + thương anh
cho luôn tan im tiếng
những em thương anh thương anh
cho đường vơi (khi) (gặp) (tìm)

3.- Đi lại cho em càng khó khăn ghê
Dù rằng mình ta mãi mãi phải nhiên
một bản tay thơm mũi đất,
như bản tay hoa màu xanh
Đi lại cho em một lần lòng tham
Đi lại cho em tháng phở (lên) (đến)
Bên người (trắng) (nhau) một đêm bụi (đèn)
Là buồn rồi trong tủ (đi) (đi)
Sui người (gian) (nan) (tiền) (tuyệt)
Đi lại cho em (gia) (dối) (đi) (hèn)
những em thương anh + thương anh
Em (đón) (nhân) (gia) (tài)
như em thương anh thương anh
ta cũng (gồm) (sức) (mỏi)
những em thương anh + thương anh
Xin nhân lời (trắng) (đầu)
những em thương anh + thương anh
Đi (tên) (lời) (thoát) (cho) (nhau).



Ruth Jhabvala

CUỘC KHẢO SÁT



Ruth Jhabvala hiện nay là một trong số vài ba nữ sĩ mới nhất, lỗi lạc nhất của nền văn học Ấn Độ. Bà là người Ấn lai Ba lan sinh tại Đức năm 1927. Năm 1939 bà theo gia đình sang Anh và theo học tại Đại học đường Luân đôn, tại đây bà thi đỗ cấp bằng M.A — Hiện nay bà sống tại Tân đề li với chồng là một kiến trúc sư và ba người con gái.

Jhabvala đã xuất bản sáu tác phẩm đem lại danh tiếng lẫy lừng không những ở quê hương bà mà ngay đến các nước Anh, Mỹ cũng đã xem bà như một giá trị mới của văn học Ấn Độ. Các nhà phê bình ở Anh, Mỹ đều công nhận giá trị mới đích thực của bà và cho rằng bà là một Charles Dicken Ấn Độ, là nhà quan sát tinh vi và tài tình nhất.

Cuốn truyện dài nhan đề « Gia Trưởng » của bà vừa mới được quay phim và ngoài ra, hiện nay bà còn cộng tác với nhiều tạp chí văn chương giá trị ở Anh, Mỹ như New Yorker, Yale Review, Encounter và Kenyon Review. Dưới đây chúng tôi mời bạn đọc thưởng thức văn tài của bà qua một truyện ngắn, do nhà Johns Murray xuất bản tại Anh năm 1963.

TÔI luôn luôn rất cẩn thận khi tôi xuất hiện, dù vậy bạn không thể nói rằng tôi đã đề nhiều thì giờ hơn thường lệ để sửa soạn cho tôi sáng hôm đó. Sự thực là tôi sắp đặt cho có thứ tự, và thoa dầu bộ

râu của tôi, nhưng đó là việc thông thường tôi luôn luôn thích làm sao xem cho sạch sẽ như Raj Kapoor, một tài tử màn ảnh. Nhưng tôi biết người chị dâu và vợ tôi đang nhìn tôi. Chị dâu mỉm cười, một

tay chống nạnh lên hông, vợ tôi có lẽ như lo sợ một việc gì. Suốt đêm nàng thì thầm với tôi. Nàng đã nói nhỏ với tôi: «Hãy bỏ chỗ này và đưa tôi đi sống một nơi nào đó một mình, chỉ có anh với tôi và những đứa bé mà thôi» Tôi trả lời «Vâng», bởi vì tôi muốn ngủ. Tôi không biết do đâu và tại sao nàng lại có ý nghĩ chúng tôi sẽ đi và sống một mình.

Khi tôi chải đầu xong, tôi ngồi trên sàn nhà và chị dâu mang thức ăn đến cho tôi trên một cái khay. Có thể cho là lạ rằng chị dâu phải dọn ăn cho tôi và không phải là vợ tôi, nhưng trong gia đình chúng tôi là vậy. Người quen mang cơm nước cho tôi là mẹ tôi, ngay cả sau khi tôi đã cưới vợ; bà quyết không bao giờ cho vợ tôi làm cho tôi việc này, dù vợ tôi rất muốn. Rồi, khi mẹ tôi quá già, chị dâu bắt đầu dọn cơm cho tôi. Tôi biết rằng vợ tôi cảm thấy đau đớn sâu đậm bởi việc này, nhưng nàng không dám nói gì cả. Mẹ tôi không chú ý nhiều đến bất cứ việc gì nữa, trái lại, chắc hẳn nàng muốn không cho chị dâu tôi dọn ăn cho tôi; nàng luôn luôn rất ghen tức cho đặc ân này của nàng, mặc dù nàng không bao giờ chú ý đến người hầu hạ anh tôi. Bây giờ mẹ tôi trở nên quá già nua, bà có thể rất ít lần xem xét bất cứ việc gì, và phần lớn thì giờ bà ngồi bên cạnh những cái rương của gia đình, xếp và vuốt ve những miếng vải cũ của bà. Nhiều năm cho đến giờ bà chỉ lo tập trung những miếng vải. Một ít trong số vải đó rất cũ và bẩn thỉu, nhưng bà không chú ý đến, bà yêu quý chúng bằng nhau. Không ai được phép mó đến chúng. Một lần có cuộc cãi nhau dữ dội vì vợ tôi đã lấy một trong những miếng vải đó may mặc cho con tôi. Mẹ tôi la hét lên—nghe bà la thật kinh khủng: Rồi từ lúc đó, bà không bao giờ thích vợ tôi—và vợ tôi rất sợ hãi, khóc than và cố nài nỉ xin lỗi bà. Tôi đánh nàng một bạt tai trên mặt, không mạnh lắm, nhưng không đánh không được vì tôi chỉ cốt làm hải lòng mẹ tôi mà thôi. Bà

già ngồi im lặng rồi ra phía sau xếp và vuốt những miếng vải của bà.

SUỐT lúc tôi đang ăn, tôi có thể cảm thấy chị dâu chăm chú nhìn tôi mỉm cười. Điều đó làm tôi khó chịu. Tôi cho rằng chị ta mỉm cười vì chị biết tôi sẽ không tìm được việc làm dù tôi phải đi và được dự cuộc khảo sát. Tôi cũng biết tôi sẽ không được việc, nhưng tôi không thích nụ cười của chị ta như cách đó, như thế chị ta nói: «Dượng thấy đó, dượng sẽ luôn luôn phải tùy thuộc với chúng tôi.» Bồn phận của anh tôi rõ ràng là nuôi tôi và gia đình cho đến khi tôi có thể tìm được việc và góp đồng lương của tôi cho gia đình. Không cần chị ta phải cười về việc đó. Nhưng sự thực là tôi lệ thuộc với chị ta hơn bất cứ người nào khác. Từ khi mẹ tôi quá già, chị dâu tôi càng ngày càng trở nên quan trọng nhất trong nhà vì vậy chị ta giữ cả những chiếc chìa khóa trong nhà và vật dụng tích trữ của gia đình. Thoạt tiên tôi không thích việc này. Từ hồi mẹ tôi trông nom việc gia đình, tôi chắc chắn được thêm những món ngon vật lạ. Nhưng bây giờ nhận thấy rằng chị dâu cũng rất tử tế với tôi—rất nhiều hơn là đối với chồng chị ta. Chị không dành miếng ngon vật lạ cho chồng, cũng không cho con chị, nhưng dành cho tôi; và khi đưa chúng cho tôi chị không nói lời gì tôi cũng không bao giờ nói gì, nhưng chị mỉm cười và lúc bấy giờ tôi cảm thấy bối rối và khá luống cuống. Vợ tôi cũng đã chú ý những gì chị ta làm cho tôi.

Tôi nhận thấy rằng giới phụ nữ thường thường tốt với tôi. Tôi nghĩ rằng họ nhận ra tôi là một người khá đa cảm và vì vậy tôi phải được đối xử rất dịu dàng. Tôi là đứa con nhỏ nhất của mẹ tôi, nhỏ hơn anh tôi mười lăm tuổi và là anh kế của tôi (bà có nhiều con giữa hai chúng tôi nhưng tất cả họ đã chết). Ngược lại thời gian khi tôi còn là một đứa bé, bà hiểu rằng

ôi cần nhiều đến sự săn sóc và âu yếm hơn những đứa bé khác. Bà luôn luôn để tôi ngủ bên bà về đêm, ban ngày tôi thường ngồi với bà và bà nội tôi và bà cô góa của tôi, những người này cũng rất hạnh diện với tôi. Khi tôi lớn hơn, cha tôi thỉnh thoảng muốn đem tôi giúp việc trong gian hàng nhỏ của ông (ông có một gian hàng nhỏ, nơi đây ông bán đậu biên, gạo, thuốc hút rẻ tiền và rượu mạnh vô chai) nhưng mẹ tôi, nội tôi và cô tôi không bao giờ thích cho tôi đi. Một lần ông đem tôi đi và ông bảo tôi trút một số đậu biên ở ngoài bao giấy vào trong một cái hộp thiếc. Tôi thích trút những hạt đậu biên đó. Chúng gây một tiếng động dễ thương, khi chúng lăn vào hộp thiếc, nhưng thỉnh thoảng mẹ tôi đến và rất giận dữ với cha tôi vì bắt tôi làm việc này. Bà lập tức bắt tôi về nhà và khi bà kể cho nội và cô tôi nghe những gì đã xảy ra, họ phát nhẹ tôi, hôn tôi và rồi họ cho tôi ăn bánh chiên lăn bột nóng. Quả thế, ngay từ thời thơ ấu tôi đã là một người cần rất nhiều thanh bình và yên tĩnh, và chân tôi khá mảnh dẻ hơn bất cứ người nào khác nữa. Tôi thường cố gắng cắt nghĩa điều này cho vợ tôi, nhưng nàng kém thông minh, nên hình như nàng không hiểu mấy.

Bây giờ vợ tôi đang nhìn tôi trong khi tôi ăn. Nàng ngồi chồm hổm trên sàn nhà, tắm rửa đứa con nhỏ nhất của chúng tôi ; đầu đứa nhỏ trong lòng nàng và tất cả người ta có thể thấy phía sau chân và phía dưới trần trường. Vợ tôi không nhìn tôi bằng con mắt mở to như chị dâu tôi ; chị chốc chốc nàng giương cặp mắt về phía tôi, tôi có thể cảm thấy nó, và chúng thực rất lo lắng và ảo não. Nàng cũng đang nghĩ về việc tôi tiếp tục dự cuộc khảo sát nữa, nhưng lo lắng tôi sẽ đương đầu việc đó. « Chúng ta sẽ đi và sống một nơi nào đó một mình » nàng đã nói. Tại sao

nàng nói đến việc đó ? Khi nàng biết rằng điều ấy không thể được và không bao giờ sẽ được như vậy.

VÀ dù cho nó có thể được đi nữa, tôi không muốn thích nó. Tôi không thể sống xa mẹ tôi; và tôi không nghĩ rằng tôi sẽ sống xa chị dâu tôi. Tôi thường chăm chú nhìn chị và việc này làm tôi hạnh phúc. Dù ngay đến khi chị ta không còn trẻ nữa, chị ta vẫn còn đẹp. Chị ta vóc người cao ráo với cặp mông to, cặp ngực lớn và cặp mắt sáng, chị ta giận dữ luôn, và khi chị nổi giận, chị ta đẹp hơn bao giờ hết. Lúc bấy giờ cặp mắt chị giống như ngọn lửa và chị ta phô bày hàm răng cứng, chắc, trắng và chị kiêu hãnh với mái tóc quăn đen mun của chị. Vợ tôi thì không có chi là đẹp cả. Tôi rất thất vọng với nàng khi họ mới cưới nàng cho tôi. Bấy giờ tôi đã quen với nàng và ngay cả việc tôi thích nàng nữa, bởi vì nàng tốt thật, thủy mị và không bao giờ làm phiền tôi chi cả. Tôi không nghĩ bất cứ ai khác trong nhà thích nàng nữa. Chị dâu tôi luôn luôn gọi nàng là « người đẹp đó ! » nhưng ý chị ta không cho là vậy, chị luôn luôn bắt nàng làm mọi việc khó khăn nhất trong gia đình, và chị ta thường la lối nàng và ngay đến việc đánh nàng nữa. Việc này không phải là quyền hạn của chị ta ; vợ tôi đã không bao giờ phiền chị bất cứ việc gì — trái lại, nàng luôn luôn đối đãi chị ta một cách tôn kính. Nhưng tôi không thể xen vào những chuyện cãi nhau của họ.

Rồi tôi đã sẵn sàng đi, mặc dù tôi không muốn đi. Tôi biết khá tường tận về những gì sẽ xảy ra ở cuộc khảo sát. Mẹ tôi chúc lành cho tôi, và chị dâu nhìn tôi qua vai chị, cặp mắt chị chiếu sáng với nụ cười. Tôi không nhìn vợ tôi, nàng vẫn còn đang ngồi chồm hổm trên sàn nhà, nhưng tôi biết nàng cãi với tôi về việc sở làm giống như nàng đã cãi với tôi trong đêm.

Khi tôi bước xuống thang gác, cô con gái của bác thợ mộc, ở trong một phòng từng dưới, bước ra cửa và cô ta đi lên thang gác khi tôi đi xuống, cô đi rất sát bên tôi, với cặp mắt ngó xuống nhưng tay cô vừa đung cánh tay áo sơ mi của tôi. Cô luôn luôn đợi tôi đi ra và lúc bấy giờ cô đi qua mặt tôi trên thang gác. Chúng tôi không bao giờ nói chuyện với nhau. Cô ta là một cô gái rất trẻ, cặp vú của cô chỉ vừa mới nảy nở, cô mặc chiếc áo khoác ngắn tay, hai cánh tay cô rất đẹp, thon dài và mỏng manh. Tôi nghĩ ít lâu nữa cô ta sẽ làm lễ cưới; tôi nghe chị dâu tôi nói như vậy. Chị dâu tôi cười khi chị ta nói với tôi, chị nói : « Còn duyên kẻ đón người đưa đó ! » và rồi chị nói một vài điều thô lỗ. Có lẽ chị ta chú ý cô gái đợi tôi đi qua trên thang gác.

Không, tôi không muốn đi tới cuộc khảo sát. Tôi đã làm vậy nhiều lần trong khoảng vài tháng trở lại đây, và luôn luôn với những việc tương tự xảy ra. Tôi biết tôi phải làm việc, để kiếm tiền và đưa cho mẹ tôi hay chị dâu lo cho gia đình, nhưng không thú vị gì cho tôi trong công việc. Mới đây tôi có làm trong một hãng bảo hiểm, suốt ngày họ bắt tôi ngồi ở bàn và viết những con số. Sướng ích chi mà bắt tôi làm ở đó ? Tôi là một người rất hay nghĩ ngợi và tôi thích luôn luôn ngồi nghĩ với tư tưởng của riêng tôi, nhưng trong khi tôi trầm ngâm nghĩ ngợi, thỉnh thoảng tôi làm lộn những con số và rồi xếp tôi rất giận dữ với tôi. Tôi luôn luôn sợ sự giận dữ của ông ta, tôi xin ông tha thứ và hứa rằng tôi không phạm lỗi nữa. Khi họ đã tha tôi, tôi không còn sợ gì nữa và tiếp tục làm việc và suy nghĩ theo tư tưởng của tôi. Nhưng lần sau họ không tha thứ cho tôi nữa, mặc dù tôi nài nỉ, van xin, và khóc lóc của một người có lỗi, một người xấu xa ra sao và họ là những người tốt bụng như thế nào. Họ ở trong cảnh ngộ tôi sẽ ra sao khi tôi có

cha già mẹ yếu và tôi chỉ trông cậy vào họ mà thôi để lo đời sống của các con tôi ra sao. Nhưng khi đó họ vẫn nói rằng tôi phải đi, tôi thấy rằng công việc ở đó đã thực sự chấm dứt và tôi không khóc nữa. Tôi đi vào phòng tắm chải tóc, gội xà bông trong cái khăn lông rồi tôi lãnh tiền ở phòng kế toán, không một lời tôi rời bỏ sở làm với cặp mắt nhìn xuống. Nhưng tôi không lo sợ lâu, vì cái gì đã hết là hết và anh tôi vẫn còn làm việc, chắc chắn một ngày nào đó tôi sẽ kiếm được việc khác.

Thế là từ lúc đó anh tôi cố gắng đưa tôi vào làm việc ở công sở. Anh tôi là một thư ký công sở, vui vẻ với nhiều sự tiến bộ của anh ta : mỗi năm anh ta được tăng thưởng mười ru-pi và hằng năm được nghỉ mười ngày có lương và khi anh ta về hưu anh ta sẽ được lãnh tiền hưu bổng. Cũng rất tốt cho tôi có được một chỗ làm như thế ; nhưng khó mà vào được, bởi vì trước tiên phải qua một cuộc khảo sát mà những người trình trọng ngồi ở bàn và hỏi nhiều câu hỏi. Tôi sợ họ và tôi không thể hiểu một cách thích đáng những gì họ nói, để tôi trả lời những gì tôi cho rằng họ muốn tôi trả lời. Nhưng dường như những câu trả lời của tôi không trúng lấy một câu, bởi vậy, cho đến nay họ vẫn không cho tôi một chỗ làm.

Trên đường tới dự cuộc khảo sát này tôi nghĩ thay vì được đến xem chiếu bóng thì đẹp hơn biết bao nhiêu. Nếu tôi có hai mươi đồng có lẽ tôi sẽ đi, lúc đó vừa đúng giờ chiếu xuất sáng. Những anh thư ký trẻ và các sinh viên, học sinh giờ này chắc đang xếp hàng nối đuôi nhau ngoài rạp xi nê.. Họ sẽ đứng đó và không nói chuyện gì mấy, tay cầm hai mươi đồng đợi phòng bán vé mở cửa. Tôi khoái những buổi chiếu xuất sáng này, có lẽ vì người đến xem xuất này tất cả đều trẻ giống như tôi, tất cả đều im lặng và khá buồn. Tôi cũng luôn luôn buồn ! Có thể nói được một cách đúng rằng lúc nào tôi cũng buồn. Nhưng khi phim bắt đầu chiếu thì

tôi sung sướng. Tôi rất thích xem những nàng phụ nữ đẹp để y phục lộng lẫy với những đôi bông tai nặng, vòng đeo cổ và những chiếc vòng đeo đầy tay, những người tình nhân lịch sự của họ là tất cả những gì tôi thích được như vậy. Và khi họ hát lên những bài tình ca, đầy những rung cảm sâu đậm dường ấy, thỉnh thoảng những dòng lệ ràn rụa trong mắt tôi ! Nhưng không phải vì tôi buồn, nhưng trái lại, vì tôi quá đổi hạnh phúc. Sau khi cuốn phim hết tôi không bao giờ đi thẳng về nhà, nhưng tôi đi quanh quẩn trên đường phố và nghĩ về việc làm thế nào để có thể có một đời sống tuyệt diệu.

Khi đến chỗ cuộc khảo sát, tôi phải đi xuống nhiều hành lang và hỏi đường với mấy người tùy phái để tôi có thể tìm đúng gần phòng đó. Những người tùy phái đều vô lễ với tôi, vì họ biết tôi đi trễ. Họ nằm dài trên những cái băng ngoài sở và khi tôi hỏi, họ nhìn từ đầu đến chân trước khi trả lời, và đôi khi họ lấy tôi làm trò hề với một người khác. Tôi rất lịch sự với họ, dù họ chỉ là những tên tùy phái mà thôi, họ mặc đồng phục làm việc và tùy thuộc nơi đây, họ biết bất cứ con đường nào đúng mà tôi không biết. Sau cùng tôi đã đến gian phòng nơi tôi phải chờ đợi. Nhiều người khác đã ngồi ở đó, trên những chiếc ghế quanh gian phòng quay lưng lại vách tường. Không ai nói chuyện. Tôi cũng ngồi trên chiếc ghế và sau đó một chút, viên công chức cầm danh sách đến và y hỏi lên nếu có ai đi đến trễ nữa không. Tôi đứng dậy và y hỏi tên tôi rồi y nhìn xuống bản danh sách đoạn ghi dấu với cây bút chì. Y nói với tôi một cách rất nghiêm khắc. Tại sao anh đi trễ ? Tôi xin lỗi và nói với y rằng chuyển buýt tôi đi đã xảy ra một tai nạn. Y nói khi được gọi đến khảo sát ông phải đến thật đúng giờ nếu không tên ông bị xóa bỏ trong danh sách. Tôi lại xin lỗi và rất khấp nép xin y đừng loại bỏ tôi lần này. Tôi biết rằng tất cả những người khác đang

nghe, dù không ai trong bọn họ nhìn chúng tôi. Y rất nghiêm khắc với tôi và ngay cả việc khinh bỉ tôi, nhưng cuối cùng y nói, «Hãy đợi ở đây, khi tên ông được gọi, ông hãy đi vào lập tức ».

Tôi không đếm số người đang chờ đợi trong phòng, nhưng có nhiều người. Có lẽ có một việc dễ dàng, có lẽ hai hoặc ba. Tôi biết rằng tất cả những người khác rất lo lắng, hồi hộp để được chỗ làm, bởi vậy tôi cũng trở nên lo lắng và hồi hộp nữa. Những bức tường trong gian phòng được sơn xanh mỗi bên trên và màu trắng trên trần nhà hoàn toàn trơn trợt. Chiếc quạt máy không quay nhanh đủ để có nhiều gió mát. Cuộc khảo sát tiếp tục đằng sau cánh cửa lớn, người này đến người kia sẽ lần lượt được gọi đến sau cánh cửa đóng này.

Tôi bắt đầu lo lắng hết hy vọng. Việc này luôn luôn xảy ra như thế khi tôi đến cuộc khảo sát, tôi không muốn công việc gì cả, nhưng khi tôi thấy tất cả những người khác chờ đợi và lo lắng, tôi muốn nó một cách kinh khủng. Tuy vậy, đồng thời tôi biết rằng tôi không muốn nó. Nó sẽ chỉ là làm lại một công việc tương tự mà thôi: ghi chép những con số và làm lẫn lộn và rồi sợ sệt khi họ tìm ra. Và sẽ có một ông xếp mà tôi sẽ phải rất cung kính và mỗi lần tôi thấy ông ta hay nghe giọng nói ông ta tôi bắt đầu ngại rằng ông ta sẽ tìm ra một việc gì đó chống lại tôi. Vì nhiều tuần nhiều tháng tôi phải ngồi và viết những con số, mỗi một hơn vì công việc đó, đến nỗi tôi càng ngày càng nghĩ đến tư tưởng của riêng tôi. Rồi việc lẫn lộn sẽ đến và ông xếp tôi sẽ rất giận dữ và tôi sợ hãi.

Anh tôi không bao giờ làm gì lẫn lộn. Bởi vì nhiều năm anh ngồi nguyên trong một sở làm, ghi chép các con số và cung kính ông xếp của anh ta : anh ta rất tập trung tinh thần cho công việc, bởi vậy anh ta không làm chi lẫn lộn. Nhưng suốt cả thời

gian đó anh ta cũng sợ sệt, nghĩa là tại sao anh ta đã quá tập trung vào công việc đến thế — vì anh sợ rằng anh sẽ làm lẫn lộn và họ sẽ giận dữ với anh và cho anh nghỉ việc. Lúc nào anh ta cũng sợ sệt điều này. Và anh ta có lý: việc gì sẽ xảy ra cho tất cả chúng tôi nếu anh ấy cũng mất việc? Trường hợp đó không giống với tôi. Tôi nghĩ tôi sợ mất việc chỉ vì đó là một điều mà người ta tin rằng đáng sợ. Khi tôi thất mất nó, tôi đã thực sự được khuấy khỏa. Nhưng tôi rất khác anh tôi; ngay cả hình dạng tôi cũng rất khác. Sự thực, anh ta lớn hơn tôi tới mười lăm tuổi, nhưng ngay khi anh ở vào tuổi tôi, anh không bao giờ có vẻ gì giống tôi. Sự xuất hiện của tôi luôn luôn hấp dẫn các kẻ khác và cho tới lúc tôi đã cưới vợ, mẹ tôi vẫn thường vuốt tóc vuốt mặt tôi và nói nhiều lời dịu dàng âu yếm với tôi. Một lần, khi tôi đang trên đường từ trường học tới hàng ba-za, có một người gọi tôi rất dịu dàng và khi tôi đến, y cho tôi một trái xoài chín rồi y dắt tôi vào hành lang tối tăm dẫn đến một cái nhà thờ đạo Hồi Hồi bỏ hoang và y sờ dưới áo quần tôi và nói: « Em thật là đẹp, đẹp quá » Y rất tử tế với tôi. Tôi thích mặc áo quần đẹp đẽ, thứ nhiều thật trắng, mỏng vừa mới giặt, ép hồ cứng và có thêu thùa ở trên vai. Thỉnh thoảng tôi cũng dùng nước hoa, thứ mùi dịu dàng, tóc tôi cũng chải dầu có mùi như thế. Vài năm trước đây, khi cô con gái bác thợ mộc vẫn còn là một con bé và không đợi chờ tôi trên nấc thang lầu, có một cô gái ở hiệu may đối diện nhà tôi và cô ta thường quen theo sau tôi khi tôi đi ra ngoài. Nhưng đó là một người vợ đẹp mà anh tôi đã kết hôn, và vợ tôi thì không có gì là đẹp cả. Anh tôi không có hạnh phúc với vợ; khi chị ta nói với anh ấy, chị nói một cách gắt gỏng, nghiêm khắc; và đến thức ăn ngon lành mà chị đề dành không phải dành cho anh ấy, nhưng cho tôi, dù rằng tôi đã không mang tiền bạc về nhà trong nhiều tháng.

Cánh cửa lớn đóng đã mở ra và người được khảo sát đi ra ngoài. Tất cả chúng tôi chăm chú nhìn y, nhưng y hết sức vội vã đi ra ngoài, biểu lộ vẻ lo lắng bận tâm trên gương mặt; chắc hẳn y đang hồi tưởng lại tất cả những gì y đã nói ở cuộc khảo sát. Tôi có thể cảm thấy sự áy náy, hồi hộp trong những người khác mạnh hơn, bởi vậy tôi cũng áy náy, hồi hộp mạnh hơn nữa. Viên công chức đến với bản danh sách và tất cả chúng tôi nhìn y. Y đọc một tên khác và người có tên được gọi nhảy nhồm lên từ cái ghế và hẩn tự hỏi tại sao hẩn không thể đi xa hơn. Khi hẩn nhận thấy việc gì đã xảy ra hẩn cố gắng gỡ chiếc đinh ra, nhưng ngón tay run đến nỗi hẩn không thể gỡ chiếc xà rồng ra khỏi cây đinh. Viên công chức nhìn hẩn ta và nói « Nhanh lên nào, ông có nghĩ rằng các nhà tai mắt sẽ đợi ông lâu đến chừng nào mới gỡ xong? » Rồi hẩn cũng làm rơi chiếc dù hẩn đang mang và bây giờ hẩn cố gắng cả hai việc gỡ đinh mắc xà rồng và nhặt cây dù. Khi hẩn ta có thể nói lòng chiếc xà rồng hẩn trở nên thất vọng vì hẩn đã xé rách miếng vải và dẹt bật nó ra. Thật đáng thương thấy chiếc xà rồng rách, vì đó là một chiếc xà rồng mới, mà chắc hẳn ta mới mặc lần thứ nhứt đặc biệt cho cuộc khảo sát. Hẩn ôm chiếc dù vào ngực và hết sức vội vã đi tới phòng khảo sát với chiếc xà rồng treo lên chân hẩn và mặt hẩn phồng lên với vẻ luống cuống và rối loạn.

Tất cả chúng tôi ngồi và chờ đợi. Chiếc quạt máy, hình như là một loại cũ gây tiếng động ồn ào. Có một người bẻ ngón tay — *rắc*, chúng tôi nghe, *rắc*. (những ngón tay dài của tôi bóp vào nhau nó cũng kêu rắc rắc nữa). Tất cả chúng tôi đều rất yên tĩnh. Chốc chốc viên công chức vô phòng với bản danh sách, y đi quanh gian phòng rất chậm rãi, đập khế lên bảng danh sách và lúc bấy giờ tất cả chúng tôi nhìn xuống chân và người mà y bẻ ngón tay kêu rắc rắc

ngừng không làm nữa. Một giọng nói yếu ớt đã được che đậy vọng đến từ phía sau cánh cửa đóng. Thịnh thoảng giọng đó cất lên, nhưng rồi ngay cả tôi cũng không thể biết nói gì, dù tôi hết sức lắng nghe.

Cuộc khảo sát trước lần này rất bức bối cho tôi. Một trong những người khảo sát đó không thích tôi và y là tôi rất lớn. Y là một người mập phì và mặc quần áo kiểu Anh, hàm răng y hoàn toàn vàng khè, khi y nổi giận và la lối, y phô bày chúng ra tất cả, và ngay cả tôi dù tôi rất lúng túng, tôi không thể giúp gì việc nhìn chúng, và tự hỏi làm thế nào chúng trở nên vàng đến như thế. Tôi không biết tại sao y giận dữ. Y la to lên: “Ông ơi, Trời cũng không thể hiểu ông nói cái gì !” Đó là sự thực, tôi không thể hiểu, nhưng tôi đã hết sức cố gắng để trả lời cho xong xuôi. Y mong đợi ở tôi điều gì ? Chắc chắn có một cái gì trong hình dáng tôi mà y không thích, việc đó một đôi khi xảy ra — họ không thích bạn, và lúc bấy giờ dĩ nhiên không có gì bạn có thể làm được.

Khi tôi nghĩ đến con người với hàm răng vàng đỏ, tôi trở nên lo lắng hơn bao giờ hết. Trong đời tôi, tôi cần rất nhiều sự yên tĩnh. Mỗi lần bất cứ việc gì phiền nhiễu tôi nhiều, tôi phải xua đuổi tư tưởng đó ngay lập tức, nếu không sẽ có sự nguy hiểm là tôi có thể trở nên bị đau ốm. Tay chân tôi bồn chồn, ngứa ngáy lắm, bởi thế rất khó khăn cho tôi phải ngồi yên lặng và tôi có thể cảm thấy máu căng dồn lên óc tôi. Gian phòng này làm tôi đau đớn đến như thế : tất cả những người khác đang chờ đợi nôn nao và im lặng, và tiếng động từ chiếc quạt máy và viên công chức với bảng danh sách đi xung quanh đập khê bảng danh sách của y hay đập nó lên đùi và đằng sau cánh cửa lớn đóng kín cuộc khảo sát đang tiếp tục. Tôi cảm thấy một sự cần thiết dữ dội đứng dậy và bỏ đi. Tôi không cần công việc, ngay đến sự suy nghĩ về nó bất cứ lúc nào

tôi cũng không muốn. Tôi chỉ suy nghĩ về việc làm thế nào bỏ ngồi chờ đợi nơi đây mà thôi.

Bây giờ cánh cửa đó lại mở ra và người rách xà rồng đi ra. Hẳn ta là lười và cào phía sau cổ, và hẳn đi thẳng ra ngoài không nhìn đến chúng tôi chi cả. Cánh cửa lớn mở ra trong giây lát tôi có thể thấy cánh tay một cái áo sơ mi trắng và một phần sau của cái đầu y. Áo y rất trắng và là thứ tốt, tay y vênh xuống phía trước bởi vậy người ta có thể thấy cặp kính mắc vào phía sau tai y ra sao. Lập tức tôi nhận ra người này chính là kẻ thù của tôi, y sẽ làm khó khăn cho tôi và có lẽ cả đến việc la lối tôi nữa. Lúc bấy giờ tôi biết không lợi ích gì cho tôi ở lại đó. Viên công chức trở lại với bảng danh sách đáng diệu hết sức hoảng sợ nắm lấy tôi tỏ ra rằng y sẽ đọc tên tôi. Nhanh nhẹn tôi đứng dậy, nói khe khẽ, làm ơn tha thứ tôi, phòng vệ sinh, và đi ra ngoài. Viên công chức với bảng danh sách gọi theo tôi. Này ông, đi đâu vậy ? bởi vậy tôi cúi thấp đầu xuống và đi nhanh hơn. Tôi muốn bắt đầu chạy, nhưng việc đó có thể gây sự nghi ngờ, bởi thế tôi rón đi hết sức nhanh dọc dài theo dãy hành lang và ra phía phải tòa dinh thự. Cuối cùng tôi có thể dừng lại để thở và tôi cảm thấy tốt đẹp hơn.

Tôi chỉ đứng đó một lát rồi tôi đi mặc dù không biết đi về đâu. Có nhiều viên thư ký và tùy phái đi quanh trên đường phố, vội vã từ công sở này tới công sở khác và mang cả chồng giấy tờ. Mỗi người hình như phải làm một việc gì. Tôi miễn nguyện khi đã ra ngoài cái khối này và bước vào khoảng không gian mở rộng nơi mọi người đều giống tôi, họ không phải làm gì, ngồi dưới gốc cây hoặc bất cứ miếng đất nhỏ nào khác có bóng mát mà họ có thể tìm được. Nhưng tôi không thể ngồi đó, nơi này quá gần khối công sở và bất cứ lúc nào một người nào đó có thể đến và nói với tôi. Tại

Sao anh bỏ đi ? Do đó, tôi phải đi xa hơn. Tôi cảm thấy trong lòng hoàn toàn thờ ơ và việc không phải bị khảo sát như là một điều giải thoát cho tôi.

Tôi đến một trong dãy quán bán thức ăn, ngồi xuống chiếc băng gỗ ở bên ngoài, mà nơi này được gọi là khách sạn Paris và kêu trà. Tôi cảm thấy rất cần dùng trà, và từ khi tôi có ý định đi bộ một đoạn trên đường về nhà, tôi ở trong cái thế phải tốn tiền trà cho việc cuộc bộ đó. Cuối chiếc băng tôi ngồi có hai người Sikh (1) đang ngồi, họ đang ăn một cách ngon lành, tay họ đưa lên bỏ xuống trong cái bát đầy rất lạ lùng. Giữa lúc đang ăn họ trao đổi những lời nhận xét với ông chủ khách sạn Paris, mà y ngồi trên cao bên trong quầy hàng, đang quây trong một cái bát đồng mà y dùng để nấu thức ăn trong ngày. Y đang nhai trà và chốc chốc phun nước trà đỏ tươi qua cái bếp trên đất giữa chiếc băng cây và những cái bàn.

Tôi ngồi yên lặng ở cuối chiếc băng và uống trà. Thức ăn bay mùi rất thơm ngon, việc này làm tôi nhận ra rằng tôi đói bụng. Tôi quyết định rằng nếu tôi phải cuộc bộ suốt quãng đường về nhà, tôi có thể ăn một cái bánh nhỏ (tôi rất khoái ăn những bánh ngọt). Chiếc bánh không mới, nhưng nó có một miếng nhưng xanh biếc ở trong đó. Về tới nhà tôi sẽ đi ngủ ngay lập tức và không thức dậy cho tới sáng mai. Như thế không ai sẽ có thể hỏi tôi nhiều câu hỏi. Tôi sẽ không nhìn mặt vợ tôi nữa. Như vậy tôi sẽ có thể tránh được cặp mắt của nàng. Tôi cũng sẽ không nhìn chị dâu tôi ! Nhưng chị sẽ mỉm cười, việc đó tôi đã biết, quay lưng ra bức tường với hai tay chống nạnh trên hông chăm chú nhìn tôi và mỉm cười. Chị biết rằng tôi đã bỏ cuộc nhưng chị sẽ không nói gì.

Hãy để chị ta biết lấy! Việc gì? Thực là tôi không có công ăn việc làm và không là

người có ngay cả điều ước vọng tương lai nữa. Sự thực là tôi sống nhờ vào anh tôi. Mọi người biết điều đó. Không có gì phải xấu hổ : có nhiều người không có công ăn việc làm. Và chị ta đã quá tử tế với tôi từ đó đến nay, không có lý gì tại sao chị sẽ không tiếp tục tử tế với tôi. Dù tôi biết chị không phải là một người đàn bà bầm sinh tử tế : chị ăn nói phần nhiều rất thô lỗ và cử chỉ của chị cũng thô lỗ nữa. Chị chỉ tử tế với tôi mà thôi.

HAI người Sikh ngồi ở cuối băng đã ăn xong. Họ liếm những ngón tay và ợ dừ việc này chứng tỏ rằng họ ăn uống quá no nê và thịnh soạn. Họ bắt đầu cười và đùa với ông chủ quán. Tôi ngồi cô đơn và im lặng ở cuối băng. Dĩ nhiên là họ không cười và đùa với tôi. Họ biết rằng tôi cao hơn họ, vì khi mà họ làm việc bằng tay chân, trái lại tôi là một người làm việc giấy tờ không phải đồ mồ hôi để sống nhưng ngồi trên ghế trong sở và viết lách những con số và có thể nói tiếng Anh. Anh tôi rất hãnh diện về địa vị cao cả của anh ta và khinh rẻ những người thợ mộc, thợ may và những người làm nghề tương tự bằng tay chân. Tôi cũng kiêu hãnh là người có học thức, nhưng khi nghe người Sikh cười đùa, một ý nghĩa đến với tôi rằng có lẽ đời sống của họ hạnh phúc hơn tôi. Ý nghĩ đó cũng đã đến với tôi từ trước. Người thợ mộc ở tầng dưới căn nhà của chúng tôi, người mà con gái họ đợi tôi trên nấc thang lâu, và dù ông ta nghèo, nhà ông ta luôn luôn ăn uống rất nhộn và có nhiều người đến và ngay cả việc khiêu vũ nữa. Bác thợ mộc là một người to lớn, khỏe mạnh và hình như ông ta luôn

(1) Sikh là những người theo một học thuyết ở Ấn Độ thành lập bởi Gurm Nanak vào 1500 trước tây lịch, tin tưởng một đấng Thượng Đế; cấm thờ ngẫu tượng, tiêu hủy giai cấp riêng biệt ở Ấn Độ và không công nhận quyền tối thượng của Brahman.

hạnh phúc không bao giờ bắn khoăn, lo lắng và đau ốm như anh tôi. Ông không mang giày và mặc quần áo sạch sẽ trắng toát như anh tôi và tôi, cũng không nói một tiếng Anh nào, vậy mà ông ta luôn luôn hạnh phúc đấy. Ngay cả dù công việc của ông ta là hạ cấp, tôi không nghĩ ông ta chán nản mỗi một như tôi, và không có viên chức cao cấp nào làm cho ông ta sợ hãi.

Rồi tôi lại nghĩ đến chị dâu tôi, và tôi nghĩ rằng nếu tôi từ tở với chị ta, chị sẽ tiếp tục từ tở với tôi. Tôi trở nên hoàn toàn phần khởi khi tôi nghĩ tôi từ tở với chị ta. Rồi lúc bấy giờ tôi sẽ biết cặp ngực của chị ta rung động như thế nào dưới chiếc áo khoác chúng ấm áp và mịn màng ra sao. Và tôi sẽ biết bên trong miếng chị với hàm răng lớn mạnh. Lưỡi chị ta và nướu thì rất thâm tươi giống như màu hồng chiếc áo khoác sa tanh chị mặc trong các buổi lễ, và tôi thường tự hỏi có thể chúng cũng mềm dịu như chiếc áo khoác hay không. Cặp mắt chị ta sẽ nhắm lại và có lẽ sẽ có những giọt lệ trên đôi mi và chị ta sẽ bộc lộ bản năng thú tính và thân thể này nở của chị ta cũng sẽ kích động giống như một con thú. Tôi trở nên rất kích thích khi nghĩ đến điều đó nhưng khi ý nghĩ kích thích đi qua, tôi rất buồn rầu. Bởi vì lúc bấy giờ tôi nghĩ đến vợ tôi mà nàng thì gầy guộc và không đẹp, thân thể nàng lại không có gì kêu gọi. Nhưng nàng làm bất cứ điều gì tôi muốn và luôn luôn cố gắng làm vui lòng tôi. Tôi nhớ đến lời thì thầm với tôi trong đêm "Hãy đem tôi đi, chúng ta hãy đi và sống một nơi nào đó một mình, chỉ có anh và tôi và những đứa con của chúng ta mà thôi" Điều đó không bao giờ có thể được và vì thế nàng luôn luôn phải chịu sự bất hạnh.

Tôi rất buồn khi tôi nghĩ đến điều bất hạnh của nàng, bởi vì điều đó không chỉ một mình nàng bất hạnh nhưng tôi và nhiều người khác cũng vậy. Bất cứ ở đâu cũng

có sự bất hạnh. Tôi nghĩ đến người mà chiếc xà rồng mới của hắn ta bị rách và bây giờ hắn phải về nhà và nó cần thận đến nỗi những dòng lệ sẽ không được thấy. Tôi nghĩ đến tất cả những người khác đang ngồi và đang chờ đợi cuộc khảo sát, tất nhiên một hoặc hai người trong bọn họ sẽ không được chỗ làm do đó họ phải đến tham dự cuộc khảo sát và vì vậy họ lại phải đi đến cuộc khảo sát khác và một lần nữa phải ngồi chờ đợi trong lo lắng và hồi hộp. Và anh tôi người có việc làm, nhưng anh ta rất sợ hãi sẽ mất việc và mẹ tôi già đến nỗi bà chỉ có thể ngồi trên sàn nhà và vuốt những miếng vải của bà mà thôi, và người chị dâu tôi mà chị không sẵn sóc cho chồng chị ta; và con gái bác thợ mộc đã kết hôn và có lẽ cô ta cũng sẽ không được hạnh phúc. Tuy vậy đời sống có thể là khác nhau lắm. Khi tôi đi tới rạp xi nê và nghe họ hát những bài ca đẹp để tôi biết nó có thể khác nhau như thế nào; và cũng có một đôi lần khi tôi ngồi một mình trầm tư mặc tưởng, lúc bấy giờ tôi có cảm giác rằng mọi việc có thể đẹp để lắm. Nhưng bây giờ trà tôi đã hết và bánh cũng không còn và tôi đã mong ước không mua nó, bởi vì quãng đường bách bộ về nhà tôi thì xa lắc và tôi cũng đã mệt.

RUTH JHABVALA
QUẾ THANH dịch

NHÀ IN

HY MÃ LẠP SƠN

Một nhà in lớn nhất của Phật giáo trang bị nhiều máy in và kiểu chữ hoàn toàn mới. Nhận in kinh, sách, nhật báo, tuần báo, nguyệt san, bán nguyệt san, sô sách, ấn chỉ văn phòng...

190, LÝ THÁI TỒ SAIGON - Đ. T. : 25946

LƯỢC SỬ ĐƯỜNG LỐI GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

VƯƠNG PẪN LIÊM

Ở Việt Nam, Giáo Dục Cộng Đồng được nâng lên hàng « đường lối giáo dục quốc gia », đồng hóa với nền tiểu học. Vì lẽ nó đã có những đặc điểm về mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp và chương trình áp dụng hẳn hoi. Và trường tiểu học cộng đồng hiện tại đang thi hành đường lối ấy.

Đó không phải là một sự ngẫu nhiên. Nhưng nếu nói nó là một đường lối giáo dục ngoại lai hay xuất xứ từ một quốc gia nào cũng không đúng. Giáo dục cộng đồng là danh từ biến thể của GIÁO DỤC CĂN BẢN, một thứ chương trình hoạt động của tổ chức UNESCO. Chính chương trình này đã linh động thay đổi tùy theo quốc gia và áp dụng tùy thuộc vào hoàn cảnh mỗi địa phương. Cho nên, nước ta thực hiện đường lối Giáo dục Cộng đồng khi đã cải thiện thích nghi với thực trạng Việt Nam,

Đề có một nhận định đứng đắn về

ý nghĩa trên, chúng ta có thể lần lượt tìm hiểu khái lược chương trình Giáo Dục Căn Bản của UNESCO, vai trò của tổ chức ấy và điếm qua sự chuyển hướng về quan niệm Giáo Dục Căn Bản của Việt Nam.

A.— VAI TRÒ CỦA CƠ QUAN UNESCO :

UNESCO là chữ viết tắt của danh từ tiếng Anh : United Nations Educational Scientific and Cultural Organization (Organisation des Nations Unies pour l'Education, la Science et la Culture).

UNESCO là một trong số 11 cơ quan chuyên môn của tổ chức Liên Hiệp Quốc (ONU) thường được gọi : Tổ chức Văn Hóa Liên Hiệp Quốc hay Cơ Quan Văn Hóa Quốc Tế.

Thoạt tiên, năm 1921 Ủy ban Quốc tế hợp tác tri thức được thành lập với lối 20 nhân vật có uy danh quốc tế.

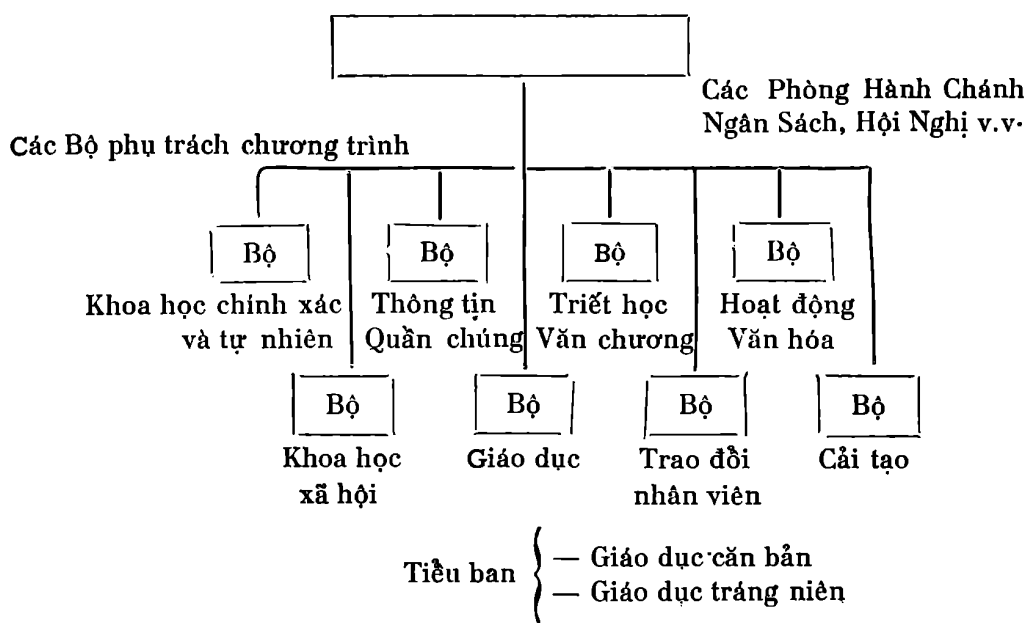
Giữa đệ nhị thế chiến, từ năm 1942 nhiều Tổng trưởng Giáo dục của các nước Đồng Minh thường hội họp để thảo luận về các vấn đề liên quan đến sự phục hưng nền giáo dục ở những vùng bị chiếm đóng, hay bị chiến tranh tàn phá. Rồi sau khi tổ chức Liên Hiệp Quốc ra đời, hai chính phủ Anh và Pháp có sáng kiến triệu tập một hội nghị có đại diện của 44 quốc gia tham dự. Tại đây hội nghị đã chấp nhận bản hiến chương thành lập Tổ chức Giáo dục, Khoa học, Văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) ngày 4-11-1945. Tính đến năm 1961, UNESCO đã có hơn 100 quốc gia hội viên và Việt Nam Cộng Hoà đã gia nhập tổ chức này từ ngày 6-7-1951.

I.— Sơ lược về tổ chức Unesco

Tổ chức UNESCO cũng như 11 tổ chức chuyên môn khác đều trực thuộc Hội đồng kinh tế và Xã hội của Liên hiệp quốc. Mỗi tổ chức hay cơ quan ấy có một bản hiến chương, một vị Tổng Giám đốc, một văn phòng và một trụ sở riêng. Trụ sở UNESCO đặt tại Paris (Pháp). Tại mỗi nước hội viên có thành lập Ủy hội Quốc gia liên lạc thường xuyên và thừa hành các chương trình mới với văn phòng UNESCO.

Sau đây là sơ đồ tổ chức của UNESCO :

VĂN PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC



2.— Sơ lược về mục đích của Unesco :

Do theo hoạt động của các Bộ chuyên môn mà ta biết chương trình UNESCO hướng về những mục đích nào. Một cách tổng quát, mục đích của UNESCO thể hiện tại điều 1 Bản Hiến Chương: «Tổ chức có mục đích góp phần vào sự duy trì hòa bình và an ninh, dùng giáo dục, khoa học và văn hóa để siết chặt sự hợp tác giữa các quốc gia ngõ hầu bảo đảm sự tôn trọng công bình, pháp luật, nhân quyền và những tự do căn bản cho tất cả, không phân biệt chủng tộc, nam, nữ, ngôn ngữ, tôn giáo mà Hiến chương Liên Hiệp Quốc đã thừa nhận cho tất cả các dân tộc».

Về giáo dục, UNESCO nhằm ba khuynh hướng :

— Mở mang và cải thiện giáo dục học đường

— Mở mang nền giáo dục ngoài học đường (Giáo dục căn bản)

— Tán trợ những trao đổi tin tức về giáo dục.

Về khoa học :

— Gây sự tiếp xúc thông cảm giữa những nhà bác học của các quốc gia trên thế giới.

— Trao đổi tài liệu khoa học và thúc đẩy công cuộc khảo cứu khoa học

— Phát triển giáo dục về khoa học xã hội

— Phổ biến trên thế giới khoa học xã hội.

Về văn hóa :

— Tán thành sự giao thiệp giữa các quốc gia trong việc giáo dục quần chúng và phổ biến văn hóa.

— Bảo tàng lâu đài những di tích cổ

— Thiết lập các hội văn bút quốc tế

— Duy trì tài sản của nhân loại

Về viện trợ kỹ thuật:

— Chương trình này nhằm đưa chuyên viên đi công cán tại các nước để giúp đỡ ý kiến về các vấn đề kinh tế, xã hội giáo dục v.v...

Về trao đổi nhân viên:

—Cung cấp tài liệu (thông tin, xuất bản, nghiên cứu v.v...)

— Cấp học bổng

— Chương trình trao đổi đặc biệt (trao đổi công nhân, thanh niên, nhân viên giáo dục v.v..)

Về thông tin ...

B. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CĂN BẢN CỦA UNESCO:

Trong phần hoạt động giáo dục, chúng ta nhận thấy có chương trình giáo dục căn bản. Khởi thủy, người ta không dự liệu Giáo dục căn bản. Về sau, qua những cuộc khảo sát cụ thể tại nhiều vùng chậm tiến, để thỏa mãn những nhu cầu cấp bách của dân chúng địa phương, chương trình Giáo dục Căn bản mới được soạn thảo, có tính cách quốc tế nhưng lại tùy thuộc vào phạm vi mỗi quốc gia.

I - Lý do thành lập chương trình Giáo Dục Căn Bản :

Chương trình cũng như danh từ

Giáo Dục Căn Bản được nêu ra (năm 1950) sau lời tuyên bố của ông James Yen, nhà lãnh đạo trứ danh phong trào Giáo Dục Quần chúng Trung Hoa: «Ba phần tư dân chúng trên thế giới thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nhà ở và không biết đọc, biết viết». Chương trình này lại trùng nghĩa với hoạt động xã hội của các nước như: Giáo Dục Xã Hội, Giáo Dục Quần Chúng, Phát Triển Cộng Đồng v.v...

Quả vậy, hình ảnh nói trên thường thấy ở các miền thiếu mở mang kém phát triển, bị chiến tranh tàn phá. Đời sống dân chúng nghèo đói, khổ sở quá chênh lệch giữa các giai cấp trong xã hội, giữa «cộng đồng thành thị» với «cộng đồng nông thôn» là mối nguy cơ của các nước lấn nông nghiệp cổ truyền làm căn bản. Thêm vào đó, tình cảnh nói trên còn do ảnh hưởng của kỹ thuật tân tiến du nhập vào nước quá lệ làng. Ngoài ra còn những dân tộc thiểu số sống xa ánh sáng văn minh chịu thiệt thòi về mọi phương diện v.v...

Đó là những lý do chính yếu thúc đẩy UNESCO thành lập chương trình Giáo dục căn bản. Và tổ chức này đã từng khuyến cáo rằng: «các nước hội viên nên bảo đảm một nền Giáo dục căn bản cho toàn thể dân chúng của họ và nhất là thiết lập sớm một nền tiểu học cưỡng bách, phổ thông và miễn học phí cùng một giáo dục cho tráng niên»

2— Mục Đích Của chương trình Giáo Dục Căn Bản:

Đối tượng của Giáo dục căn bản là

toàn thể hoạt động của nhân loại. Phạm vi hoạt động quả là rộng lớn vì vừa nhắm vào nhân loại vừa thực hiện trên khắp mặt địa cầu. Nhưng bản chất của Giáo dục căn bản là co giãn nên nội dung mỗi chương trình luôn luôn thay đổi theo nhu cầu, khả năng và hoàn cảnh địa phương của mỗi quốc gia. Tựu trung, chương trình Giáo dục căn bản nhắm vào các lãnh vực giáo dục, y tế kinh tế và xã hội, như sau :

— Nghệ thuật suy luận và truyền bá tư tưởng (đọc, viết, nói, nghe, tính v.v.)

— Kỹ thuật chuyên môn (canh nông cấy nuôi, thương mại, kiến thiết nhà cửa, trang bị nông thôn v.v...)

— Nữ công giáo dục (nghệ thuật nấu ăn, nuôi con, săn sóc bệnh nhân v.v...)

— Vệ sinh giáo dục (cá nhân và cộng đồng)

— Nhận thức về hoàn cảnh vật chất và hiện tượng tự nhiên (khoa học sơ đẳng)

— Nhận thức về hoàn cảnh nhân văn (tổ chức kinh tế, xã hội, chính trị)

— Nhận thức về vị trí và dân tộc trên thế giới.

— Phát triển tập quán tốt hợp đời sống tân thời.

— Phát triển tâm hồn và trí tuệ, tín ngưỡng và giá trị đạo đức v.v...

C. QUAN NIỆM VỀ GIÁO DỤC CĂN BẢN CỦA VIỆT-NAM

Nhận định được vai trò thiết yếu

của tổ chức UNESCO và tinh cách hữu ích của chương trình Giáo Dục Căn Bản, chính phủ Việt-Nam đã gia nhập UNESCO năm 1951. Mãi tới đầu năm 1956, sau khi tình hình chiến tranh đã lắng dịu, giữa lúc mọi người dân đang dồn mọi nỗ lực vào công cuộc kiến thiết quốc gia, thì chính phủ Việt nam Cộng Hòa mới tiếp nhận được viện trợ kỹ thuật của UNESCO. Dĩ nhiên, thực trạng nước ta hồi ấy rất thích hợp cho chương trình Giáo Dục Căn Bản. Chúng ta xét xem sự diễn tiến của chương trình này như thế nào ?

1. Giáo dục căn Bản.

Lúc đầu chương trình Giáo Dục Căn Bản có tính cách của một chương trình công tác xã hội. Các chuyên viên UNESCO về Giáo Dục Căn Bản, Giáo Dục phụ nữ, Giáo dục Học đường.v.v. hợp tác với một số nhà giáo dục Việt Nam để nghiên cứu kế hoạch thực hiện chương trình. Họ thành lập một đoàn gọi là Đoàn Giáo Dục Căn Bản. Đoàn này đã nghiên cứu và khảo sát một vài xã ở tỉnh Bình Dương và tỉnh Long an để tìm hiểu và thiết lập chương trình hoạt động.

Xã Khánh Hậu (tỉnh Long An) là thí điểm đầu tiên của chương trình Giáo Dục Căn Bản. Sau một thời gian tìm hiểu hoàn cảnh địa phương nông thôn, Đoàn Giáo Dục Căn Bản tiến tới việc tạo lập cơ sở nhằm mục đích đào tạo cán bộ thừa hành và thi hành đúng theo nguyên tắc Giáo Dục Căn Bản : chương trình này phải bắt đầu từ trường học.

2.— Trung Tâm Giáo Dục Căn Bản Long An :

Qua giai đoạn thứ hai của chương trình, chính phủ chấp thuận thiết lập một trung tâm Giáo Dục Căn Bản mệnh danh là Trung Tâm Giáo Dục Căn Bản Long An giống như các quốc gia hội viên đã thực hiện. Trung Tâm này gồm có ba ngành và một kế hoạch dẫn đạo, lược kê như sau.

- a) Ngành sưu tầm và thiết kế
- b) Ngành sản xuất tài liệu giáo khoa
- c) Lớp đào tạo giáo viên cộng đồng
- d) Kế hoạch dẫn đạo

Đến năm 1963, Trung tâm nói trên đổi thành Trung tâm Giáo Dục Cộng Đồng Long An và lớp đào tạo giáo viên cộng đồng được gọi là trường Sư Phạm Cộng Đồng Long An.

Tới đây chương trình Giáo Dục Căn Bản đã kinh qua một giai đoạn quan trọng. Trung Tâm Giáo Dục Cộng Đồng chỉ còn hoạt động với tư cách là một trường Sư Phạm đào tạo giáo viên cộng đồng. Và danh từ Giáo Dục Căn Bản đã biến đổi thành Giáo Dục Cộng Đồng.

3.— Ban Giáo Dục Cộng Đồng :

Sang niên học 1961 1962, Nha Tiểu Học thành lập Ban Giáo Dục Cộng Đồng thì chương trình Giáo Dục Căn Bản tiến đến giai đoạn chót và biến mất đi để trở thành một đường lối giáo dục quốc gia ở bậc tiểu học : Đường lối Giáo Dục Cộng Đồng.

Rồi sau đó, Ban Giáo Dục Cộng Đồng được mở rộng làm Phòng Giáo Dục Cộng Đồng của Nha Tiểu Học, có nhiệm vụ điều hành các trường Tiểu học Cộng Đồng trong toàn quốc.

Theo kế hoạch dài hạn của Bộ Giáo Dục, sau khi biến cải xong tất cả trường tiểu học thì bậc tiểu học sẽ áp dụng toàn diện đường lối Giáo Dục Cộng Đồng và Bộ cũng trù liệu nâng đường lối này lên bậc Trung học.

KẾT LUẬN

Cho lời này, chương trình Giáo Dục Căn bản của tổ chức UNESCO đã thực hiện được nhiều công tác đáng kể tại các quốc gia hội viên trên thế giới, đúng theo ý định của cấp có thẩm quyền. Chương trình đã được thực hiện một cách linh động, hầu hết đều

được địa phương hóa để biến thành một thứ đường lối hay kế hoạch của quốc gia. Và nước ta là một trong số các quốc gia hội viên đã thành công trong việc hệ thống hóa kế hoạch Giáo Dục Căn Bản và sử dụng nó dưới một hình thức khác, mới mẻ hơn. Chắc chắn rằng nhiều nước đã phò cập đường lối Giáo Dục Căn Bản vào nền giáo dục quốc gia nhưng lại gọi bằng một danh từ khác.

Chúng ta cũng cảm thấy khó khăn lắm khi tìm về lược sử của Giáo Dục Cộng Đồng; nếu không phân tích cuộc diễn tiến của chương trình Giáo Dục Căn Bản thì không thể hiểu được nguồn gốc của nó. Bởi lẽ, ở mỗi địa phương, ở mỗi quốc gia, đường lối Giáo Dục Căn Bản mang một sắc thái riêng biệt: sắc thái dân tộc.

hãy đọc:

LIÊN HOA NGUYỆT SAN

Cơ quan phát huy văn hóa Phật giáo

Chủ nhiệm : THÍCH ĐÓN HẬU
Tổng thư ký : THÍCH ĐỨC TÂM
Quản lý : THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG
66, CHI LĂNG, hộp thư 24, HUẾ

XÓM ĐÁY

CHÍN

TRONG quyển sổ ghi danh các em đến học tại trường Chim Sơn Ca mà các bạn giao cho tôi, tôi thấy nét chữ của chị Sáu ghi :

Em Nguyễn thị Út (lớp nhất) xóm chài

Em Nguyễn thị Lệ (lớp tư) xóm chài

Cách một khoảng xa, nét chữ chị Tư lại ghi :

Em Mai văn Chung xóm Đáy

Em Lê Kim Đình xóm Đáy

Em Nguyễn thị Hòa xóm Đáy

Tôi mới bước chân về làng, chẳng có ý niệm gì về những cái xóm Chài xóm Đáy ấy cả. Đi chài và đi đáy ở đây có nghĩa gần tương tự như nhau. Chẳng biết đó là hai xóm hay chỉ là một xóm thôi. Dần dần, dạy học và quen biết nhiều tôi mới rõ là xóm ấy ở tận bờ sông xa, cuối làng. Người nơi đây toàn làm nghề lưới cá, và xóm ấy gọi theo tiếng địa phương là Xóm Đáy. Đi chài thì không gọi là đi chài mà lại gọi là

đi « cày ». Đi « cày đáy ». Có lần Út Lớn đến bên tôi nói nhỏ :

— Thưa Chị em xin phép nghỉ học nữ công kỳ này vì hôm nay nước lớn em phải đi « cày đáy ». Hai tiếng « cày đáy » Út thốt lên thật gọn trong khi nhe hàm răng đều đặn của em ra hai lần, chẳng hiểu sao lại gọi lên trong tôi hình ảnh cái xóm mây nước đặc biệt nhất làng kia.

CH Ú Tâm Thái kể rằng trong cái xóm ấy dân làng có vẻ sung túc lắm ; họ sống biệt lập và chẳng cần đến mình. Các chị thì ngại vô chơi vì bảo rằng xóm ấy có nhiều thanh niên hay chọc ghẹo các cô. Các anh thì ngược lại cứ nằng nặc đòi vào « nhậu » một phen cho biết vì các anh từng chữa cho nhiều người ở đây hết bệnh nên họ cứ mời mọc đến « nhậu » hoài.

Tôi đang tìm dịp vào thăm xóm thì các em học sinh Xóm Đáy tự đứng đến mời tôi : « Chị xuống nhà tụi em chơi đi ; bữa nào chủ nhật rảnh đó.

tụi em sẽ chèo xuồng đưa chị đi hái bần. Bần chua mà chấm với muối ớt thì ăn ngon lắm.

Út Lớn xen vào :

« Rồi chị ở ăn cơm trưa luôn nghe. Tụi em nấu canh chua với bần cho chị ăn. Canh chua bần mà nấu với cá lóc và rau thơm thì ngon lắm ».

Cây bần thì tôi biết thừa. Tôi còn biết rõ là ngoài cái rễ chính, nó còn một hệ thống rễ gọi là *phế căn* mọc ngược lên không, dùng vào sự hô hấp của cây.

Nhưng mà bần chua ăn với muối ớt và canh rau thơm nấu với bần thì tôi mới được biết qua lời nói của Út Lớn. Tôi cũng biết thêm là món đó ngon qua ánh mắt vụt sáng của các em ở xóm Đáy khi nghe Út Chị nhắc đến. Chiều hôm ấy tôi quyết định xuống xóm Đáy chơi. Chú Tâm Thái báo trước cho tôi biết là xóm đó lầy lội lắm, nên đề guốc lại ở trường là hơn. Cái làng của chúng tôi nhỏ quá nên con đường đề đưa xuống xóm tuy là dài nhất làng mà đi cũng chẳng mấy chốc đã đến. Khỏi con đề hẹp xuyên qua ruộng mạ xanh rì, đến con đường đất rộng gần ba thước. Hai bên bờ đất người ta phơi những hàng dây tước ra từ những hẹ dừa nước. Thím Bảy nói rằng dây này dùng để bó củi rất chắc mà cũng có thể dùng vào việc cột những nẹp nhà. Có tiếng trẻ reo cười bên trong xa, sau một chiếc nhà lá có trồng nhiều cây gòn, cây bình bát và cây dừa. Thấp thoáng có một hàng dừa nước mãi tận đằng sau. Dừa nước

là loại cây mà tôi cho là đẹp nhất trong làng. Những chiếc lá dài mọc từ bần sinh lầy lội mà vẫn xanh mượt sạch sẽ và lúc nào cũng sừng sững thẳng đứng lên chứ không xiên sang bên này ngã sang bên kia. Trái dừa kết lại thành từng *quây*. Cơm dừa ăn thơm, dẻo, ngọt nhưng không béo ngậy như dừa ta. Bẹ được chẻ ra thành sợi để làm dây ...

TÔI đang nghĩ đến cây dừa nước thì trong nhà túa ra ba bốn đứa trẻ. Thắng Nở thắng Lắm cùng reo lên « Chị Chín ! chị Chín bay ơi ! ». Các em lần lượt kéo ra khá đông và cả « phái đoàn » mới bắt đầu viếng thăm từng nhà. Nhà con Lệ và thắng Lắm ở đầu xóm. Bên hông và sau nhà các em, đều có *đầm* mọc đầy lạt. Tôi hỏi các em có biết đan giỏ bằng lạt chưa và hứa sẽ dạy các em phơi lạt, nhuộm màu rồi đan giỏ mà dùng. Chẳng có ai ở nhà cả vì nước sắp dâng cao, có thể chài được nhiều cá cho nên cả nhà phải đi « cày ». Phái đoàn lại trở ra và hướng về phía xóm đông đúc. Tôi bước cẩn thận trên một lối đi ọp ẹp những nước bần. Cái áo bà ba vải nâu và chiếc quần đen cao khỏi *mắt cá* dưới chân tôi vẫn còn lết bết vương vào cỏ lạt. Thắng Lắm trở một cái nhà bên tay trái nằm sau một cái *đầm* sâu và nói.

— Nhà Ngọc Em với thắng Chung và (1) chị.

Trong khi tôi cẩn thận đi từng bước trên cầu ván thì « ùm, ùm » các

(1) *Kia kia*

em đã nhào cả xuống nước lội sang. Hai cánh tay no tròn đen thui của thằng Chung loay hoay dưới nước khiến tôi hoảng kinh. Tôi suýt kêu cứu thì nó đã choài đầu lên ngoảnh miệng cười. Thằng Chung năm nay được năm tuổi, mới học lớp Mẫu Giáo với chú Tâm Thẻ ở trường mà đã lội nhanh như một con rái con. Mặt mày tay chân nó lúc nào cũng lem luốc những bùn, nhưng chú Tâm Thẻ quả quyết là từ ngày đi học đã tiến bộ hơn xưa nhiều lắm. Trong lúc tôi mừng rỡ buột miệng hỏi:

— Trời ! em biết lội hả ?

Thì Ngọc Em đã ra cửa đón tôi. Đôi mắt sáng, hai gò má hồng rậm đen với nhiều nốt tàn nhang và một mụn ruồi to bên mép là những đặc điểm của cô bé mười hai tuổi này. Em là chị của sáu đứa nhỏ nên chẳng còn được đi học nữa. Chị Ngọc Anh của em mười lăm tuổi đã phải bận đi « cày cấy » với ba má em suốt ngày, có khi luôn cả đêm nữa. Em phải ở nhà giữ em. Tuy nhiên em có thể bế em bé ra trường để học trong những giờ tôi dạy nữ công. Tôi hỏi em về đời sống dân chài ở ven sông. Em đã trả lời thật rành rẽ. Em cho biết là nếu không phải coi em thì em cũng có thể đi cày và đủ sức kéo một *miếng cấy*. Em mặc một chiếc áo ngắn, màu nâu, bó sát thân hình tròn trĩnh và chiếc quần đen ngắn, cao khỏi mắt cá chừng một tấc. Tóc em suông dài đến vai. Mỗi khi cười em hay há miệng ra vẻ e thẹn và ngoảnh đầu sang một bên. Em hướng về phía thằng Chung và nói :

— Tui nó lội giỏi lắm, chị.

Tôi hỏi.

— Ai mà dạy nó lội vậy em ? Nó còn nhỏ quá !

Ngọc Em cười hồn nhiên :

— Ai mà dạy chị. Tự nhiên nó biết. Con nít ở đây đứa nào mà lại hông biết lội.

Tôi không tin cái thuyết tự nhiên mà biết lội của cô bé Ngọc Em cho lắm bởi vì tôi đã từng học lội. Xuống nước mấy mươi phen mà vẫn cứ chìm ngấm. Nhưng nhìn mãi những cánh tay no tròn đen bóng ấy loi choi dưới nước, những khuôn mặt bé xiu ấy với những cái má phúng phính đen hồng, những đầu tóc mướt thướt vì bùn, hụp lặn dưới nước, và mỗi lần ngoác lên thì phồng má lại miệng phun phèo phèo với nhau rồi cười ngật nghẻo hay dòn tan, thì tôi cũng phải tin. Cái không khí chiều hôm đó khiến tôi có cảm tưởng như các em lọt lòng mẹ rồi lớn lên thì tự nhiên biết lội cũng như tự nhiên biết ngủ tự nhiên biết ăn vậy.

Tôi từ già Ngọc Em rồi rẽ sang tay trái để đến chỗ đồng đúc nhất xóm. Một dãy nhà lá hướng cửa về phía bờ sông. Một con sông khá rộng và dài, nước cuộn cuộn chảy. Có tiếng kêu « Chị Chín » trong trẻo ở một góc xa. Tôi quay lại và ngạc nhiên nhìn em Tám Nhỏ đứng trên một chiếc thuyền con nhanh nhẹn bơi về phía tôi. Thuyền đi sát bờ nên em dùng một tay chèo ghe một tay khoác những nhánh bần giơ ra sông một cách gọn gàng quen thuộc.

VÀI tia nắng nhỏ lướt ngang mái tóc dài óng ả kẹp gọn sau lưng em. Cô Tám Nhỏ bé xiu xiu đẹp nhất xóm đó mà cũng biết chèo ghe, tài thật. Khuôn mặt nhỏ sáng sủa với đôi mắt tròn long lanh và đôi môi hồng đỏ ắn sau những nhánh bần rồi lại hiện ra từng chập mỗi lần ghe lướt khỏi những tàn cây rậm rạp ven sông. Em đứng phía sau thuyền uyển chuyển khua mái chèo và nhoẻn miệng cười rất có duyên. Xuồng em lướt từ từ đến bến, chỗ tôi đứng. Em chống ghe lại và hỏi :

— Chị đi đâu mà tối vậy. Bữa nay rằm, chứt nửa nước lớn lắm. Chị phải để em chèo ghe đưa chị về chứ không thì nước mình mông, hồng thấy đường, chị đi sụp xuống ao chết nghe.

Nắng chiều, nước sông cuộn cuộn, tài bơi lội và chèo thuyền của các em ám ảnh khiến tôi đứng thừ ra đấy chẳng chú ý mấy đến lời của Tám Nhỏ.

Tôi ngắm cô bé đang chống cây chèo đứng ở cuối ghe. Em mặc chiếc áo bà ba hồng, cái quần vải đen dài. Tóc em kẹp gọn lại sau lưng như là một cô gái mười ba, mười bốn tuổi nên trông em lớn ra. Tôi mỉm cười hỏi :

— Em năm nay mấy tuổi ?

— Dạ tám tuổi

Tôi tròn mắt :

— Tám tuổi mà sao chèo ghe giỏi vậy?

Tám Nhỏ cười :

— Con Chín Hồng, con Mười Vui em của em cũng còn chèo được, nữa là em. Mà chị có đi hái bần chơi không ?

TÔI cũng ra đi nhưng thấy trời đã chiều mà còn nhiều nhà phải đi thăm nữa nên thôi. Tôi phải đi thăm cho đủ các nhà kẻ mấy em phân bì.

Bước vào nhà hai cô út tôi bắt gặp một người con trai da đen đu sam nắng nhưng nhìn kỹ nét mặt thì thấy còn rất trẻ con.

— Ai đây hả út ?

Tôi hỏi trong khi cậu con trai lúng túng

— Dạ anh Mười em đồ chị Chín-Út Nhỏ trả lời.

— Anh Mười mà còn trẻ như vậy à ? Tôi ngạc nhiên. Vì thường ngày Út Nhỏ vẫn kể về anh Mười nó như một người lớn.

Mười lật đật nói :

— Tui đáng em mà, kêu bằng anh làm chi chị.

— Ủ thì bằng em. Em Mười năm nay mấy tuổi rồi.

— Mười sáu chị.

— Em hết đi học rồi sao ? Tôi tò mò hỏi.

— Dạ mắc đi cày đấy.

— Em mà đi cày đấy ? Giỏi ghê.

Mười bật cười.

— Em hồng đi thì ai mà đi chị ?

Tôi nhớ trong sổ ghi hai cô út còn cha nên tôi hỏi.

— Còn ba em làm gì ?

— Ổi ông say sưa tối ngày.

Tôi chợt nhớ lại tình trạng ở đây người dân rất tệ về phương diện rượu chè. Nhà thím Sáu, má của Tám Nhỏ, cũng than là ông chồng cứ đi say sưa tối ngày rồi về đánh đập vợ con.

Trong khi các em dễ thương như vậy thì các ông từ ba mươi mấy tuổi

trở lên đã say sưa lu bù rồi chẳng còn làm gì nhiều cho gia đình cả.

Tôi nhìn em Mười, mười sáu tuổi mà đã làm chủ một gánh gia đình rồi. Út Nhỏ cho tôi biết là anh Chín nó vừa bị bắt lính, giờ thì việc đi «cày» chỉ có anh Mười nó chỉ huy. Mười mặc một cái áo bà ba đen trễ, cái quần vải trắng đã ngả sang màu đất bùn.

Đầu em hớt chải. Phía trước có một mép tóc hơi quăn khiến cho nét mặt em dịu xuống. Mặt em nhỏ dài nhưng cũng hiền như mép tóc của em. Mũi em cao, nhỏ, môi mỏng, răng trắng đều. Quả thực nếu các cậu con trai ở đây mà hiền như Mười cả thì họ cũng dễ thương lắm.

Hôm nay là ngày nước dâng cao có nhiều cá tôm, nhưng vì miệng đáy bị rách hòm qua nên Mười phải ở nhà đề vá lại. Tôi hỏi Mười về đời sống trên ghe khi đi cày. Chúng tôi nói chuyện có vẻ tâm đầu ý hiệp lắm. Chiều đã xuống hẳn. Mười đề nghị đưa tôi về tận trường bằng ghe, vì giờ này nước đã dâng cao và những lối đi khi nãy có thể bị nước tràn ngập tất cả rồi. Út Lớn, Út Nhỏ, Mười và tôi cùng ra ghe.

Khi thuyền đi ngang những cây bần sây trái các em không quên ngừng lại hái cho tôi. Đi được một đôi thì xuống rẽ vào một con rạch nhỏ dẫn đến trường. Hai bên bờ những cây dừa nước xanh mát đã ướt bóng trắng. Tôi nghĩ đến những khúc hát những điệu hò trên sông và hỏi Mười. Em ngơ ngác chẳng biết chi cả. Em bảo em cũng nghe mang máng rằng hồi xưa vui lắm, có hát, có hò, có ca đối đáp nhưng từ hồi nào đến giờ em chưa từng được nghe hát bao giờ.

— Bây giờ thì hồng còn ai hát nữa đâu chị.

Câu nói Mười thốt ra thật tự nhiên nhưng nghe qua tôi bỗng giật mình.

— À, thiệt rồi, bây giờ thì chẳng còn ai hát nữa. Tôi tự nhủ.

Hèn chi mà không khi thôn dã độ rày chẳng còn rộn rã tung bừng như không khi đồng quê trong sách báo ngày xưa. Đồng quê đã bật tiếng hát ca từ khi tôi bắt đầu hiểu biết. Cái thời có hát, có hò khi gặt lúa, khi giã gạo hay khi chèo ghe trên sông dài đã thành cái thời xa xưa chỉ hiện hữu trong các chuyện cổ.

Quê hương tôi còn đó, những người con nơi thôn dã còn đó, nhưng bởi vì họ là những người đã gánh chịu nặng nề nhất những tủi nhục, những đau buồn của quê hương nên tiếng hát ca của họ đã im bật. Sự lặng im bắt đầu từ những mảnh vườn tan nát, những lũy tre xanh cháy khô, những cánh đồng tôi tả, rồi lan dần, lan dần... Tôi nhìn các em khua đều đặn mái chèo và nghĩ đến thân phận tôi. Chị em chúng tôi vô phúc sanh nhằm thời quê hương điêu đứng nên chưa bao giờ được thưởng thức hương vị của một câu hò được tình đất nước.

T H U Y È N đã cặp bến. Tôi từ giã các em, uể oải lên bờ. Phải chi mà tôi đừng biết suy nghĩ, cứ vô tâm như Út Nhỏ Út Lớn thì buổi chiều hôm nay sẽ dễ chịu biết bao. Gió đêm miền man trên đường về

Trăng đồng quê hình như cũng không được khỏe mạnh. Tôi mơ ước được thấy Xóm Đáy trong những đêm dân làng quăng lưới chụp ánh trăng vàng và những buổi sáng ghe về chở nặng tôm cá trong khoang. Ước mong cho tiếng hát câu hò sớm trở về trên đất nước và nụ cười trở lại trên khuôn mặt những người dân chất phác thực thà.

THÀNH PHỐ ĐI RỒI

HOÀI KHANH

BẢ Y giờ con sông là một nỗi buồn lớn đang trải ra trước mặt anh Hai. Con sông thật là nhỏ nhoi và hiền hòa. Con sông không biết khóc, không biết cười. Con sông chỉ biết trôi chảy thôi. Nhưng cho đến ngàn vạn năm nữa—hiện giờ anh Hai đang nghĩ đến điều đó — con sông cũng vẫn trôi chảy mãi không ngừng. Như thế con sông thật là vĩ đại và dòng nước luân lưu mới thật đáng cho người ta chiêm ngưỡng.

Hôm nay anh Hai mon men ra bờ sông để nghĩ đến số kiếp con người. Anh muốn tìm một nơi có thể giải thoát tâm tư buồn nản, tuyệt vọng của mình. Xa tận phía dưới kia con sông đang

phản chiếu những hình ảnh biến đổi từng giây phút của một thành phố mà anh không được quyền đi đến, anh không được quyền nhớ tới. Nhưng làm sao bắt ý nghĩ người ta đứng lại cho được. Ý nghĩ, tư tưởng có khác nào dòng sông đâu. Một đôi lần anh Hai cũng loáng thoáng nghĩ đến điều đó. Và thành phố kia những đêm nào không xa lắm đối với anh là cả một niềm hoài vọng. Trong hồi tiếc cũng như trong xao xuyến. Đến và đi. Đêm và ngày. Buồn và vui. Một cái gì như dòng nước cuốn đi, vừa dịu mát vừa bừng thoát, vỡ bờ, hóa kiếp.

Ngày thật là mạnh khỏe đang khởi lên sau lưng anh. Anh ngồi chồm

hôm cạnh dòng sông, phì phèo điều thuốc vắn tay đang chực muốn sổ ra. Anh le lưỡi liếm miếng giấy quấy cho dính lại và bập bập một hơi dài. Làn khói thuốc bùng lên trong một sớm mai cạnh dòng sông như một điều bí nhiệm đang lên tiếng. Trong cùng thẳm của dòng sông đang luân chuyển kia có lên tiếng gì không nhưng chắc trong sâu thẳm tâm hồn anh Hai có một tiếng gì đã vọng ? Đã leo lét. Đã nhen nhúm. Anh nhìn sững sờ xuống dòng sông. Mặt nước vẫn xanh rờn, lặng lẽ. Con sông thật nhỏ nhoi và hiền hòa. Nhưng đó cũng là một điều bí nhiệm. Đối diện với dòng sông nhỏ nhoi một cách tự tại và trầm thẳm người ta mới thấy nỗi sâu lớn vây bủa tâm hồn ta như khói sương lãng đãng. Và như thế tâm hồn ta mới thấy lớn lao, vĩ đại như dòng sông nhỏ. Còn đối diện với dòng sông lớn ta chỉ cảm thấy một nỗi khiếp sợ và tẻ cóng. Không biết anh Hai đã «nhập diệu» vào với dòng sông kia không biết đã bao nhiêu lần rồi, vậy mà mỗi lần khi dòng nước mát lạnh cọ xát vào da thịt mình anh nghe như một sức sống mới đang hòa nhập vào anh. Có thể đó là một điều quá tầm thường, nhưng đối với anh, đó là một điều khó lòng mà giải thích thế này thế nọ cho được.

B Í N H nhật anh Hai vốn ít nói. Gần bốn mươi tuổi mà nom anh Hai già sọm hẳn đi. Tuy vậy, trên khuôn mặt thon dài, nhăn nheo đó, người ta vẫn nhìn thấy cuộc sống nội tâm của anh thật là phong phú qua hai con mắt sáng và sâu, đen tối và rực rỡ. Trong xã Hưng Nhơn, ai cũng xem anh như một « con cừu non » vì

anh vừa thật thà, chất phác, vừa hiền lành, ngây ngô một cách đáng yêu. Mặc dù anh đã lớn tuổi rồi. Vậy mà câu chuyện..... đã xảy ra.



Câu chuyện ấy tôi không làm sao quên được. Nó vừa gợi dậy trong tôi một nỗi buồn xốn xang như những đêm nào nhìn lên dãy Trường Sơn xa vút thấy ngọn lửa rừng lập lòe dần lan từng khoảnh rồi lặng lẽ tan biến vào đêm đen tối. Tôi nghĩ đến đời sống những người Thượng. Quê hương họ ở đâu ? Có phải ở ngọn lửa cháy rừng mỗi lúc bùng lên. Vì sau đó khi lửa lên mằm, thành cây, trĩu hạt, những đêm của rừng núi thật là dài vô cùng. Rồi họ lại phải đi ra sau mùa gặt hái. Bỏ lại đằng sau họ khu rừng cháy xém và những gốc rạ tro vương. Và như thế thành phố phía dưới cùng con sông này làm sao tôi không thương nhớ. Nơi ấy tôi đã được sinh ra và giờ phải bỏ đi. Bao người thân yêu, bao niềm vui thú, bao kỷ niệm ấu thời từng tan trong gió, từng khô trong nắng, từng diu hiu theo dòng nước chảy vi vu. Mái nhà xưa chưa trở về nhưng tâm hồn vẫn chảy tuôn về cõi trú, nơi ấy từng đêm đen những tiếng lang thang gào thét nhẹ nhàng.

V À như thế, tôi trở về xã Hưng Nhơn sáng hôm nay trong một trạng thái nhẹ nhàng, thoải mái. Bởi ở đó tôi có thể gặp lại những hình bóng cũ qua giọng nói dịu dàng của Bà và nụ cười nhăn nheo nhưng đôn hậu của anh Hai. Tin nhắn tôi nhận được chỉ vồn vện vài lời «Bà đau nặng hãy về gấp».

Tôi đã nói rồi. Trở về đây như trở về mái nhà xưa và vì vậy mà tin Bà bệnh nặng thành ra một tin vui. Tôi vội vã vất bỏ tất cả công việc để trở về xã Hưng Nhơn.

Bà và anh Hai đến đây sinh sống không biết từ lúc nào nhưng tôi đoán rằng đã khá lâu. Nếp sống ấy, tình tự ấy cho tôi đều quyết đoán đó. Và lạ nữa là trong nhiều câu chuyện tôi nói đến thành phố Phan Thiết phía dưới dòng Cà Ty hiền dịu này, anh Hai thường đánh trống lảng bắt sang chuyện trồng trọt và ước vọng duy nhất của anh là sắm một chiếc xe bò. Để có thể đến sinh sống một vùng xa hơn tận phía trong chân núi Tà Cú. Những lúc ấy cặp mắt anh xa vắng như từ một cõi nào khác biệt với trần thế. Như thể nơi ấy—thành phố dưới kia—đã là một niềm u hận cho gia đình anh. Mà quả vậy, ở xã Hưng Nhơn này chưa đủ anh còn tính dời đi đến một nơi hẻo lánh độc địa và chẳng có mấy người ở. Rồi một sớm anh đã ra đi. Rồi một sớm tôi trở về.



Tám con

Chức thư này ba để lại cho con như một niềm kiêu hãnh khốn cùng của đời ba và muốn rằng nó sẽ là một hy vọng cho đời con. Ba không muốn dài dòng, nhưng nghĩ rằng ba con ta không gặp nhau nữa, nên những dòng này con có thể xem như hình bóng ba mỗi khi con đọc đến, nhớ đến và nếu thật sự thương ba con hãy làm theo những lời ba dặn trong chức thư này.

Nếu được như thế, ba không còn gì vui sướng hơn.

Ba xưa kia vốn là một kẻ làm rẫy nghèo nàn ở xã Hưng Nhơn. Nhờ chịu khó và tần tiện ba kiếm được một số tiền và khi có dịp về Phan thiết với một người bạn, nhân cuộc vui đen đỏ ba ngày Tết, ba đã kiếm được một số tiền khổng lồ, hơn cả mấy mươi năm trời làm lụng cực nhọc, tần tiện ở chốn khi ho có gáy quê hương của chúng ta. Có tiền nhiều nên có bạn nhiều, và đời sống thành phố đã dạy ba từ bỏ cái quá khứ nghèo nàn, « quê mùa » của ba xưa kia, trong đó có cả cái quá khứ thủy chung của mẹ con. Lúc đó, con mới được sáu tháng.

Và như thế từ đó ba không bao giờ trở lại xã Hưng Nhơn nữa. Tuy một đôi khi, sau những cơn say vừa tỉnh, ba bàng hoàng nhớ lại đời sống xưa cũ của mình. Hơn một lần ba đã từ bỏ đô thị để về sống ở Hưng Nhơn lúc tuổi mới gần ba mươi. Như thế con sẽ hiểu ba khổ tâm dường nào khi nghe người ta hát :

« Cha già con muện chơi vui
Cha làm thấy tổ con chơi tối ngày ?

Ba xin con đừng bận lòng tìm hiểu những ngày trước khi về sống ở Hưng Nhơn ba đã làm gì. Điều đó, sau này khi lớn lên đối diện với dòng sông thì con sẽ hiểu. Tộc họ ta cho rằng giống họ ta có noi. Nhưng ba không muốn tin điều vô lý đó. Trước kia ba dạy học. Sau này ba làm rẫy và cuối cùng ba là một kẻ dăng điếm, rượu chè, cờ bạc.

Cũng may cho con, người đàn bà ấy đã cắn răng chịu đựng suốt mười mấy tháng sau đó. Người đàn bà ấy là

mẹ con. Ba đã nấn nhá đánh đập, xua đuổi khi người đàn bà đó những lần lẫn lộn xuống Phan thiết tìm ba. Ba phải dùng chữ « người đàn bà » bởi vì ba không đủ quyền gọi đó là mẹ con nghĩa là vợ của ba. Xin con tha lỗi cho ba.

Nhưng đúng như ông bà ta thường nói :

« Đời xưa quả báo thì chầy
Đời nay quả báo một giây nhả tiền »

CÁI nhả tiền của ba sau đó không lâu là cơ nghiệp tan tành và lúc đó không thấy một người bạn ở đâu. Cũng một thành phố nhỏ nhoi đó, nhưng trước kia dường như bất cứ ở ngõ hẻm nào ba cũng gặp mặt những người bạn và cả những kẻ hết sức quý lụy. Và khi mấy thùng lều nước mắm và những ngôi nhà xinh xắn không còn, thành phố nhỏ nhoi ấy như một bãi tha ma, trên ấy, ba chỉ có thể tìm thấy lại hình bóng một người bạn bà. Nhưng đã quá muộn rồi. Dòng sông kia đã ướp linh hồn người lạnh giá muôn thu. Đến đây con đã hiểu rồi chứ ?

Sau này, nếu cần tìm hiểu thêm người đàn bà đó hay ba thì con sẽ hỏi với Bà. Con sẽ là cháu của Bà. Bà ấy cũng một đời khổ khổ. Về xã Hưng Nhơn gần 7 năm ba tá túc nhà Bà và người đàn bà kia là con riêng của ông ấy. Nhưng con phải gọi bằng nội. Ông ấy qua đời đã lâu với bệnh suyễn dai dẳng gần ba mươi năm. Đã vậy còn say. Mỗi lần say bà chỉ biết khóc vì ông bỏ món gì cũng đập. Còn đánh đập và chửi rửa thì khỏi phải nói. Thế mà Bà chẳng mở lời than trách. Bà chỉ

khóc một mình. Những lần như thế đã quá nhiều. Và tuổi Bà có ít ỏi gì đâu.

Ba thường tự hỏi tại sao người ta phải sinh ra để chịu như thế ? Nhưng có một điều mà sau này ba mới trực nhận ra. Trước những điều khổ khổ đã đeo đẳng trong kiếp làm người, người ta còn tự tạo ra vô vàn khổ khổ cho mình, cho thiên hạ. Vì thế nên hôm nay con phải đọc chúc thư này. Vì thế nên ba con ta không bao giờ gặp nhau nữa. Và dòng Cà Ty nhỏ nhoi hiền dịu đó, đã làm linh hồn « người đàn bà kia » lạnh giá suốt muôn thu. Chính ba cũng là một kẻ tạo ra vô vàn ác nghiệp. Sống ở đời thật là khổ khổ. Nhưng ba hy vọng rằng con sẽ làm ba mãn nguyện, nếu con thương ba và nhất là vì « người đàn bà kia » con sẽ có đủ can đảm làm theo lời của ba.

Nhất định là con có dư can đảm rồi. Bởi con được kết tinh trong một khổ đau vô hạn, và chỉ trong khổ đau vô hạn, người ta mới có thể làm được những việc to lớn vượt trên kiếp làm người của hân. Quê hương ta có dãy núi Ba Hòn, đó là hình ảnh bất diệt của ba chúng ta : Ba Hòn, dãy núi đó lúc nào cũng gắn liền nhau nhưng lại cũng tách rời ra.

Ba muốn nó sẽ là hình ảnh của con sau này. Suốt đời con hãy chỉ sống trên đó, quê hương của Bà, quê hương của Mẹ, đó là quê hương đích thực của con. Đời sống thành phố đã làm ba trở thành một kẻ bất lương và cuối cùng trở nên một kẻ khổ cùng trong tuyệt vọng. Đem theo đời sống của một

người đàn bà hiền hậu, tiết liệt vô song. Đời sống thành phố là đời sống lọc lừa, giả trá, lường gạt, đảo điên. Suốt đời con hãy chỉ sống trên đó. Đây là những lời cuối cùng của Ba. Đây là mệnh lệnh duy nhất của con. Mong con hãy vì « người đàn bà đó » mà chu toàn những lời coi như độc ác đối với con của Ba.

Thương con vô cùng.



Tôi bước trên đường với một nỗi rạo rực khó tả. Đó là tâm trạng chung của những lần trở về xã Hưng Nhơn. Nắng xanh xao trên những cành lá. Rừng reo lên khi một cơn gió nhẹ thoảng qua. Buổi sáng hôm nay sau mặt trời có vẻ như trong xanh hơn bao giờ hết. Những tầng mây trắng quen thói bình bồng hôm nay dường như đứng lặng. Tuy vậy khu rừng nhỏ vẫn vọng lên những tiếng nói riêng biệt của nó : tiếng những con chim hót, tiếng những chiếc lá lia cành, tiếng bụi tre cựa mình nghe răng rắc và một đôi khi tiếng con đò giạt mình đầu đó quất vang dội cả khu rừng. Còn một đoạn đường ngắn nữa thì ra tới Bàu Lát. Tôi nghĩ đến những bữa cơm thân mật với Bà và anh Hai. Có lẽ đó là những bữa ăn ngon miệng nhất, mà ngay đến sau này những khi ngồi vào các cao lầu sang trọng tôi cũng không làm sao quên được những bữa ăn ấy. Thực đơn rất giản dị : cơm gạo giã tay ăn với nước mắm cà chua luộc dầm ra chấm với ớt đậu hay ớt bi, vậy mà thật là ngon hết sức. Gạo giã tay vừa béo vừa thơm, ớt đậu thì vừa ngọt vừa

bùi và nhất là cà chua luộc dầm nước mắm có một hương vị thật là quê hương, thật là mặn mòi. Nghề canh tác chính của anh Hai là trồng cà chua và đậu. Từng mấy đám ruộng cà mênh mông, mỗi khi trái chín đỏ, nhìn thật là đẹp mắt. Những buổi chiều mát, hay buổi sáng tinh sương, tôi vẫn thường đi hái cà hoặc hái đậu với anh Hai. Những lúc ấy anh Hai thường hỏi tôi tại sao lại bỏ nhà ra đi. Tôi nói qua loa với anh Hai là gia đình tôi có chuyện buồn và vì vậy nên tôi không muốn ở đó nữa.

THỰC ra thì anh Hai lớn hơn tôi nhiều lắm. Và nếu trước mặt hai chúng tôi có một người thứ ba thì tôi thường gọi « Anh Hai » một cách thật là lóng cồng. Tôi nhớ lần đầu tiên gặp anh tôi gọi bằng chú Hai. Nhưng sau đó anh không cho kêu vậy nữa, anh bảo tiếng Chú nghe buồn lắm, anh thì anh không muốn già. Tôi hỏi vì lẽ gì, thì anh lộ vẻ buồn bã và nói rằng kêu anh thân mật và dễ chịu hơn. Từ đó trở đi tôi kêu « Anh Hai » một cách rất tự nhiên.

Đến gần căn nhà tôi tự hỏi không biết có việc gì đã xảy ra? Quanh căn nhà thật là hoang vắng khác với mọi lần khi tôi đến bìa ranh thì thế nào cũng có vài con gà lên tiếng chào hỏi, vừa cục tác vừa chạy thẳng vào nhà. Hôm nay mấy con gà đầu mất. Chuồng heo bên cạnh nhà tôi nhớ có năm con heo lớn hay kêu ụt ịt mỗi khi có ai đến nay cũng im lìm. Tôi đứng lại ngó mông về phía núi Tà Dôn xa xa. Trước mặt tôi con sông Cà Ty đang long lanh

dưới nắng mai. Cứ mỗi lần nhìn thấy con sông Cà Ty nhỏ nhoi, hiền dịu thì lòng tôi bỗng đầy tràn một nỗi xót thương nghe ràn rụa tâm hồn như một cơn gió khuya lệch thềch cuốn theo tiếng gọi của côn trùng rên rĩ. Ở đó có một thành phố đông đúc. Có những người tôi yêu dấu. Tôi đành phải bỏ đi. Nhưng ở đó còn có một tương lai mà tôi phải lựa chọn. Ở đó đã làm cho tôi biết nhẫn nhục và chịu đựng. Vì ở đó tôi thường mang một tâm trạng e thẹn khi phải đối diện với đám đông. Nhưng chắc rằng suốt đời tôi không làm sao quên thành phố đó, bởi một phần hơi thở ấu thời của tôi đã hòa nhập vào với cơn gió mặn nồng của biển khơi thổi về mỗi đêm đen rờn rợn những vong hồn thiên cổ

TÔI bước vội vào nhà anh Hai. Một thoáng thôi; tôi chợt hiểu rằng đời sống thật là khổn khổ. Cái quang cảnh đìu hiu của căn nhà làm cho nỗi buồn vỡ thành tiếng. Bà đang nằm trên giường, gương mặt già vốn đã nhăn nheo nay hóp lại như một chiếc sọ người. Thấy tôi Bà gần giường mắt lên nhìn, nhưng thật là yếu đuối. Bà đưa tay chỉ vào cổ, tôi vội đi rót nước cho Bà. Hơi thở Bà nghe mệt nhọc lắm. Tôi đưa tay sờ lên trán Bà, trán Bà đã nghe lạnh nhưng lại có nhiều mồ hôi. Tôi tự hỏi có phải xuất mồ hôi hạn đây không? Và nếu như thế thì tôi phải làm sao. Bởi tôi có biết gì đâu. Đột nhiên tôi cảm thấy lo sợ vu vơ. Định thần một lúc, tôi nhỏ nhẹ hỏi Bà về việc vắng mặt bất thường của anh Hai và căn nhà trống trơn một cách kỳ dị như thế này. Bà khẽ

ngiêng lắc cái đầu như gắng hết sức, đoạn Bà áp tay lên ngực nói lên bằng một giọng run run yếu ớt.

— Thành phố... đi rồi...

Tôi không hiểu ất giáp gì cả. Một lát sau, tôi mới hiểu nghĩa ý của Bà. Bà định nói anh Hai đã đi về thành phố rồi, nhưng vì quá yếu ớt và gần như không điều khiển được ý nghĩ của mình nên Bà mới nói như vậy. Tin ấy vừa làm cho tôi bàng hoàng, sửng sốt vừa gợi dậy trong tôi một nỗi nhớ thương thành phố mến yêu mà tôi phải bỏ ra đi. Nhưng ngay lúc đó tôi muốn biết vì lẽ gì anh Hai lại bỏ đi trong lúc Bà đau nặng và tất cả gia súc, đồ đạc trong nhà cũng biến đâu mất. Tôi vội chạy sang nhà thím Năm cách đó vài trăm thước. Tôi hỏi hỡi hỡi thím Năm đâu vội đưa con lên mười của thím. Nó hỏi «thầy mới về» và nói «má tui đi giặt đồ dưới sông». Tôi vội chạy xuống sông.

THẤY tôi thím Năm liền thu dọn và bưng thau quần áo lên bờ. Không kịp cho tôi hỏi, thím lên tiếng ngay

— Ngụy lắm rồi em ơi! Em có ghé thăm Bà chưa. Bà gần chết ở bên. Thằng Hai nó mê con mẹ trời đánh ở dưới, nó tom góp tất cả đồ đạc, tiền bạc về thị thiềng đồ hội rồi.

Tôi huộc miệng nói ngay:

— Còn chú thím ở đâu mà không can gián anh Hai.

— Can gián chi được. Thằng Hai nó lậm con quỷ cái đó còn hơn lậm ban của. Tao với chú mày can ngăn khuyên bảo thiệt hơn thì nó gây gổ và

chưởi cả chú mày nữa. Chú mày nổi giận đánh cho nó một bạt tai thì nó xách dao rượt ông chạy có cớ. Hiện giờ chú mày vô Suối Sung rước ông Thầy Bốn Tản Cư về lo trị liệu cho Bà. Ngó mời Bà nguy ngập lắm.

Bước vô nhà, chưa kịp phơi quần áo thím vội ra chái sau rót cho tôi một tô nước đậu sắn. Tô nước bốc hơi thơm ngát, màu nâu nhạt đặc sồng sánh. Sắn khát nước, tôi nốc một hơi gần cạn tô nước. Đắng xa tiếng một con gà gáy lên nghe lạc lõng rời rã. Nắng trưa lọt qua kẽ vách ván cây lổ đổ trên bộ phản bóng láng ở căn nhà trước. Trước nhà giàn đậu rồng trái xanh biếc đầy tràn. Một mồi tôi nằm xuống bộ phản một cách uể oải. Bấy giờ tôi không còn muốn nghĩ gì nữa cả. Trong cùng tận tâm hồn tôi cũng vừa khơi dậy một nỗi xao xuyến bởi hồi khó tả. « Thành phố... đi rồi »... giọng nói yếu ớt của bà lại vang lên trong đầu óc tôi một nỗi niềm gì nghe rất lạ. Như nắng trưa lay bay trên giàn đậu rồng. Tôi đang bị giằng xé giữa hai ý tưởng : trở về quê hương là thành phố nơi anh Hai đã đi đến đó hay là cứ ở đây, sống lây lất bằng cách dạy i, t cho mấy đứa bé. Tôi chợt nghĩ rằng mình có nên trách cứ anh Hai hay không. Bởi dù sao, hiện giờ tôi vẫn nhớ thương thành phố đó một cách ray rứt, một cách xót xa. Thề xác tôi nghe như bồng bênh lơ lửng.

Thím Năm ở sau nhà bếp đi ra, thấy tôi nằm duỗi dài trên bộ phản, thím bèn nói.

— Một cứ năm nghĩ đi em. Bà

chưa đến nỗi gì đâu. Tao có sai thằng Lưu qua coi chừng Bà ở bên. Dọn dẹp nhà cửa rồi một lát nữa tao cũng qua thăm Bà thử coi xem sao.

NHƯ nhớ lại câu chuyện tôi chợt hỏi thím Năm :

— Còn heo, gà làm sao anh Hai đem đi, thím ?

Thím Năm móc cục thuốc xía ném ra sắn, nói.

— Ối, nó tìm đâu được chiếc ghe, khuôn chở cả ngày trời. Đề coi rồi nó hỏi hạn bây giờ, không lâu la gì đâu. Con quỷ cái đó là thứ bán trời không mời thiên lôi !

Đề làm vui lòng thím Năm, tôi buột miệng hỏi tiếp :

— Úi cha, con mụ nào mà dữ dằn quá vậy.

— Chú mày nói lại với tao, hồi trai trẻ mấy năm về trước, chú mày cũng có về dưới có gặp con quỷ đó. Nó là dân cờ bạc chuyên môn. Thứ mèo đang chó điểm đó mà. Hồi trai trẻ chú mày cũng quá trời.

Tôi nói ngay :

— Thế thì may cho thím lắm đó.

Thím Hai cười để lộ cả hàm răng đỏ khè.

— Chắc là kỳ này nó cạn túi mới mò lên thằng Hai. Thứ đó mà thằng Hai cũng mê thì tao không biết nói sao.

Tôi muốn nói ngay một câu «Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ. Vô duyên đối diện bất tương phùng» đề

chọc tức thím Năm, nhưng tôi bỗng
sực ra, liền nói :

— Vụ này là do chú Năm chớ ai.
Chú quen con mụ đó nên chỉ đường
chỉ lối, con mụ mới mò lên đây chớ gì.

«Đâu phải ! » thím Năm nói giọng
cải cạo, «Mỗi mùa nước ới năm ngoài
con quỉ đó không biết sao lại đi chung
với mấy người thả bè tre. Bè tre thả
xuống đây bị ngán vào bụi gai, nên
họ phải ở lại mấy ngày trời, chờ nước
dụt. Dịp đó, thằng Hai mới quen với
con quỉ đó chớ. Nó có lò mò đến đây,
ối, cái miệng ngọt xớt như đường
phèn.

Tôi cười hỏi:

— Chắc mấy ngày đó thím chán
chú Năm giữ lắm.

— Thím cười nhẹ và ngó mong ra
bờ sông.

— Thôi, em nằm nghỉ đề tao qua
thăm Bà.

Lúc đó, thằng Lưu, con thím hót
hãi chạy vào nhà, nó nói giọng sợ sệt.

— Bà ngáp ngáp gần chết ở bên.

Tôi ngồi nhòm dây. Con sông
Cà Ty trước mặt đang long lanh
mầu mây trắng ngồn ngang, chông
chất. Tôi bước xuống bộ phận đi ra
ngoài giàn đậu rồng. Thím Năm hỏi
hỏi chạy qua bên nhà Bà. Tôi không
thề nào bước đi được. Tôi đứng lặng
đó trong một cảm giác quẩn quại
khôn cùng. Tôi nghĩ đến mối tình
thắm thiết hơn ruột thịt giữa Chú
Năm và anh Hai ; vậy mà cuối cùng
anh Hai vác dao rượt chú Năm. Tôi
tự hỏi không biết do động lực nào.
Làm người quả thật rất khó. Và sống
ở đời sao cho trọn vẹn với mọi người
lại thật khó hơn. Tôi nghĩ Bà sẽ chết
trong giây phút thôi và vì thế nên tôi
cứ đứng ở đây. Tôi không muốn thấy
khuôn mặt già nua đó một lần nữa.
Bởi tôi đã sợ. Thành phố kia không
xa lắm chỉ phía dưới cùng con sông
này. Con sông nhỏ nhoi này nước
cứ chảy hoài ra biển. Còn hiện giờ,
nỗi buồn kia không biết trôi chảy
về đâu ?

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ ★ LÁ BỐI XUẤT BẢN

**Thư từ, bài vở,
ấn phẩm gửi về:**

HOÀI KHANH

190, Lý thất Tờ — SAIGON

B.T. SG. 026

Bưu phiếu xin đề:

Cô CAO NGỌC THANH



n ẻ o v ế c ủa y

Truyện dài

NHẤT HẠNH

V I

HIỆN tôi đang ngồi ở 115 Brown Hall viết cho Nguyên Hưng. Đại học Princeton hiện giờ vắng vẻ lắm; ngoại trừ năm bảy người, tất cả đều đã về nhà ăn Tết và lễ Giáng sinh. Ngoài trời tuyết đang rơi và Brown Hall ngôi nhà cũ kỹ và thân yêu này của tôi đang chìm trong yên lặng tuyệt đối của một buổi chiều cuối năm.

Tôi về đây hôm kia tức là hôm hai mươi mốt tháng chạp. Suốt một mùa Thu và gần hết nửa mùa Đông tôi không viết tiếp được cho Nguyên Hưng. Thực ra thì tôi cũng không bận rộn gì lắm để đến nỗi không có thì giờ viết cho em. Nhưng tôi không thể viết cho Nguyên Hưng chỉ một vài câu thăm hỏi. Ngồi viết cho Nguyên Hưng, tôi cần phải có một ít không gian và một ít thời gian, như người

sắp sửa đi chơi dã cầu vầy mà. Tôi không muốn những công việc vụn vặt tới làm gián đoạn câu chuyện của chúng ta. Tôi có trước mặt đến ba tuần lễ và cả Princeton rộng lớn sáng sủa. Có lẽ đó là món quà Giáng sinh quý nhất mà đất nước này đã tặng tôi. Nói cho đáng thì trong những ngày vừa qua, tôi cũng có bận bịu thật. Ý nghĩ được rời bỏ tất cả những bận rộn của mình trong ba tuần lễ để về Princeton làm tôi sung sướng quá. Buổi sáng ngày hai mươi mốt sửa soạn hành trang xong, tôi đến thăm một vài người bạn, trong đó có giáo sư Friess, giáo sư Cerbu rồi ghé về anh Bình và chị Bạch Lan để thăm cháu Tâm Tuyền một lát. Lâu nay bận rộn tôi đã không có thì giờ để làm việc ấy. Rồi tôi đến văn phòng của tôi trong phân khoa để xem có thư từ gì không. Ghé trụ sở thì thấy cô

Miriam, thư ký, đang sửa soạn bữa tiệc trà cuối năm cho ban giảng huấn. Cô Miriam nói «ông khoa trưởng dặn mời thầy chiều nay đến». Tôi nói : «chiều nay tôi đi Princeton rồi» Cô nói: «tiếc quá; thế thì bây giờ mời thầy ăn trước một miếng bánh vậy». Rồi cô cắt bánh cho tôi; bánh và rượu đỏ để dành cho bữa tiệc trà buổi chiều. Tôi vừa đi lại trong phòng vừa ăn bánh vừa xuýt xoa vì lạnh. Thực ra trong phòng khá ấm, nhưng vì ở ngoài mới vào cho nên tôi còn run. Miriam nói : «thôi thầy uống tí rượu cho ấm nhé». Tôi nói «tôi chẳng sợ gì rượu, nhưng uống vào vài giọt thì đỏ mặt và cô sẽ không nhìn ra được tôi đâu». Tôi gọi điện thoại nhờ một người bạn đem xe tới đưa tôi ra bến xe bus.

BẾN xe đông thật là đông. Thiên hạ như kiến. Lấy vé xong tôi phải đứng nổi đuôi gần nửa giờ đồng hồ mới lên được xe. Bên trong xe, nhờ có máy phóng nhiệt nên ấm lắm. Thôi giã từ thành phố rộn rịp.

Đây là lần thứ hai tôi được ngồi trên một chiếc xe bus về Princeton. Xe phải đi gần hai giờ trên xa lộ New Jersey. Sông, hồ, suối, tất cả đều đông đặc. Khói sương che lấp những vùng xa. Khi về tới New Brunswick thì tuyết bắt đầu rơi. Mọi người trên xe ai cũng yên lặng. Ai cũng nghĩ đến bếp lửa gia đình đêm Giáng Sinh. Ai cũng nghĩ đến đoàn tụ. Người nào cũng mang theo những gói quà xinh xắn giải đỏ, những gói quà Giáng Sinh cho con, cháu, anh, em, cha, mẹ, bà con. Ngoài xe, tuyết rơi thật nhẹ nhàng, thật êm đềm, không có một tiếng động. Chỉ có tiếng động cơ của xe đều đều, nhỏ nhỏ, trên xa lộ thật êm. Tôi cũng bị ảnh hưởng cái nao nao của những ngày cuối năm ở đây. Nghĩ đến những thúng gạo nếp trắng tinh và đầy ngọn

quê nhà. Những câu đối giấy hồng điều mới dán trước cửa. Những trái dưa hấu tròn và đẹp. Những cảnh đào, những cảnh mai góc chợ, buổi chiều. Những anh xích lô vui vẻ vì luôn luôn có khách. Và những người lính ở biên giới, ở núi rừng, đêm khuya nghe tiếng súng nhớ nhà.

Khi xe đỗ ở Princeton, tôi xuống xe, xách hai tay hai cái xách đi trong mưa tuyết về Brown Hall nơi mà tôi đã ở trọn suốt năm ngoài. Campus buồn và thật đẹp. Tuyết rơi phơi phới. Tuyết rơi trên đầu, trên cổ, trên áo tôi. Mặc đủ thứ áo, đội mũ, quàng khăn, mang găng, thế mà vẫn cứ rét. Campus vắng teo. Tôi đến Brown Hall chẳng thấy ai, ngoại trừ Jack. Tôi đi tìm Saphir, người bạn Ấn Độ dễ thương của tôi, để lấy chìa khóa phòng 115. Và tôi sung sướng cởi áo, soạn những đồ vật tôi mang theo trong hai cái xách và bày biện trong phòng. Tôi mở hết máy phóng nhiệt, làm giường, và ra đứng trước cửa sổ ngắm tuyết rơi trên Campus. Được về Princeton tôi sung sướng quá và cảm thấy tâm hồn thật êm dịu.

CHIỀU hôm qua tôi đi chợ với Saphir trong chiếc Volkswagon nhỏ xíu và cũ kỹ của anh. Phòng ăn của trường đại học đóng cửa ; cả chiếc quán bán hàng cũng vậy. Vì vậy những người ở lại trường phải ra ăn ngoài phố. Tuy vậy cái quán bán hàng gần sát campus center vẫn sẵn sàng để cho những người ở lại nấu ăn. Tôi và Saphir mua gạo, bắp cải, sữa và nhiều thức ăn khác. Buổi chiều chúng tôi nấu cơm và ngồi ăn trong quán.

Trời rét ghê lắm, Nguyên Hưng. Hồi sáng không có tuyết rơi nhưng tôi cũng không dám đi ra dạo chơi ngoài campus. Đài phát thanh WPRT dặn : Sáng nay lạnh 18 dưới

không độ, nếu không có việc gì cần kíp lắm thì không nên đi ra ngoài. Cho nên từ sáng đến giờ tôi cứ ở mãi trong phòng. Buổi trưa Saphir đem đến cho tôi một ít thức ăn khô trộn với sữa. Chiều nay có tuyết, chắc rằng bớt lạnh. Thế nào tôi và Saphir cũng tới campus center để nấu một vài món ăn nóng ăn cho ấm bụng. Campus center cũng gần đây thôi, Nguyên Hưng. Xa Brown Hall chừng ba bốn mươi thước.

Mùa Đông sẽ còn kéo dài mãi đến cuối tháng ba. Tuyết rơi thì đẹp thật nhưng ba bốn ngày sau lại trông rất xấu xí, bởi vì tuyết đã đóng cứng lại và trộn lẫn với đất và bùn ròi. Một miền xơ xác đầy rác rến và vũng bùn như các xóm nghèo ở xứ ta mà sau một đêm tuyết rơi cũng trở thành diễm lệ không cùng. Nhưng mà thôi, quê hương ta tuy không có tuyết nhưng cũng có những cảnh đẹp mà các xứ như xứ này không có được: những thôn quê có từng hàng dừa in bóng trên các dòng sông, những thành phố sáng chói hoa phượng vĩ... Mùa Đông ở đây có khi dài quá thành thử ai cũng trông ngóng cho nó qua đi để cho mùa Xuân trở về. Sau những đêm tuyết rơi nhiều quá, buổi sáng dậy xe cộ không thể lưu thông được. Xe xúc tuyết phải được huy động gấp để dọn đường. Trời rét quá khiến tuyết không tan và phải đóng thành băng: những tai nạn gãy tay gãy chân vì trượt ngã trên những nẻo đường trơn vì băng không phải là hiếm. Đi trên những con đường như thế còn khó chịu và nguy hiểm gấp mấy lần đi ở các con đường đầy vũng nước hoặc lầy lội nữa, Nguyên Hưng. Những bữa nhiều tuyết, tôi phải mang thêm một đôi ủng cao su ra ngoài đôi giày thường nhật nữa. Bởi vì nếu chân mà bị ướt sưng thì thế nào khi về nhà cũng bị cảm mạo. Ở bên này mà ốm thì thật là khổ, không có lấy một người thân

săn sóc. Vậy cho nên tôi phải giữ gìn cẩn thận lắm. Nguyên Hưng.

N G O Ì I màu tuyết tươi sáng, mùa Đông chỉ còn mang có một màu xám buồn tẻ. Những thảm cỏ xanh không còn nữa. Cây cối trơ những cành gầy không lá ra mà chịu đựng. Sức sống của đất trời như bị bóp chẹt lại. Nguyên Hưng, cái hồi cuối thu, khi lá đã rụng hết rồi mà trời quả chưa có gì là lạnh ấy, một hôm ngồi nhìn ra những hàng cây trụi lá bỗng nhiên tôi thấy cảm thương dâng ngập tâm hồn. Tôi thấy như là cây cối cũng ngang hàng với những sinh vật có linh hồn, có hiểu biết, có lo lắng, có chuẩn bị. Lá rụng dần, rụng dần cho đến khi cành hoàn toàn trơ trụi. Mỗi ngày nào đây tàng lá xanh của chúng làm tươi cả một vùng và che lấp những dãy nhà phía sau chúng: bây giờ chúng đứng trơ trụi và khổ hạnh sẵn sàng chờ đợi và chịu đựng một mùa Đông băng giá dài đặc sẽ đến. Những chiếc cành xương xẩu của chúng in rõ trên nền trời xám, nền trời mà trong suốt mùa hạ đã hoàn toàn bị che lấp sau tàng lá xanh. Một mùa Đông băng giá sẽ tới và không thể dung tha những gì non nớt, bé bỏng và phù hoa. Phải vượt qua những giai đoạn non nớt bé bỏng và phù hoa đi để mà chịu đựng. Phải già dặn, phải cô độc, phải sẵn sàng nghiêng rãng mà chịu đựng. Nhìn những hàng cây trụi lá đứng đợi chờ một cách anh dũng và bền bỉ mùa Đông sẽ tới, tôi cảm nhận được tất cả ý nghĩa của bài học về sự chuẩn bị chịu đựng. Nhớ tới hai câu thơ của Lý, tôi lại rùng mình. Đất nước chúng ta thế nào rồi cũng phải trải qua một cơn bão táp tàn khốc. Chế độ (1) đã gây nên quá nhiều bất công và áp bức, đã sử dụng tiền bạc và bạo lực để thực hiện những

(1) chế độ Ngô đình Diệm

tham vọng của mình. Bất mãn và căm thù càng lúc càng tăng và hiện những phần tử vì phần uất gia nhập hàng ngũ Mặt trận giải phóng miền Nam để chống đối đã không phải là ít. Chất liệu bất công, tàn ác và thối nát đã nuôi dưỡng và làm cho lực lượng chống đối càng lúc càng mạnh. Nay thì chính phủ đã ban bố tình trạng khẩn trương rồi. Chín năm trời, Nguyên Hưng ơi, đã chín năm trời rồi mà rốt cuộc chúng ta lại đi vào tình trạng này. Một cơ hội tốt đã mất. Sóng gió sẽ đến bất cứ vào lúc nào. Chúng ta không thể vô tâm vô tư được. Phải bắt chước những hàng cây kia, rụng hết tất cả mọi lá phù hoa đi để mà sửa soạn chịu đựng bão táp, mưa gió, tuyết sương. Chúng ta không thể nào còn bé bỏng và non nớt được nữa. Chúng ta phải già dặn, phải khò hạnh, phải vững chãi để mà vượt qua cơn thử thách sắp đến.

NGUUYÊN HƯNG, trong những tuần lễ theo sau ngày mà tôi học được bài học của những hàng cây trụi lá ấy, ban đêm tôi thường có những ác mộng kỳ lạ. Để tôi kể cho Nguyên Hưng nghe hai giấc mộng trong số những giấc mộng kia, hai giấc mộng mà bây giờ nghĩ đến tôi còn rung mình. Hai giấc mộng mà tôi còn nhớ thật rõ. Giấc mộng sau với giấc mộng trước gần như là cách nhau có một phút, trong cùng một giấc ngủ.

Tối đó tôi bị cảm, và vì đã uống thuốc rồi mà không bớt nên tôi nhờ Steve cạo gió cho tôi bằng Vicks, thứ dầu cù là địa phương. Thực ra Steve chỉ biết xoa thôi, nhưng tôi dạy cho chú ta dùng một cái thìa để cạo gió theo kiểu miền Nam, cho đến khi nào lưng tôi đỏ bầm lên mới thôi. Vì có như thế tôi mới thấy ấm áp thực sự và cảm giác ở n lạnh

sau lưng mới tan biến đi. Steve cho đó là một điều kỳ quặc, bởi vì bên này không ai chữa bệnh mà phải làm cho da thịt bầm tím như thế bao giờ. Tuy vậy Steve vẫn chiều theo ý tôi. Ấm lưng rồi, tôi mới uống thêm một viên Corricidin nữa, với nước nóng, và đắp chăn lại, chai dầu cù là và bình nước vẫn để đầu giường. Đêm đó, trong giấc mộng thứ nhất, tôi thấy người em thơ yêu dấu của tôi, đứng ở gần cửa ra vào của một căn phòng rất rộng rãi, xa tôi đến chừng mười mấy thước. Người em đó là ai, quả thực tôi không biết rõ. Tôi chỉ biết một cách rất mơ hồ rằng đó là người tôi yêu mến nhất, còn thơ dại, còn yếu đuối và cần phải bảo vệ. Bây giờ nếu ngồi nghĩ kỹ lại để xét từng người quen thuộc thì tôi cũng không thể đồng nhất người trong giấc mộng ấy với ai cả. Với Hưng chăng? Châu chăng? Phượng chăng? Tuệ chăng? Toàn chăng? Có lẽ đều không phải. Hoặc có lẽ là hình bóng tổng hợp của tất cả, và nhiều nữa. Trong lúc ấy, một người khổng lồ từ ngoài cửa đi vào, một người dữ dằn cao lớn, như một hung thần, như một con quái vật; với hai bàn tay khổng lồ, kẻ đó sắp túm lấy em tôi, túm lấy để tiêu diệt. Khoảng cách giữa tôi và kẻ đó rộng quá, tôi không thể chạy tới để can thiệp kịp lúc được. Mà tại sao chân tôi như dính cứng vào đất thế này? Trong giây phút nguy nan đó, bản năng tự vệ—tự vệ đây có nghĩa là bảo vệ cho em tôi, khiến tôi liệng ngay vào kẻ hung dữ kia một vật mà tôi có sẵn trong tay, một vật nặng nặng mà tôi không biết là vật gì. Có lẽ lúc đó có cái gì trong tay thì tôi cũng liệng, dù cho cái gì ấy chỉ là một vật thật nhỏ thật nhẹ như cây bút, tờ giấy hay một viên phấn. Tôi liệng cái nặng nặng ấy vào kẻ kia với tất cả sức lực bình sinh của tôi. Nhưng hấn tài quá: hấn đưa tay ra bắt ngay được. Khi hấn bắt

được vật ấy rồi tôi mới biết được rằng đó là một chiếc cửa tay, hình vòng cung, ta thường dùng để cửa những tấm ván nhỏ. Nguy quá, như thế là tôi giúp cho nó một khí giới để tàn hại em tôi ! Trước đau đớn vô biên của tôi, kẻ kia cười sảng sặc và cửa em tôi ra làm hai mảnh như cửa một cây chuối non dại.

TÔI đang khóc thảm thiết thì bỗng thức dậy. Đầu óc tôi nặng trĩu. Nhưng tôi lại thiếp đi ngay và mơ thấy giấc mơ thứ hai, ngay sau đó. Tôi thấy tôi đang ở trong một căn phòng khá rộng có bày biện bàn ghế hân hời chứ không phải là một căn phòng trống trải như trong giấc mơ trước nữa. Tôi thấy một con rùa nhỏ bé bằng đồng, con rùa theo hình dáng những cặp rùa mang trên lưng những chân đèn cắm nến thấy trên các bàn thờ quê nhà. Con rùa ấy tượng trưng cho gì thì tôi không biết rõ, nhưng tôi biết là rất thân thiết rất thiêng liêng đối với tôi. Không hiểu do đâu mà tôi biết được rằng nó đang lâm nguy, đang bị ốm nặng và sẽ phải chết. Mà cái chết của nó có liên hệ mật thiết đến cả hiện hữu tôi. Lo cho con rùa tôi mới đi lấy dầu cù là xoa vào lưng nó và đánh gió cho nó (Nguyên Hưng đừng cười). Tôi làm công việc ấy với tất cả thận trọng, sốt sắng trang nghiêm và tin tưởng. Nhưng bỗng nhiên con rùa kêu khóc. Kêu khóc bằng cách nào tôi không biết. Tôi chỉ biết là bệnh tình nó trở nên trầm trọng do một sự vụng về nào đó của tôi. Tôi xem xét lại thì thấy có một đường nứt trên lưng con rùa. Tôi hoảng hốt nghĩ rằng có lẽ dầu cù là thấm vào đường nứt ấy đã gây tác động nguy hại cho lục phủ ngũ tạng của rùa. Và con rùa sắp chết. Tôi hoảng hốt thêm định lấy một cây tăm khươi bới chất dầu cù là ở trong kẽ nứt trên lưng rùa ra, nhưng chậm mất rồi. Có một thứ âm

thanh kỳ bí nào nói thẳng tới tâm hồn tôi, cho tôi biết con rùa đang dần chết. Lúc đó trong trạng thái tuyệt vọng và hối hận vô song tự nhiên tôi quỳ xuống rưng rưng cầu nguyện. Cầu nguyện ai tôi không biết. Tôi chỉ biết là chỉ trong thoáng chốc ấy tôi mới thấy thích hợp với tâm trạng tuyệt vọng và hối hận đang ngự trị trong tôi. Nhưng con rùa đã quần quai dần chết. Nó uốn éo như một chiếc bong bóng cao su bị dãn ép không biết vỡ khi nào. Rồi bỗng nhiên nó vỡ tung và các tia nước từ nó bắn ra tứ tung, một tia nước bắn thẳng về phía tôi. Tôi nhảy lùi một bước tránh tia nước đó. Tia nước rơi xuống một nơi trước mặt tôi và biến thành một vật gì nhỏ bằng một cái khay, xoay tít như chong chóng. Đến khi vật ấy hết quay, tôi nhìn rõ thì ra là một bông hoa bốn cánh trắng như hoa lan. Rồi bỗng nhiên tôi thấy tôi đứng ở ngoài đường và một số người bị ốm liệng vào phía sau một chiếc xe cam nhông to lớn. Những người này bị liệng lên xe một cách tàn nhẫn quá khiến cho có rất nhiều người trong đó bị gãy đôi, gãy đôi một cách dễ dàng như những con người làm bằng chất sành chất sứ.

Thế rồi những chiếc xe cam nhông rồ máy chạy vút đi như bay để lại cho tôi một khoảng không gian rộng lớn đầy những bụi mù đỏ chạch. Lúc đó tôi thức dậy. Tim tôi đập thình thịch. Đau khổ trong giấc mơ còn làm cho tôi tê dại cả người. Tôi đưa tay lên vỗ nhẹ trên trán và cố gắng mỉm cười. Nụ cười đến trên môi tôi thực, như tôi đã ước muốn. Nhưng gian phòng im lặng của tôi vẫn còn phảng phất không khí rùng rợn của giấc mơ. Mồ hôi ướt đầm cả trán, cả gối, cả áo. Tôi làm một ít cử động, cố sức ngồi dậy, lấy khăn lau sạch mồ hôi và đi thay áo. Tôi không dám ngủ nữa. Tôi thắp một cây nến, bởi vì ánh điện sẽ sáng quá và sẽ làm tôi mệt, và

ngồi làm massage cho máu trong người chảy đều. Tôi ôn lại những chi tiết của hai giấc mơ (hay là một giấc mơ ?) và cố tìm cách giải thích. Nhưng tôi không giải thích được.

BA N đầu thì tôi nghĩ có lẽ tất cả đều phát sinh do những e ngại về hiệu lực của những suy tư của tôi, có thể đã không giúp gì cho việc đóng góp vào tình thể hiện thời của chúng ta mà còn có thể vì những vụng dại của chúng mà làm cho tình thể ấy càng thêm bế tắc. Nhưng sau nghĩ kỹ lại thì tôi thấy không phải như thế. Chính mấy hôm sau đó tôi đem những giấc mơ kể lại cho một số những người quen. Gordon đã hùng biện giải thích bằng nhiều cách, nhưng chẳng có cách giải thích nào phù hợp với thực trạng tâm linh của tôi cả. Có thể đó là phát biểu của những lo ngại tập thể, hoặc cũng có thể chỉ là những hình ảnh chấp nối đầu Ngô mình Sở trong một tình trạng thân thể còn bị đau ốm đang chịu tác động của thuốc men, chẳng có nghĩa lý gì cả.

Dù sao, Nguyên Hưng ơi, tôi vẫn thấy mang máng rằng những giấc mộng kia có liên hệ xa gần với những câu thơ của Lý. Nếu phong ba bão táp đến, thì tôi ước muốn được có mặt để cùng được chịu đựng với tất cả mọi người. Đừng đề đến khi tôi về, thì chỉ còn « một khung trời đồ nát » trong đó tôi chỉ tìm được hình bóng của những người thân yêu ở « trong tận đáy lòng » của tôi.

Nguyên Hưng ơi, hồi tôi rời Medford và những khu rừng hiền lành, những chiếc hồ rộng lớn của nó thì tôi chỉ kịp ghé Princeton có hai ngày trước khi tôi về Nữ Uớc lại... Cái thành phố có những chiếc nhà chọc trời ấy không thích

hợp với tôi chút nào. Ở đấy thì chỉ có một cái lợi là được gần gũi những sinh hoạt văn hóa. Luôn luôn có diễn thuyết hay, có triển lãm giá trị. Luôn luôn có những buổi đại hòa tấu. Nữ Uớc có bao nhiêu thư viện, bảo tàng viện và bác cổ viện lớn. Kỷ niệm ngày đầu tiên tới Nữ Uớc vừa buồn cười vừa bức bối. Ngày ấy Gordon đưa tôi từ Princeton tới Nữ Uớc bằng chiếc xe rộng rãi của anh. Sau khi nhận phòng và đem đồ đạc lên rồi, tôi mới cùng Gordon đi phố để mua ít vật dụng cần thiết. Tôi nhớ là khi chúng tôi đang đi trên hè phố Amsterdam, thì có một người vào khoảng bốn mươi, ăn mặc chỉnh tề chạy lại gần chúng tôi. Người ấy nói giọng bô bô có vẻ như là đã quen thân với nhau trong xóm làng lâu rồi. Ông ta reo lên : « A ! mặc cái áo gì ngộ quá vậy ? Có phải cái áo thầy tu đạo Phật không ». Nguyên Hưng cũng biết là khi đi ra ngoài phố tôi thường mặc áo nâu chứ ít khi mặc áo xám. Gordon trả lời thay tôi : « Phải đấy thưa ông ». Chúng tôi dừng lại bên hè đường nói chuyện. Vẫn bô bô ông ta hỏi tôi từ xứ nào đến. Khi nghe tôi nói từ Việt Nam, ông ta có vẻ ngờ ngẩn không biết Việt Nam là xứ nào, nằm ở góc nào trong bản đồ thế giới. Thế rồi ông ta hỏi. « Thế thì đạo Phật có tin đức chúa Jésum không ? » Câu hỏi hướng về tôi. Tôi trả lời « Có chứ ». Ông ta ngạc nhiên hỏi tại vì sao. Tôi có cảm giác khó chịu, bởi vì đứng ở ngoài đường thập-mục sở-thị không tiện đàm luận đến những vấn đề như thế. Gordon đỡ lời : « Thực đấy mà, thầy ấy nói thực đấy mà ». Ông ta phân bua với tôi : « Ở đây thiên hạ bày ra điều này, điều nọ, và cho đó là lời của chúa Kí Tô. Họ bán Trời bán Phật mà ăn đấy, các ông ạ. » Rồi ông ta còn thao thao bất tuyệt về vấn đề ông ta vừa nêu ra. Đề cắt đứt, tôi mới hỏi : « Thế ông theo đạo nào, thưa

ông ? » Ông ta nghiêm trang rút ví da ra và nói : «Tôi theo đạo này». Rồi ông loay hoay mở ví, có lẽ đưa cho chúng tôi xem một chứng minh thư hay một thẻ tín đồ của một giáo phái nào đó. Kỳ thực, ông ta chỉ rút ra một xấp giấy bạc đô la, và lập lại «Tôi theo đạo này». Thì ra ông theo đạo tiền. Gordon cười ha hả. Tôi cũng cười đến chảy nước mắt. Tôi chào người bạn ngộ nghĩnh vừa gặp và kéo Gordon đi theo. Tôi nói «Tuy vậy nhưng cũng khá khen ông ta là người chân thật, dám nói những điều mình nghĩ.»

Không biết Gordon nghĩ gì khi tôi cho anh biết rằng người kia là người dân Nữ ước đầu tiên mà tôi gặp và nói chuyện. Chúng tôi ghé vào một tiệm hấp nhuộm y phục, bởi vì tôi muốn thuê nhuộm lại mấy cái áo tràng nâu của tôi bây giờ đã bạc màu rồi. Tiền nhuộm đắt quá khiến tôi ngần ngại. Một lát sau ông chủ tiệm nói với tôi : «Mà ông nhuộm làm gì đã chứ. Tôi biết là trong vòng vài ba tuần lễ, ông sẽ liệng những cái áo rắc rối ấy để mặc đồ tây cho mà xem. Những người ngoại quốc đến đây mới đầu thì mang quốc phục họ, nhưng sau đều mặc đồ tây cả ». Tôi cũng không buồn cho ông ta biết là áo tôi đang mặc không phải là quốc phục nào cả, và tôi cũng không phải là một người chân ướt chân ráo tới cái xứ này. Chúng tôi nói lời cảm ơn và bỏ đi.

Buổi chiều hôm ấy tôi rủ Gordon về tiệm ăn Việt Nam ở đường Amsterdam, tiệm ăn duy nhất bán thức ăn Việt Nam ở đây. Hồi ở Princeton, đọc báo tôi có thấy quảng cáo về tiệm ăn này và đã cẩn thận ghi địa chỉ lại trong sổ tay. Chúng tôi đi bộ ngược lên đường 121 mới tìm ra được tiệm. Khi chúng tôi vào thì tiệm vắng người. Có hai

người sinh viên Việt hầu bàn, một nam một nữ, đang ngồi nói chuyện thấy chúng tôi vào liền chạy ra mời. Chúng tôi tìm một góc đề ngồi. Có lẽ cả hai đều đã phải xa nhà từ hồi còn bé nên không nhận được ra tôi, người đồng hương trong chiếc áo nâu. Người con gái nói tiếng Anh thật hay hỏi tôi có phải là người Miến Điện không. Tôi cười gật đầu. Gordon cũng cười. Chúng tôi gọi vài thức ăn chay, rồi hỏi chuyện hai người về lai lịch cái tiệm ăn này. Mãi đến khi từ giã tôi mới cho hai người biết rằng tôi là người Việt. Cả hai đều mừng rỡ vì họ cũng thuộc về một Gia đình Phật tử. Sau này tôi biết chính chị Bạch Lan điều khiển quán ăn. Chị nói chị cũng bận dạy học trong trường nên không có nhiều thì giờ chăm sóc quán. Cái quán ăn, chị nói, có giá trị tương đương với cơ sở văn hóa của một tòa đại sứ. Người đến ăn phần lớn là những người trí thức. Những món ăn, những bức họa, những đĩa nhạc và nhất là những câu chuyện cùng những người hầu bàn đã giúp cho khách hiểu biết và yêu mến Việt Nam. Mà cái quán ăn ấy cũng oai thật đấy, Nguyễn Hưng. Người hầu bàn nào cũng nói được ít nhất tiếng Anh và tiếng Pháp rất thông thạo, và có thể nói từ những câu chuyện ăn uống đến những câu chuyện thời sự, chính trị, văn minh, rất đúng đắn. Cậu sinh viên tôi gặp hôm ấy nói tiếng Đức rất giỏi.

ĐÓ là những gì tôi không quên về ngày đầu tiên tôi đến với thành phố nhộn nhịp kia. Mùa thu năm nay khi trở về, tôi đã quen thuộc với khung cảnh hơn, dù vẫn thấy rằng những ngày ở rừng Medford quá ngắn. Từ đầu mùa thu tôi được nhận làm việc tại trường Đại học Columbia. Tôi dạy mỗi tuần sáu giờ, ngoài ra còn có một số giờ phải

ngồi văn phòng để tiếp sinh viên và giúp đỡ cho họ về việc sưu tầm tài liệu. Lương tôi được ba trăm năm chục đồng ; như thế tương đối khá giàu. Trong những người sinh viên của tôi có một cặp bạn rất thân, đó là David và Steve. Steve thích tôi lắm và đã đề nghị thuê chung một cái nhà với tôi. Tôi bằng lòng ngay. David thường đến chơi và ở lại ăn cơm với chúng tôi. Chúng tôi có những buổi tối thân mật, có lẽ êm ả hơn cả những buổi tối gia đình.

Cái chú Steve ấy, đề tôi nói cho Nguyên Hưng nghe, đã ăn chay trường với tôi trong suốt mùa thu qua và cả nửa mùa Đông này nữa. Tôi hỏi ăn chay có yếu đi không, chú ta bảo là không. « Trái lại còn thấy khoẻ mạnh thêm ». Từ ngày có Steve, chúng tôi tự nấu ăn lấy mỗi ngày và ngày nào cũng được hai lần ăn cơm, bằng đĩa. Steve cầm đĩa khá vững vì đã được ở lại Nhật Bản mấy tháng mùa hè năm ngoái.

Chỉ sau mấy ngày gặp Steve, tôi mến chú ta liền, cũng thân thiết như với Hưng và Tuệ vậy. Steve cao bằng tôi, tóc hơi vàng và rất mềm. Cầm anh ta hơi nhón. Mắt màu nâu. Rất giàu tình cảm và có tính cách nghệ sĩ. Steve rất ham triết học đông phương ; từ mùa thu chú ta đã ghi tên học những lớp đông phương học, kể cả một lớp Hoa ngữ. Cứ nhìn thấy cậu ta ngồi tập viết chữ nhỏ cũng đã thấy thương. Không có sự vui buồn nào trong đời mà Steve lại không về kể lại với tôi. Tôi hay có những nhận xét về các suy tư của Steve và anh chàng thường ngồi chăm chú đề mà nghe ; đôi khi nhủ lòng mảy mề làm nhăn một tí cái trán thông minh của nó. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng có hơi giận nhau, nguyên do là vì

Steve vẫn còn quen cái thói tiếp nhận theo đầu óc Tây Phương, và tôi, tôi cứ nghĩ rằng tôi không diễn tả bằng cách nào hơn là bằng cái cách đông phương của tôi. Thôi phải, chắc Steve nhiễm cái đường lối của giáo sư Cerbu « go East but stay West » rồi. stay West thì làm chi mà có thể thực sự go East được, hả nguyên Hưng.

CÁI apartment chúng tôi thuê với giá 150 đồng bạc mỗi tháng có một phòng ngủ, một phòng sống, (có lẽ cái phòng ngủ là cái phòng chết !), một phòng tắm, một cái bếp và một cái hành lang. Đó là địa chỉ của tôi bây giờ : 306 West 109th Street. Chúng tôi ở từng thứ năm, có hai cửa sổ lớn nhìn ra đường. Phải nhìn nghiêng mới thấy được một mảnh trời, về phía Morning Side. Những bàn ghế giường nệm chén bát soang chảo đều do Steve chở về, nên khi thuê nhà tôi chẳng phải lo lắng gì cả. Steve là con một của ông khoa trưởng một trường kỹ thuật nổi tiếng ở Massachusetts, dòng dõi thông minh nhưng không thích khoa học, kỹ thuật. Mẹ của Steve có đến thăm một lần cách đây chừng nửa tháng và mang cho chúng tôi vô số thức ăn ngon.

Người ta phân chia công việc như thế này : tôi thì lãnh phần nấu ăn và rửa bát, còn Steve thì đi chợ và dọn dẹp lau chùi nhà cửa. Steve phải đi học nhiều nên tôi phải ra tay làm nội trợ. Mỗi ngày tôi chỉ cần có mặt ở trường vài giờ đồng hồ, những giờ dạy và những giờ ngồi văn phòng — Từ khi thuê được nhà, tôi thường hay ở nhà làm việc, thiếu tài liệu gì thì nhờ Steve mượn ở thư viện giúp. Tôi có cái thẻ có thể mượn một lần hàng mấy chục

cuốn sách, và mượn như thế trong nửa tháng. Ngồi ở nhà ấm áp một mình, tôi làm được nhiều việc hơn. Nấu ăn cho Steve cũng là một sự thích thú. Có thể là món gì do tôi nấu ra Steve cũng khen ngon cả — tôi nghĩ Steve có thể ăn chay suốt đời mà không biết chán và tôi cũng có thể nấu cho Steve ăn hoài mà không sợ tốn công.

Cổ nhiên là cậu ta không biết đi chợ — tôi phải dẫn Steve đến một tiệm bán thực phẩm đông phương ở gần đây và chỉ cho cậu « đi chợ » trong những lần đầu. Chúng tôi mua nấm hương, tàu yều, đậu phụ, củ cải, khổ qua, dưa cải v.v.. Rau đậu tươi thì Steve có thể tự đi mua ở bất cứ một nhà bán thực phẩm nào khác dọc đại lộ Broadway. Chúng tôi tìm được chỗ mua gạo thật ngon và mua từng chục ký chứ không mua từng hộp nhỏ như những gia đình khác. Thường thường những hôm đi học về sớm, Steve ghé chợ và mua hai giò thức ăn về chất đầy chiếc tủ lạnh lớn đặt trong nhà bếp. Cái nhà bếp của chúng tôi thật sạch sẽ và trang nhã. Steve lau chùi nhà bếp và nhà tắm gần như mỗi ngày. Bếp nấu gaz cho nên rất tiện lợi. Sáng nào tôi cũng dậy sớm và sửa soạn điếm tâm cho hai người. Thường thường, Steve thức khuya và chỉ dậy đủ sớm để ăn điếm tâm rồi đi học ngay. Có bữa tôi cũng đến trường cùng Steve một lần nhưng chỉ độ mười một giờ là tôi đã trở về. Tôi làm việc một lát rồi đi thổi cơm và làm thức ăn. Mười hai giờ mười lăm thì Steve về, lần nào cũng đói mềm, và chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Thức ăn bao giờ tôi cũng làm chung cho cả bữa chiều. Tôi giữ phần chiều trong tủ lạnh ; đến tối tôi chỉ cần thổi cơm và hâm lại thức ăn cho nóng thôi.

BUỔI chiều tôi thường không đi ra ngoài. Tôi viết lách, đọc, soạn bài, trả lời thư từ. Có việc cần tôi mới đi vào trường hoặc vào thư viện. Thịnh thoảng David cùng về với Steve, và chúng tôi ăn cơm với nhau trong phòng khách một cách im lặng, trang nghiêm. Sau những bữa cơm như thế, tôi đề cho Steve nói chuyện với David và đi rửa chén bát. Tôi rất ưa công việc này vì tôi thấy trong khi đứng rửa chén bát tâm hồn tôi luôn luôn an tĩnh, vui vui. Có khi tôi vừa nghịch với những chiếc bóng xà phòng vừa hát nho nhỏ những bài hát học được hồi còn bé thơ. Nước vừa ấm thật dễ chịu. Tôi lau chùi cái bếp gaz rất sạch sẽ, soạn lại đồ đạc, đi tắm ngâm mình trong nước nóng, thay áo và ra ngồi góp chuyện với hai người trẻ tuổi. Những buổi tối như thế thật êm đềm. Steve biết tính tôi, đi tắt điện, thắp lên vài ngọn đèn nền cho mát mắt và đề cho chúng tôi nghe một ít những bản nhạc tâm linh ưa thích. Những lúc đó chúng tôi thường không nói chuyện nữa, chỉ ngồi yên và theo đuổi những dòng suy tư của mình.

David thường ở với Steve rất khuya; thường thường khi nào tôi bảo về thì mới về. Có lúc hai người bạn đi với nhau suốt ngày và tôi ở nhà một mình, nấu cơm một mình, ngồi vào bàn ăn một mình.

Nguyên Hưng, tôi biết Steve thương tôi thực sự. Steve nghe tôi nói về tình trạng đất nước chúng ta với tất cả sự chăm chú và xót xa. Tự nhiên Steve muốn cùng về Việt Nam, và nếu có thể được, cùng nuôi ước mộng tìm lại Phương Bối. Tôi đã nói cho Steve nghe về tình yêu của chúng ta đối với Phương Bối. Tôi đã nói đến Phương Bối như một chút lửa hồng không bao giờ tắt trong tâm hồn mỗi người chúng

ta. Tôi đã nói đến Phương Bối như chất liệu tâm linh cần thiết cho mọi ước ao, mọi xây dựng. Có thể là tôi đã quan trọng hóa cái Phương Bối quá, nhưng mà tại sao mắt Steve lại sáng như thế mỗi lần nó nghe tôi nói đến Phương Bối ? Steve quyết sẽ học tiếng Việt và tôi cũng đã bắt đầu dạy cho Steve những câu đàm thoại đầu tiên. Steve rất ham học ngoại ngữ. Nói tiếng Pháp còn chập chững mà đòi làm thơ. Rồi trong những lúc đi chợ mua thức ăn, cứ nần nã ở lại đề tập nói tiếng Tàu với cái cô bán hàng người Trung Hoa. Steve đã bập bẹ nói được tiếng quan thoại rồi đấy. Steve bảo nhất định phải học nói cho được tiếng Việt bởi vì anh chàng rất thích dự tính của tôi về làm một cái làng thật dễ thương ở miền quê, trong đó một số anh em sống thật thân ái với nhau và thật hữu ích cho mọi người.

STEVE dành làm tất cả những công việc khó nhọc. Biết tôi rất có thể bị cảm khi ra ngoài lạnh nên Steve dành đi những công việc mà Steve có thể làm thay tôi được. Tội nghiệp, những hôm tôi bị cảm, Steve phải « cạo gió », và vì hai bàn tay của

Steve khá mạnh, chẳng mấy chốc mà tôi đã thấy ấm áp. Nếu tôi không bớt thì Steve lại gọi điện thoại cho bác sĩ Cushman.

Steve không được sung sướng mấy khi nghĩ đến gia đình. Hè năm ngoái trong khi ở Nhật Bản, anh chàng có làm quen được với một thiếu nữ Nhật và hai người đã trao đổi thư từ thân mật từ đầu mùa Thu đến nay. Người bạn gái Phù tang tên là Hạnh Trí Tử, hẹn sẽ sang thăm trong mùa xuân tới và Steve cứ nhắc hoài đến dịp ấy. Nếu không bị gia đình gọi thì Steve đã có thể theo tôi về Princeton trong dịp lễ giáng sinh này rồi. Nó đã về Boston bằng máy bay hai hôm trước khi tôi rời New York. Căn nhà chúng tôi hiện giờ ở đường 109 có lẽ đang lạnh lẽo, không đèn, không đước, không hơi ấm. Còn tôi, tôi đang ngồi đây, giữa lòng Princeton quen thuộc. Trời đã chạng vạng rồi. Ngoài kia, tuyết vẫn rơi. Tôi sẽ đi tìm Saphir — chúng tôi sẽ đi làm một thức ăn gì để ăn cho thật nóng, và sau đó, về campus center ngồi nói chuyện và nghe bản phóng sự bảy giờ rưỡi tối nơi chiếc máy truyền hình đặt ở góc phòng.

(Còn nữa)

Xin bạn đọc chữa hộ

Vì sơ sót nên trong bài « NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI » của Nhất Hạnh nơi trang 52, 53 và 56 có những lỗi sau đây, xin bạn đọc vui lòng chữa lại hộ :

Trang 52, cột trái, dòng 3, « và những gì ghê sợ nhất » xin chữa lại là « và những gì em ghê sợ nhất », dòng 28, « Con người vì tiền dụng » xin chữa lại là « Con người vì tiện dụng » :

Trang 53, cột trái, dòng 6, « Nhờ biến cố ». Xin chữa lại là « Những biến cố » ; cột phải, dòng 29 « càng thêm rõ rệt, càng cấp bách » xin chữa lại là « càng thêm rõ rệt, thêm cấp bách ».

Trang 56, cột trái, dòng 13 « sách sách mình » xin chữa lại là « sách của mình ». Xin cảm tạ các bạn.

Giới thiệu sách báo mới

Tòa soạn « Giữ Thơm Quê Mẹ » vừa nhận được các tác phẩm sau đây do tác giả và nhà xuất bản gửi tặng :

— *CHỨNG NHÂN* của miền trung tranh đấu của NGUYỄN ĐẮC XUÂN, tập-chỉ nhận thức xuất bản, sách dày 158 trang giá 25đ:



— *GIÓ MÙA* tiểu thuyết của NGÔ THẾ VINH, Sông Mã xuất bản, bìa Nghiêu Đề, và 4 phụ bản màu của Lâm Triết và Nghiêu Đề. Sách dày 169 trang giá 60đ



— *LƯỢC SỬ VĂN NGHỆ V.N.* Tổng luận 60 năm văn nghệ V.N phê bình của THẾ PHONG, Đại nam văn hiến xuất bản, sách dày 100 trang giá 45đ.



— *TRĂNG CHIM HOA VÀ NÀNG* thơ của ĐỘNG ĐÌNH HỒ. Lửa xuất bản với 3 phụ bản của Kohya Handa, Takashi Sakai và John Resmini, Trần Tuấn Kiệt và Nghiêu Đề trình bày. Sách dày 64 trang, giá 50đ.



— *SINH VIÊN HUẾ* tuần báo, cơ quan ngôn luận của Tổng hội sinh viên Huế. Chủ nhiệm : Trần Xuân Kiêm, Chủ bút : Hà Nguyên Thạch, Tổng thư ký : Hoàng Phủ Ngọc Tường. Khổ lớn giá 5đ mỗi số.



— *HƯƠNG VƯƠNG* thơ của THANH SON do Phạm thị Hoàng Thanh xuất bản. Sách dày 147 trang giá 42đ



— *ĐÊM DÀI MUÔN THUỞ*, truyện dài đầu tay của HOÀNG TRÚC LY, Miền-Nam xuất bản, Sách dày 322 trang, in đẹp, giá 60đ

Trân trọng cảm tạ các tác giả và nhà xuất bản, và xin ân cần giới thiệu với bạn đọc G.T.Q.M.

Hộp thư tòa soạn

Tòa soạn Giữ Thơm Quê Mẹ vừa nhận được các tác phẩm sau đây của các Bạn :

- Vỡ thơ của L.T.
- Về đầu thơ của N.T.M.
- Áo ảnh về Kim và «Mối sầu» thơ của L.S.Đ. Tòa soạn vừa gửi thư riêng theo lời bạn yêu cầu.
- Trái đồi và những quả nhãn thơ của T.V.
- Bôn ba dặm về và Niềm đau thơ của H.Đ.T.
- « Anh còn nhớ không anh ? » thơ H.T.T.H.
- Thế hệ này đây, «Buồn không gian nhỏ» và «Thư cho mẹ» thơ H.M.
- Cho quê hương tôi, hồi cuối 1,2 và Chuyện ngàn sau thơ H.T.T.
- Cuộc đời và Giấc mơ... thơ M.T. (Huế).
- Nỗi buồn nước mắt, thơ H.P.N (KBC 6076).
- Nhận diện và Hẹn về thơ C.T. (Đà Nẵng).
- Cát lở tuổi sầu, Tâm sự cùng bằng hữu và Mối hy vọng đời chàng thơ H.L. (Đà Nẵng).
- Điều tàn hôm nay, Thu và Quê thơ N.L. (Nha Trang).
- Thiên đường lỡ và Một lãng quên thơ T.N.H.M. (Qui Nhơn).
- Những cảm nghĩ trong mùa đông, Nguyễn và Thu Hà thơ Đ.T.G.H. (Hốc Môn).
- Đơn ca, Bài ca tự do, Hi vọng cuối cùng và Em thơ A.D. (Đà Lạt).
- Đường xe buýt chạy, Truyện của B.T.H. (Saigon).
- Những người tuổi trẻ hôm nay thơ P.D. (Huế).

— Trông và Cái chết trước hôm nay thơ và tùy bút của T.H. (Quảng Ngãi).

- Con sông Thu Bồn, Năm ngón tay xòe và Nước mắt mẹ buồn thơ Đ.M.H. (Đà Nẵng).
- Lời kêu gọi Lời hoa và Xác thịt thơ Đ.D. (Đà Lạt).
- Cuộc sống hôm nay, Hình dáng hôm nay, Thảm cảnh hôm nay và Nạn nhân hôm nay thơ V.T. (Đà Nẵng).
- Huế của tôi và Bàn tay của gió thơ P.Đ.T. (Huế).
- Đặng Soãi (Hội An) Cuốn Ý thức mới... của Phạm Công Thiện hiện đã có bán tại Đà Nẵng. Bạn nên mua ngoài đó tiện hơn là gửi bưu phiếu vào đây phiên phức cho bạn.
- Trông chồng thơ H.P.V. (Kon-tum).
- Tình đời thơ D.H.D.
- Bài tình 1965 và Về dưới căn phần thơ M.T.B. (Huế).
- Hòa thân, Niềm thương xứ Huế và Chim đêm thơ Đ.T.C. (Huế).
- Những chặng buồn lục bát thơ T.S.L.
- Tuổi trẻ bình yên, Khu rừng và biển cả và Những bài thơ buồn cho em thơ P.C.T. (Saigon).
- Lời ca tin yêu thơ T.H.L. (Huế).
- Ta còn khóc và làm thơ mãi kiếp, Tôi nguyện làm con chim nhỏ bé và Mưa thơ P.D. (Huế).
- Tuổi con đầy bóng mẹ. Trở về đã thú, Cảnh và Tôi tiễn đưa tôi thơ T.D.L. (Huế).
- Tháng 10 mù sương và Liên ca thơ N.T.N. (Phan Thiết).
- Ru cháu và Những đóa hoa hồng thơ T.L.H.V. (Phan Thiết).

— Dư âm và Suy tư thơ N.K.Đ. (Huế).

— Bài thứ nhất hát đi em và Huyền Sử cảm thơ T.H.S.T. (Saigon).

— Cuối tình và Từ đó còn thơ D.Đ.M. (Saigon).

— Xương ngòn và Đời mẹ vẫn còn thơ D.L. (Bảo Lộc).

— Tin tưởng và Đêm thơ N.V. (Huế).

— Vườn hoang, Gục ngã, Gái phú bông và Ngoại thơ N.H.Y. (Saigon).

— Chim và người thơ NVP (Huế).

— Tiếc thương và Đêm trang thơ M.V.X. (Cần-thơ).

— Cầu nguyện hòa bình thơ VĐT. (Saigon).

— Bếp lửa mai, truyện ngắn của N.L.

— Điệu ca đêm, Điệu ca ngày và Lời vọng cuối cùng thơ P.T.T. (Saigon)

— Trong vùng nước mắt, Mảnh hồn, Nước mắt người anh và Bài thơ 20 thơ H.L.T. (Qui-nhơn).

— Thu buồn, Với tiếng khóc và Màu chiều thơ N.T. (KBC 3.199).

— Ngựa và anh thơ NTH. (Saigon).

— Miền quê hương của mẹ thơ H.D.H. (Tuy Hòa).

— Khúc hát của người 22 tuổi và Từ biên cương thơ CTNM (Phan-rang)

— Vào hư không và Buồn đen thơ L.G.T.H. (Tam Kỳ).

— Tuổi học trò, Trong lòng bàn tay

và Cuộc sống thứ hai của chàng thơ N.H.Q. (Saigon).

— Lối buồn thơ THT. (Bình định).

— Thức thơ L.T. (KBC 4152).

— Giữ thơm, Ra đi và Nhị thơ K.Đ. (KBC 6061).

— Nói với tuổi bốn mươi (đoạn văn) và Đoạn ca cuối cùng thơ N.B.N. (Saigon).

— Ánh đèn đô thị thơ T.L.T. (Quy Nhơn). Về việc đề tên tắt là chủ trương của tờ báo chứ không phải do người coi sóc vô tình. Làm thế, chúng tôi có chủ ý tránh cho bạn đọc sự nấn lòng khi loan tin mình nhiều lần trên báo mà bài không thấy đăng. Vậy mà còn nhiều bạn đọc khi gửi bài đến chúng tôi thường căn dặn không nên loan tin rõ ràng trên mục hộp thư. Tuy vậy, để tránh sự trùng hợp tên như ý kiến của bạn, từ số này tòa soạn cho đăng tên các bài thơ trước tên tắt của tác giả. Như vậy khi thấy tên bài thơ tắt tác giả của nó sẽ biết ngay. Mong bạn thông cảm.

Tòa soạn *Giữ Thơm Quê Mẹ* trân trọng cảm tạ các Bạn và xin các Bạn vui lòng đừng gửi các tác phẩm kể trên (trong thời hạn ba tháng) đến các báo khác, để tránh việc đăng trùng phiên phức. Một lần nữa, Kính chúc các Bạn vui, mạnh và sáng tác thật phong phú, dồi dào. (H.K.)

giữ thơm quê mẹ

NGUYỆT SAN PHÁT HUY VĂN NGHỆ DÂN TỘC

càng ngày càng khởi sắc

số 6 phát hành 1-12-1965

Hằng ngày đón đọc

nhật báo

đất tổ

cơ quan thông tin và nghị luận
của Phật giáo

Mỗi ngày đọc

NHẬT
BÁO

DÂN TIẾN

***tin tức đầy đủ, bình luận xác
thực, trang trọng phong phú***

Xổ Số Kiến Thiết Quốc Gia
giúp đồng bào ta làm nên cửa nhà
3 LÔ ĐỘC ĐẮC :

1.000.000 đồng

Xổ ngày Thứ Ba hàng tuần

Mỗi vé 10đ.00



KEM
LIP
TRẮNG

CRÈME
DENTIFRICE

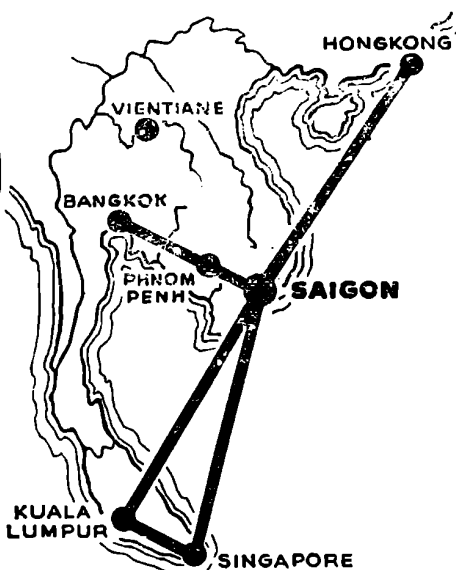
- Dùng toàn DICALCIUM PHOSPHATE không pha trộn chất khác, làm trắng răng phi-thường mà không hại men răng.
- Bọt nhiều, đánh sạch răng mau chóng, tẩy sạch bợn dơ ở kẽ răng.
- Hương vị ngon như một thực phẩm, làm miệng thơm, hơi thở nhẹ nhàng.

KEM LIP PHÙNG SỰ SỨC KHỎE CỦA ĐỒNG
BÀO VỚI PHƯƠNG CHÂM TỐT VÀ RẺ //

V
I
E
T
N
A
M
H
A
N
G
K
H
O
N
G

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

TRONG ĐÔNG-NAM Á



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠI**

bằng *Caravelle*
PHÂN-LỤC CƠ TRẮNG LÊ NHÚT THỂ-GIỚI
của
ĐƯỜNG BAY

Hasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG : 800 CÂY SỐNG NGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI-MÁT-MỀ _ ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN _ ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

*Ngoài ra, trên tàu Quý-vị sẽ thưởng
thức những món ăn đặc-biệt do các nữ
tiếp-viên xinh-lịch niềm-nà tiếp đãi*

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

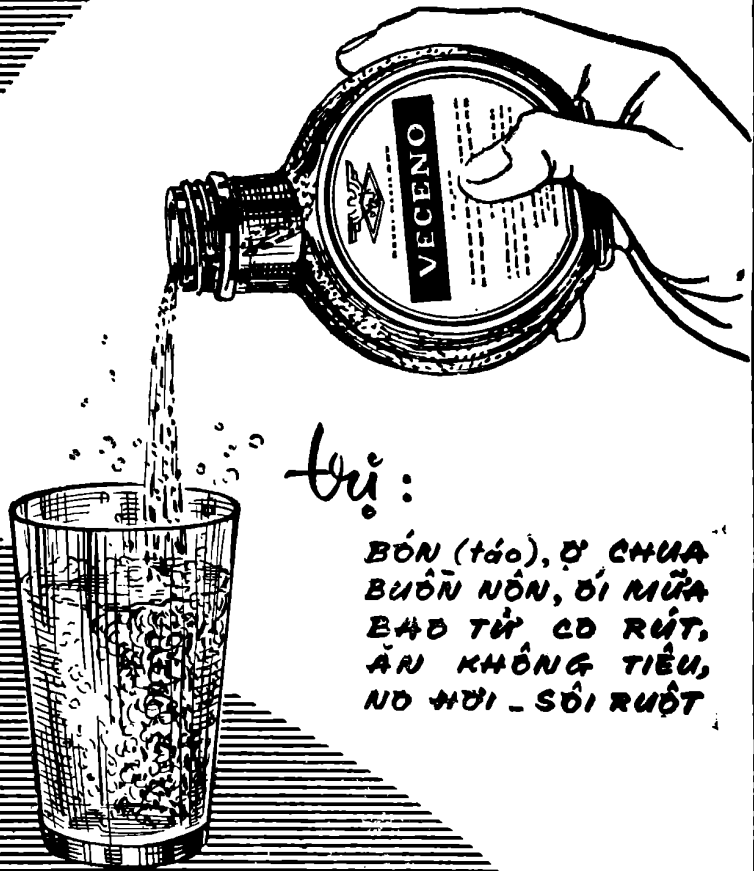
VIỆT-NAM HANG-KHÔNG



16 HUỖN HƯC SAIGON 21.629.623.626

THUỐC MUỐI SỦI TẮM

VECENO



trị:
BÓN (táo), Ợ CHUA
BUỒN NÔN, ỚI MỮA
BẠO TỬ CƠ RÚT,
ĂN KHÔNG TIÊU,
NÓ HỜI - SÔI RUỘT

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN.640.BYT/SCDP
17-1-64

VIỆN BÀO-CHẾ N.C
Dược khoa Bác-sĩ Nguyễn-chí-Nhiều
Số 2, đường Tự-Đức Saigon



In tại
Nhà in và Xuất bản HY MÃ LẬP SƠN
Số 190, đại lộ Lý thái Tò - Saigon

K.D. số 2106/B-LC
ngày 26-10-65